

Số: 90/2017/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Về việc ban hành Ngân hàng tên đường, phố và công trình
công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 191/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số 961/BC-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

1. Tên địa danh nổi tiếng, có ý nghĩa và có giá trị tiêu biểu về lịch sử - văn hóa của đất nước, của tỉnh; địa danh đã quen dùng từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân; tên địa phương kết nghĩa với tỉnh: 371.

2. Danh từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội: 09.

3. Tên di tích văn hóa, danh lam thắng cảnh có giá trị tiêu biểu của tỉnh: 22.

4. Tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng chống xâm lược có giá trị tiêu biểu của quốc gia và của tỉnh: 37.

5. Tên các danh nhân, nhân vật lịch sử tiêu biểu (sau đây gọi chung là danh nhân): 773. Trong đó:

a) Danh nhân đất nước: 442

b) Danh nhân, nhân vật lịch sử có công trạng nổi bật được suy tôn tại Thanh Hóa: 331, trong đó:

- Danh nhân, nhân vật lịch sử là người ngoài tỉnh có đóng góp cho Thanh Hóa, được suy tôn tại Thanh Hóa: 23

- Danh nhân, nhân vật lịch sử Thanh Hóa: 276

- Anh hùng lực lượng vũ trang là liệt sĩ: 18

- Anh hùng lao động: 07

- Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 07.

Tổng cộng Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng: 1.212

(kèm theo Phụ lục chi tiết)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành, tổ chức triển khai thực hiện.

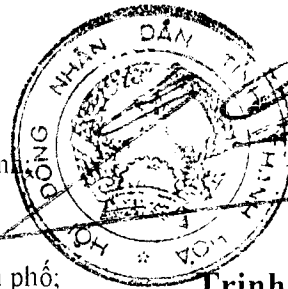
Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khóa XVII, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội, Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các Đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Chiến

PHỤ LỤC
NGÂN HÀNG ĐỊA DANH, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017

của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)



(Tổng số: 1.212 tên, trong đó 455 tên đã đặt)

I. TÊN ĐỊA DANH NỘI TIẾNG, CÓ Ý NGHĨA VÀ CÓ GIÁ TRỊ TIÊU BIỂU
VỀ LỊCH SỬ - VĂN HÓA CỦA ĐẤT NƯỚC, CỦA TỈNH THANH HÓA; ĐỊA
DANH ĐÃ QUEN DÙNG TỪ XA XƯA, ĐÃ ÁN SÂU VÀO TIỀM THỨC CỦA
NHÂN DÂN; TÊN ĐỊA PHƯƠNG KẾT NGHĨA VỚI TỈNH THANH HÓA

1. Tên địa danh nổi tiếng của đất nước

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Ba Đình	Ba Đình thuộc huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đây là cụm cứ điểm chống Pháp của nghĩa quân Cần Vương, nằm ở phía Tây Bắc huyện Nga Sơn.	Ba Đình	Đường, Công trình công cộng
2.	Cổ Loa	Cổ Loa, là Thành cổ do An Dương Vương xây dựng (khoảng năm 257 TCN) ở xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, Hà Nội. Cổ Loa là Kinh thành của nước Âu Lạc.	Cổ Loa	
3.	Hoàng Sa	Hoàng Sa (có nghĩa là bãi cát vàng): Là một quần đảo, đơn vị hành chính thuộc thành phố Đà Nẵng.	Hoàng Sa	
4.	Lam Sơn	Lam Sơn - nay thuộc xã Xuân Lam và thị trấn Lam Sơn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là đất tổ của nhà Lê, là nơi Lê Lợi dấy quân khởi nghĩa giành lại độc lập dân tộc từ tay nhà Minh.	Lam Sơn	Đường, Công trình công cộng
5.	Nam Kỳ khởi nghĩa	Nam Kỳ, là vùng đất phía Nam của Việt Nam, Đêm 22 rạng 23/11/1940, Xứ ủy Nam Kỳ lãnh đạo nhân dân nổi dậy khởi nghĩa vũ trang chống thực dân Pháp và Phát xít Nhật với khí thế mạnh mẽ và quy mô lớn.	Nam Kỳ khởi nghĩa	
6.	Pác Bó	Pác Bó, là Khu Di tích lịch sử Cách mạng, thuộc bản Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Ngày 8 tháng 2 năm 1941, khi về nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sống và làm việc ở đây.	Pác Bó	
7.	Trường Sa	Trường Sa, là Quần đảo ở biển Đông Việt Nam, gồm hệ thống các đảo thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa.	Trường Sa	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
8.	Việt Bắc	Việt Bắc, là căn cứ địa vùng chiến khu gồm 6 tỉnh (Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên) trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954).	Việt Bắc	Đường, Phó

Tổng số: 08 địa danh, trong đó đã đặt 03

2. Tên địa danh lịch sử - văn hóa tiêu biểu của tỉnh Thanh Hóa

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Bến Phà Ghép	Phà Ghép, nằm trên Quốc Lộ 1A qua địa phận 2 xã Quảng Trung (Quảng Xương) phía Bắc và Hải Châu (Tĩnh Gia) phía Nam. Trong chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Bến phà Ghép là một trong những trọng điểm đánh phá ác liệt nhất, dai dẳng nhất của máy bay tàu chiến Mỹ.	Ghép	
2.	Chiến khu Đa Ngọc	Đa Ngọc, thuộc tổng Khoái Lạc, huyện Yên Định (nay là địa bàn 3 xã Yên Giang, Yên Tâm, Yên Phú, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa). Năm 1941, được chọn làm căn cứ, địa điểm tập kết lực lượng tự vệ ở 3 phủ huyện: Thọ Xuân, Thiệu Hóa, Yên Định trước khi lên chiến khu Ngọc Trạo.	Đa Ngọc	
3.	Chiến khu Ngọc Trạo	Chiến khu Ngọc Trạo thuộc tổng Trạc Nhật (nay là xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành), là căn cứ địa Cách mạng ở phía Đông Bắc của tỉnh. Chiến khu Ngọc Trạo được thành lập tháng 7 năm 1941.	Ngọc Trạo	Công trình công cộng
4.	Di chỉ khảo cổ học Đa Bút	Đa Bút, di chỉ khảo cổ học nằm về phía Nam núi Mông Cù, làng Đa Bút (nay thuộc xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Lộc) - nơi đầu tiên phát hiện ra di chỉ khảo cổ học thuộc hậu kỳ thời đại đồ đá mới.	Đa Bút	
5.	Di chỉ khảo cổ học Quỳ Chử	Quỳ Chử là Di chỉ khảo cổ học nằm trên gò đất Đồng Cáo, làng Quỳ Chử, xã Hoàng Quỳ, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, phát hiện năm 1961.	Quỳ Chử	
6.	Di chỉ khảo cổ học Đông Sơn	Đông Sơn, di chỉ khảo cổ học phân bố khu sườn núi, ven sông và khu cuối làng Đông Sơn, thuộc phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa - được phát hiện vào năm 1924.	Đông Sơn	Đường, Công trình công cộng

7.	Di chỉ khảo cổ học Hoa Lộc	Hoa Lộc, di chỉ khảo cổ học ở huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Cuối năm 1973, tại xã Hoa Lộc đã phát hiện được di chỉ đầu tiên và điển hình cho nền văn hóa này.	Hoa Lộc	
8.	Đò Lèn	Đò Lèn, là địa danh thuộc huyện Hà Trung, là nơi "địa đầu sóng gió" của xứ Thanh nên phải chịu sự tàn phá rất ác liệt của máy bay Mỹ.	Đò Lèn	Phó
9.	Hạc Thành	Hạc Thành, tên chữ của thành phố Thanh Hóa, vào đầu thế kỷ XIX (1804), hồi lý sở còn là thành đắp đất ở xã Thọ Hạc, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Hạc Thành	Đường
10.	Làng Biện Thượng	Làng Biện Thượng thuộc xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là nơi phát tích Dòng họ Trịnh, có Phủ Trịnh - hành dinh của Trịnh Kiểm và Nghè Vệt - thờ 12 đời chúa Trịnh.	Biện Thượng	
11.	Làng Gia Miêu	Gia Miêu thuộc xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; là quê hương của Nguyễn Kim, ông tổ nhà Nguyễn, là nơi phát tích của Vương Triều Nguyễn và trở thành mảnh đất Quý hương thờ tổ tiên dòng họ Nguyễn.	Gia Miêu	
12.	Làng Hàm Hạ	Làng Hàm Hạ thuộc huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Là địa danh lịch sử của tỉnh Thanh Hóa, là nơi thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên tại Thanh Hóa - Chi bộ Hàm Hạ được thành lập ngày 25/6/1930.	Hàm Hạ	
13.	Làng Mã Cao	Mã Cao, là một làng thuộc xã Đa Ngọc, tổng Khoái Lạc (nay thuộc xã Yên Giang) huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây đã được những người lãnh đạo Phong trào Cần Vương chống Pháp hồi cuối thế kỷ XIX chọn làm nơi xây dựng căn cứ kháng chiến chống Pháp, hỗ trợ cho căn cứ Ba Đình.	Mã Cao	
14.	Làng Như Áng	Như Áng, tên làng có từ thời xưa ở xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc.	Như Áng	
15.	Làng Yên Trường	Làng Yên Trường, xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân, là nơi thành lập Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa (29/7/1930).	Yên Trường	
16.	Núi Hùng Lĩnh	Hùng Lĩnh, núi ở xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, thuộc phía Bắc sông Mã và	Hùng Lĩnh	

		làng Bồng Trung. Nơi đây vào năm 1886, được Tổng Duy Tân xây dựng căn cứ chống Pháp và đã gây cho địch nhiều tổn thất.		
17.	Núi Triệu Tường	Triệu Tường, tên một dãy núi có tên là núi Triệu Tường (còn gọi là núi Thiên Tôn) thuộc địa bàn xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là quê hương của nhà Nguyễn, được liệt kê vào hàng danh sơn của nước ta, được ghi chép trong quốc sử và được khắc trên Anh đĩnh của hệ thống Cửu đĩnh ở Thái miếu, Kinh Thành Huế.	Triệu Tường	
18.	Nghi Sơn	Nghi Sơn, tên gọi một xã đảo của huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, hiện nay gắn liền với tên gọi Khu kinh tế Nghi Sơn - khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực; khu kinh tế động lực có ý nghĩa, vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và Bắc miền Trung.	Nghi Sơn	
19.	Sân bay quân sự Sao Vàng	Sân bay quân sự Sao Vàng ra đời năm 1965, tại huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa, do yêu cầu mở rộng mặt trận trên không của Trung đoàn Không Quân 923 vào Nam Khu Bốn. Hiện nay ở vị trí này đã kết hợp cả sân bay dân dụng và Cảng hàng không Thọ Xuân.	Sao Vàng	
20.	Thành Tây Giai	Tây Giai, tên làng cổ ở xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc, là một trong 4 làng được Hồ Quý Ly chọn xây Thành đá, Kinh đô của nước Đại Ngu.	Tây Giai	

Tổng số: 20 địa danh, trong đó đã đặt 04

3. Địa danh đã quen dùng từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân các địa phương trong tỉnh

3.1. Bá Thước

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Cành Nàng	Cành Nàng (tiếng Mường) là thị trấn huyện lỵ của huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.	Cành Nàng	
2.	Cổ Lũng	Cổ Lũng, tên xã của huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ đầu tiên của cuộc Khởi nghĩa Lê Duy Mật thời Hậu Lê.	Cổ Lũng	
3.	Điền Lư	Điền Lư, tên tổng của huyện Bá Thước. Trước đây	Điền Lư	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		huyện có tên là tổng Kim Lư, năm 1862 kiêng đồng âm tên húy của Triệu tổ Nguyễn Kim nên đổi thành Điền Lư.		
4.	Đô Lung	Đô Lung, tên vùng đất huyện Bá Thước thời kỳ Bắc thuộc.	Đô Lung	
5.	Đồng Tâm	Đồng Tâm, tên địa danh thuộc xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh nằm trên tuyến Quốc lộ 217 đi Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo và tuyến Quốc lộ 15 đi các tỉnh: Hoà Bình, Sơn La, thuận lợi về giao thông, nơi giao thương buôn bán từ thời xưa.	Đồng Tâm	
6.	La Hán	La Hán, tên bản, tên cây cầu bắc qua sông Mã, thuộc huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh nổi tiếng có từ thời xa xưa.	La Hán	
7.	Lỗi Giang	Lỗi Giang, tên vùng đất Bá Thước thời Trần và là tên sông Chu thời phong kiến đoạn chảy qua địa phận các huyện Thọ Xuân, Ngọc Lặc.	Lỗi Giang	
8.	Quan Gia	Quan Gia, tên của vùng đất Bá Thước, Quan Hóa thời Lê.	Quan Gia	

Tổng số: 08 địa danh

3.2 Thị xã Bim Sơn

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Cắm La	Cắm La, tên Làng cổ, làng gốc của thị xã Bim Sơn; là địa danh nơi Đặng Quang luyện tập, chiêu mộ binh sỹ đánh thắng quân Minh trận Bồ Cô (Nam Định).	Cắm La	
2.	Chín Giếng	Chín Giếng, là tên một ngôi đền (Đền Chín Giếng), thuộc khu 5, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Đền nổi tiếng linh thiêng, phong cảnh hữu tình.	Chín Giếng	
3.	Cỏ Đam	Cỏ Đam, tên làng cổ, làng gốc của thị xã Bim Sơn	Cỏ Đam	
4.	Đèo Ba Dội	Đèo Ba Dội, là tên Nôm của Đèo Tam Điệp, chỉ con đường Thiên lý cổ thời phong kiến từ Thăng Long vào Nam, đi qua 3 đoạn đèo giữa hai tỉnh	Đèo Ba Dội	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Ninh Bình và Thanh Hóa.		
5.	Làng Gạo	Làng Gạo, tên nôm là Điền Đoài, nay thuộc xã Hà Lan, thị xã Bỉm Sơn, là nơi chứa quân lương, mà còn là nơi luyện tập, khao quân của quân Tây Sơn.	Làng Gạo	
6.	Đền Sòng Sơn	Sòng Sơn, là tên một ngôi đền (Đền Sòng Sơn), thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Tương truyền là nơi thờ Thánh mẫu Liễu Hạnh, nổi tiếng linh thiêng bậc nhất xứ Thanh.	Sòng Sơn	

Tổng số: 06 địa danh

3.3. Cẩm Thủy

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Diệu Sơn	Diệu Sơn, tên núi nằm ở xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy. Núi giống hình con cóc đang “chồm” xuống sông Mã.	Diệu Sơn	
2.	Đa Cẩm	Đa Cẩm, tên huyện Cẩm Thủy thời Lê sơ (Lê Nhân Tông 1442-1459).	Đa Cẩm	
3.	Lạc Thủy	Lạc Thủy, tên huyện Cẩm Thủy thời thuộc Minh và Lê sơ (Lê Thái Tổ 1428-1433, Lê Thái Tông 1433-1442)	Lạc Thủy	

Tổng số: 03 địa danh

3.4. Đông Sơn

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Bồ Đức	Bồ Đức, tên tổng của huyện Đông Sơn trước năm 1945.	Bồ Đức	
2.	Bôn	Bôn, tên địa danh nổi tiếng thuộc huyện Đông Sơn, cách Rừng Thông 3km về phía Đông, là thị tứ, xưa đây là một trạm dừng chân quan trọng trong chặng đường từ thị xã Thanh Hóa đến các huyện phía Tây tỉnh Thanh Hóa.	Bôn	
3.	Đông Anh	Đông Anh, tên xã thuộc huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Được biết đến với những làn điệu dân ca, dân vũ nổi tiếng như bài Đi cấy và tổ khúc Múa đèn.	Đông Anh	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
4.	Đông Dương	Đông Dương, tên gọi của vùng đất Đông Sơn thời Tùy - Đường	Đông Dương	
5.	Đông Phố	Đông Phố (Đông Pho), là ly sở của quận Cửu Chân thời Tùy. Từ thời nhà Nguyễn đến trước Cách mạng tháng Tám, thuộc tổng Thạch Khê. Hiện nay thuộc địa phận xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn.	Đông Phố	
6.	Đông Xuân	Đông Xuân, tên đơn vị hành chính xã trước khi được sát nhập vào thị trấn Rừng Thông.	Đông Xuân	
7.	Hoàng Nghiêu	Hoàng Nghiêu, là căn cứ kháng chiến của nhân dân vùng Nam Thanh Hóa, Bắc Nghệ An trong những năm 1416 đến 1421 do Nguyễn Chích lãnh đạo chống lại quân Minh xâm lược.	Hoàng Nghiêu	
8.	Phủ Cốc	Phủ Cốc, tên làng cổ của huyện Đông Sơn trước năm 1889. Ngày 22/7/1889, theo Đạo dụ của vua Thành Thái, làng Đức Thọ Vạn thuộc tổng Bồ Đức được tách ra để thành lập thị xã Thanh Hóa.	Phủ Cốc	
9.	Phượng Lĩnh	Phượng Lĩnh, là tên xưa kia của núi Rừng Thông, nơi Bác Hồ chọn dừng chân, nói chuyện với cán bộ và nhân dân tỉnh Thanh Hóa trong lần đầu tiên Người vào thăm Thanh Hóa vào ngày 20/2/1947.	Phượng Lĩnh	
10.	Quảng Chiếu	Quảng Chiếu, tên tổng của huyện Đông Sơn trước năm 1945.	Quảng Chiếu	
11.	Rừng Thông	Rừng Thông, thị trấn của huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa, là nơi đón Bác Hồ lần đầu tiên vào thăm Thanh Hóa vào ngày 20/2/1947.	Rừng Thông	
12.	Thạch Khê	Thạch Khê, tên tổng của huyện Đông Sơn trước năm 1945.	Thạch Khê	
13.	Thanh Khê	Thanh Khê, tên tổng của huyện Đông Sơn trước năm 1945.	Thanh Khê	
14.	Trường Xuân	Trường Xuân, tên gọi của kinh đô xưa: Kinh đô Trường Xuân thuộc địa phận hai xã Đông Ninh và Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Trường Xuân	
15.	Tuân Hóa	Tuân Hóa, tên tổng của huyện Đông Sơn trước năm 1945.	Tuân Hóa	
16.	Vạn Lộc	Vạn Lộc, là tên gọi cổ, đã từng được đặt cho tên của làng, tên núi, tên sông nổi tiếng của huyện	Vạn Lộc	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Đông Sơn xưa.		

Tổng số: 16 địa danh

3.5. Huyện Hà Trung

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Bái Sơn	Bái Sơn, tên làng thuộc xã Hà Tiên, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Làng có các sự kiện và phong trào Cách mạng tiêu biểu thời kỳ 1930 -1945. Làng có căn cứ chiến khu Hòa Ninh Thanh trong thời kỳ tiền khởi nghĩa.	Bái Sơn	
2.	Cồn Cỏ Ngựa	Cồn Cỏ Ngựa, là Di chỉ khảo cổ học ở xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Đây là một trong hơn 10 Di tích thuộc văn hoá Đa Bút.	Cồn Cỏ Ngựa	
3.	Dư Phát	Dư Phát, tên đơn vị hành chính thời thuộc Hán, trong đó có miền đất Hà Trung.	Dư Phát	
4.	Động Bông	Động Bông, tên làng thuộc xã Hà Tiên, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Đây là nơi đã tìm thấy nhiều hiện vật bằng đá, gốm, bằng đồng chứng minh vùng đất có người sinh sống từ lâu đời.	Động Bông	
5.	Kiến Sơ	Kiến Sơ, tên đơn vị hành chính thời Tam Quốc - Lương Tấn - Nam Bắc Triều, trong đó có vùng đất Hà Trung.	Kiến Sơ	
6.	Kim Liên	Kim Liên, là tên của một ngôi chùa nổi tiếng của huyện Hà Trung.	Kim Liên	Phổ
7.	Ly Cung	Ly Cung, là tên một Di tích thời Trần - Hồ, nơi Hồ Quý Ly cho dời cung điện từ Thăng Long vào xây dựng thuộc địa phận xã Hà Đông, huyện Hà Trung.	Ly Cung	
8.	Nhật Nam	Nhật Nam, tên đơn vị hành chính thời Tùy - Đường, trong đó có miền đất Hà Trung.	Nhật Nam	
9.	Phường Châu	Phường Châu, tên gắn với địa điểm buôn bán ngày xưa thuộc vùng đất Hà Trung.	Phường Châu	Phổ
10.	Thiên Tôn	Thiên Tôn, tên núi thuộc xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Núi có lăng Triệu Tường. Mạch núi bắt đầu từ huyện Thạch Thành như chuỗi ngọc kéo xuống, nổi lên 12 ngọn liền nhau, cỏ cây xanh tốt trông như gấm vóc.	Thiên Tôn	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
11.	Tổng Giang	Tổng Giang, tên đơn vị hành chính huyện Hà Trung thời Trần, đến thời thuộc Minh vẫn thế.	Tổng Giang	
12.	Tổng Sơn	Tổng Sơn, tên đơn vị hành chính huyện Hà Trung từ thời Lê.	Tổng Sơn	
13.	Vỹ Liệt	Vỹ Liệt, tên làng thuộc xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, làng có các sự kiện tiêu biểu thời kỳ Cần Vương và phong trào Cách mạng thời kỳ từ 1930 -1945.	Vỹ Liệt	

Tổng số: 13 địa danh, trong đó đã đặt 02

3.6. Hậu Lộc

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Chi Nê	Làng Chi Nê, xã Cầu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là nơi chuyên cung cấp rượu cho các quan lại trong triều và các sỹ quan cao cấp của quân đội Pháp, nay nổi tiếng với rượu Chi Nê.	Chi Nê	
2.	Duy Tinh	Duy Tinh, tên địa danh cổ thuộc xã Văn Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, trước đây từng là Lý sở (hay trấn lý) trung tâm chính trị, kinh tế của xứ Thanh thời Lý – Trần.	Duy Tinh	
3.	Diêm Phố	Làng Diêm Phố, địa danh của huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây có truyền thống làm nghề đánh cá biển và chế biến hải sản lâu đời.	Diêm Phố	
4.	Hanh Cù	Làng Hanh Cù, nay thuộc xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Làng có nhiều sự kiện và phong trào Cách mạng tiêu biểu thời kỳ 1930-1945.	Hanh Cù	
5.	Hòn Nẹ	Đảo Nẹ, tên một hòn đảo nằm trên địa phận huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.	Nẹ Sơn	
6.	Phong Lộc	Phong Lộc, tên huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa thời Nguyễn. Đầu triều Nguyễn, năm Gia Long thứ 2 (1803) kiêng chữ Thuận (tên húy của chúa Nguyễn Phúc Thuận) nên đổi là huyện Phong Lộc nay là huyện Hậu Lộc.	Phong Lộc	
7.	Phú Điền	Đình Phú Điền, là một Di tích Kiến trúc nghệ thuật được xếp hạng là Di tích Quốc gia đặc biệt thuộc Khu Di tích Bà Triệu.	Phú Điền	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
8.	Tất Tác	Tất Tác, tên làng thuộc xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, nơi có nghề rèn truyền thống và nổi tiếng với các thế hệ rèn tài ba, sản xuất ra nhiều mặt hàng sắt có chất lượng cao.	Tất Tác	
9.	Thông Bình	Thông Bình, tên huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa có từ thời Trần, Hồ về trước.	Thông Bình	
10.	Thông Ninh	Thông Ninh, tên huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa thời kỳ thuộc Minh.	Thông Ninh	
11.	Thuần Hựu	Thuần Hựu, tên huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa đầu thời Lê.	Thuần Hựu	
12.	Thuần Lộc	Thuần Lộc, tên huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa dưới thời Lê Trung hưng. Do kiêng húy Chân tông Duy Hựu, nên đổi là huyện Thuần Lộc, nay là huyện Hậu Lộc.	Thuần Lộc	

Tổng số : 12 địa danh

3.7. Hoằng Hóa

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Băng Sơn	Băng Sơn, tên núi ở xã Hoằng Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Tương truyền vào thời Lý là nơi Thượng tướng quân Lê Phụng Hiểu ném đao.	Băng Sơn	
2.	Bút Sơn	Bút Sơn, tên một thị trấn của huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa được thành lập ngày 14/9/1989, nằm bên Quốc lộ 10.	Bút Sơn	
3.	Cổ Đăng	Cổ Đăng, tên vùng đất huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thời Lý, Trần.	Cổ Đăng	
4.	Cổ Hoằng	Giáp Cổ Hoằng, là tên vùng đất Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thời Đinh, Lê, Lý.	Cổ Hoằng	
5.	Cổ Linh	Cổ Linh, là tên của huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thời Hồ.	Cổ Linh	
6.	Còn Ba Cây	Còn Ba Cây, thuộc xã Hoằng Thắng, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, gắn với sự kiện lịch sử giai đoạn 1930 - 1945.	Còn Ba Cây	
7.	Còn Má	Còn Má Nhón, thôn Đăng Trung, xã Hoằng	Còn Má	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
	Nhón	Đạo, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Tại đây vào ngày 24/7/1945 lực lượng tự vệ phục kích đã bắt sống tri phủ Phạm Trọng Bào và toàn bộ lính Bảo an trong cuộc Khởi nghĩa giành chính quyền Tháng Tám năm 1945.	Nhón	
8.	Hoằng Bột	Hoằng Bột, tên làng cổ thuộc xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hóa. Đây là làng có truyền thống học hành khoa cử tiêu biểu trong tỉnh.	Hoằng Bột	
9.	Lạch Trường	Lạch Trường, tên một con sông (sông Lạch Trường) ngày nay là dòng chính của sông Mã. Nơi đây diễn ra những sự kiện lịch sử tiêu biểu thời kỳ chống Mỹ cứu nước, đặc biệt là chiến công của Hải quân Việt Nam ngày 05/08/1964.	Lạch Trường	
10.	Phú Khê	Phú Khê, là tên một ngôi đình (đình Phú Khê) thuộc làng Phú Khê xã Hoằng Phú, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Là Di tích lịch sử Văn hóa đã được xếp hạng cấp Quốc gia.	Phú Khê	
11.	Trì Trọng	Trì Trọng, tên làng thuộc xã Hoằng Quý, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây có đền Mã Cương, thờ Lê Phụng Hiểu, một danh tướng thời Lý.	Trì Trọng	

Tổng số: 11 địa danh

3.8. Lang Chánh

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Châu Lang	Châu Lang là tên cũ của huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa thời phong kiến (phủ Châu Lang)	Châu Lang	
2.	Pù Rinh	Pù Rinh, là tên một ngọn núi ở xã Giao Thiện, Giao An, Trí Nang, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa, nơi nghĩa quân Lam Sơn đóng quân.	Pù Rinh	
3.	Núi Chí Linh	Chí Linh, là căn cứ của Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.	Chí Linh	
4.	Lương Ngọc	Lương Ngọc là tên của huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa trước khi chia tách.	Lương Ngọc	

Tổng số: 04 địa danh

3.9. Mường Lát

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Quan Da	Quan Da là tên Châu của huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa ngày xưa (Châu Quan Da).	Quan Da	
2.	Lục Canh	Lục Canh là tên Tổng ngày xưa của huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, trong đó có 4 Mường: Mường Lát, Mường Lý, Mường Ai và Mường Chiều.	Lục Canh	
3.	Thanh Đô	Thanh Đô- phủ Thanh Đô, thuộc năm Minh Mệnh thứ 10 năm 1839 của huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.	Thanh Đô	
4.	Sài Khao	Sài Khao, tên một địa danh nổi tiếng thuộc huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Địa danh xuất hiện trong Bài thơ Tây Tiến của nhà thơ Quang Dũng.	Sài Khao	

Tổng số: 04 địa danh

3.10. Nga Sơn

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Hung Long	Hung Long là tên gọi của một con sông, một công trình thủy lợi lớn của tỉnh, nằm ở trung tâm thị trấn huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Hung Long	Đường
2.	Mậu Tài	Mậu Tài, tên gọi xưa của xã Nga Mỹ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, được tách ra sau khi thành lập thị trấn Nga Sơn.	Mậu Tài	Đường
3.	Từ Thức	Động Từ Thức, là một hệ thống hang động núi đá vôi với nhiều nhũ đá được gắn liền với truyền thuyết Từ Thức gặp tiên. Động nằm trên địa bàn xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Từ Thức	Đường
4.	Yên Hạnh	Yên Hạnh, là một trong những làng cổ của huyện Nga Sơn, được thành lập từ thời Tiền Lê (thế kỷ X) do Mai Hoa khai phá.	Yên Hạnh	Đường
5.	Yên Ninh	Yên Ninh, là tên gọi làng cổ của Xã Nga Yên	Yên Ninh	Đường

Tổng số: 05 địa danh, trong đó đã đặt 05

3.11. Ngọc Lặc

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên đề nghị	Đã đặt
-----	--------------	-----------------	-------------	--------

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên đề nghị	Đã đặt
1.	Bàn Bù	Bàn Bù, gắn với Danh thắng hang Bàn Bù, xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa là địa danh gắn liền với giai đoạn lịch sử của Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn.	Bàn Bù	
2.	Bắc Sơn	Bắc Sơn, là địa danh thuộc xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Nơi thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên (chi bộ Bắc Sơn) và là tiền thân của Đảng bộ huyện Ngọc Lặc ngày nay.	Bắc Sơn	
3.	Đồi Tô	Đồi Tô, là một địa danh trong truyền thuyết sử Thi Đê đất Đê nước, thuộc làng Lú Khoen, xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa; là nơi Bà Dạ Dần dạy cho con người biết trồng dâu nuôi tằm, quay tơ dệt vải.	Đồi Tô	
4.	Núi Sắt	Núi Sắt, thuộc xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Là nơi Lê Lợi cùng nghĩa quân Lam Sơn rút chạy được nhân dân ở đây giúp đỡ, tên núi Sắt là do Lê Lợi đặt.	Núi Sắt	
5.	Phố Cống	Phố Cống, tên một con phố thuộc khu vực huyện lỵ (có từ lâu đời) của huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.	Phố Cống	Phố
6.	Phố Châu	Phố Châu, thủ phủ cũ của huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.	Phố Châu	Phố
7.	Phù Hương	Phù Hương, một dãy núi thuộc xã Phúc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, gắn liền với giai đoạn lịch sử của Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn.	Phù Hương	
8.	Phúc Thành	Phúc Thành thuộc xã Ngọc Sơn, Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Là địa điểm Cách mạng, nơi đây lực lượng khởi nghĩa huyện Ngọc Lặc tập trung và giành chính quyền tại Châu Đường, làng Mèn, xã Minh Sơn.	Phúc Thành	
9.	Rồng Trỏ	Rồng Trỏ, núi thuộc xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Gắn liền với sự tích rồng bị thương chạy xuyên qua dãy núi tạo thành lỗ thủng hình tròn, có đường kính rộng 20m và dân gian đặt cho tên núi là núi Rồng Trỏ.	Rồng Trỏ	
10.	Voi Quỳ	Voi Quỳ, là địa danh thuộc xã Cao Ngọc, huyện	Voi Quỳ	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên đề nghị	Đã đặt
		Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Là khu vực được Lê Lợi chọn làm tuyến đường bí mật để vận chuyển vũ khí, quân lương, tăng cường viện trợ cho nghĩa quân Lam Sơn trong thời gian diễn ra Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn.		

Tổng số: 10 địa danh, trong đó đã đặt tên 01

3.12. Như Thanh

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Ba Cồn	Ba Cồn, Khu căn cứ Cách mạng thuộc xã Yên Lạc, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa. Là Trung tâm chỉ huy căn cứ Cách mạng khởi nghĩa chống thực dân Pháp.	Ba Cồn	
2.	Bến Sung	Bến Sung, tên gọi của huyện lỵ Như Thanh, nay là thị trấn Bến Sung (được thành lập năm 2002), huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.	Bến Sung	
3.	Hải Vân	Hải Vân, tên xã của huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa. Là địa danh nơi có Lò cao kháng chiến Hải Vân, nơi luyện gang chế tạo ra súng Bazoka, chảo, nồi quân dụng, quả tạ để phục vụ cuộc kháng chiến chống Pháp.	Hải Vân	
4.	Khe Ròng	Khe Ròng - thuộc thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa. Tên gọi thân quen có từ thế kỷ XIX, đã ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân địa phương.	Khe ròng	
5.	Na Sơn	Na Sơn, thuộc xã Xuân Du, huyện Như Thanh. Là tên một Di tích thắng cảnh nổi tiếng của Xứ Thanh, nằm bên dưới chân núi Nưa (nơi danh tướng Triệu Thị Trinh dấy binh đánh tan quân Đông Ngô xâm lược).	Na Sơn	
6.	Phúc Toàn	Phúc Toàn, thuộc xã Xuân Phúc, Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa. Là nơi diễn ra sự kiện nhân dân đã treo cờ chống lại phát xít Nhật năm 1942.	Phúc Toàn	

Tổng số: 06 địa danh

3.13. Như Xuân

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Bãi Trành	Bãi Trành, tên nông trường được thành lập năm 1961 (Nông trường Bãi Trành), xã Bãi Trành huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.	Bãi Trành	
2.	Đồng Ót	Đồng Ót, là khu An toàn khu Đồng Ót, xã Yên Cát (nay là xã Hóa Quý), là nơi thành lập Đảng bộ huyện Như Xuân.	Đồng Ót	
3.	Gò Ai	Gò Ai, thuộc thôn Thăng Sơn, xã Yên Lễ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Tại đây, ngày 31/5/1950 đã diễn ra Đại hội lần thứ nhất của Đảng bộ huyện Như Xuân.	Gò Ai	

Tổng số: 03 địa danh

3.14. Nông Công

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Chuối	Chuối, là thị trấn của huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa, được thành lập năm 1987 trên cơ sở một phần diện tích và dân số của các xã Vạn Thiện, Vạn Hòa và Minh Thọ.	Chuối	
2.	Đông Hòa	Đông Hòa, tên một Tiểu khu thuộc thị trấn Nông Công, tỉnh Thanh Hóa được hình thành từ năm 1991.	Đông Hòa	Phố
3.	Hợp Nhất	Hợp Nhất, được hình thành từ năm 1991, khi cư dân các nơi trong và ngoài tỉnh về đây sinh sống và hình thành tên gọi này (trước đây thuộc thôn Bái Đa, xã Vạn Hòa), nay thuộc thị trấn Nông Công, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.	Hợp Nhất	Phố
4.	Minh Tân	Minh Tân, tên gọi được hình thành từ khi thị trấn Nông Công được thành lập (từ trước năm 1991).	Minh Tân	Phố
5.	Nam Giang	Nam Giang, tên một vùng đất nằm ở phía bờ Nam sông Yên (sông Chuối) được đặt tên năm 1991 sau khi thành lập thị trấn Nông Công, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.	Nam Giang	Đường
6.	Nam Tiến	Nam Tiến, tên một đoạn đường dài 500m từ ngã ba Chuối đến Núi Nhén, qua tiểu khu Nam Tiến và	Nam Tiến	Đường

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		tiểu khu Xuân Hòa. Đây là điểm khởi đầu của tuyến đường Quốc lộ 15B (nay là tỉnh lộ 505), nơi Bộ đội ta hành quân và vận chuyển lương thực, vũ khí vào chiến trường miền Nam đánh Mỹ.		
7.	Xuân Hòa	Xuân Hòa, tên một tiểu khu dân cư có từ trước khi thành lập thị trấn Nông Công (trước đây thuộc làng Cộng Hòa, xã Vạn Thiện).	Xuân Hòa	Phổ
8.	Yên Mỹ	Yên Mỹ, tên một nông trường trên địa bàn huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa	Yên Mỹ	

Tổng số: 08 địa danh, trong đó đã đặt 06

3.15. Quan Hóa

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Co Phường	Co Phường, là địa danh thuộc Bản Sại, xã Phú Lê. Hang Co Phường là kho trạm quân lương cũng là nơi trú quân của bộ đội, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.	Co Phường	
2.	Đỉnh Hin Phăng	Đỉnh Hin Phăng, tên dãy núi ở xã Tam Chung, huyện Quan Hóa. Đỉnh cao trên 1000m.	Hin Phăng	
3.	Hồi Xuân	Hồi Xuân, là một xã thuộc huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	Hồi Xuân	
4.	Lục Canh	Lục Canh, tên tổng của châu Quan Hóa trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945.	Lục Canh	
5.	Lũng Mu	Lũng Mu, địa danh thuộc xã Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá. Nơi đây có hang động ở gần đỉnh núi, trong hang còn nhiều mảnh quan tài bằng thân cây khoét rỗng hình thuyền được xếp theo từng lớp.	Lũng Mu	
6.	Mường Ca Da	Mường Ca Da, tên một Mường lớn của huyện Quan Hóa, là một trong bốn Mường tiêu biểu cho không gian văn hóa của người Thái ở miền núi Thanh Hóa.	Mường Ca Da	
7.	Pha Pu Luông	Pha Pu Luông, tên một ngọn núi, thuộc xã Hồi Xuân là điểm quan trọng trong kháng chiến chống	Pha Pu Luông	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		giặc Pháp.		
8.	Pha U Hồ	Pha U Hồ, thuộc Bản En, Bản Páng xã Phú Thanh, nơi đây dân quân xã Phú Lệ (cũ) xây dựng trận địa bắn máy bay Mỹ, và đã bắn rơi 01 chiếc F105 (năm 1964), góp phần khích lệ tinh thần chiến đấu của nhân dân các dân tộc trong tỉnh.	Pha U Hồ	
9.	Phan Thanh	Phan Thanh, thuộc thị trấn Quan Hóa, là địa danh nơi người thầy giáo đầu tiên (quê Quảng Ngãi) có công dạy chữ cho đồng bào các dân tộc trong khu vực xã Hồi Xuân.	Phan Thanh	
10.	Phú Lệ	Xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa là nơi có Hang Co Phường - Di tích lịch sử cách mạng.	Phú Lệ	
11.	Suối Sia	Suối Sia, lưu giữ những chiến công mà nhân dân các dân tộc sống trên địa bàn của hai tỉnh Thanh Hóa và Hòa Bình vận chuyển quân lương lên phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ.	Suối Sia	
12.	Vạn Mai	Vạn Mai, xã thuộc huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình nơi giáp với huyện Quan Hóa. Đây là nơi giao lưu kinh tế, văn hóa - xã hội của nhân dân hai tỉnh Thanh Hóa và Hòa Bình trong thời chiến cũng như thời bình.	Vạn Mai	

Tổng số: 12 địa danh

3.16. Quan Sơn

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên đề nghị	Đã đặt
1.	Bỏ Cúng	Bỏ Cúng, là một hang động ở Bản Chanh, xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Nơi có vẻ đẹp hoang sơ và kỳ vĩ với những “lâu đài” thạch nhũ và cảnh quan hùng vĩ làm say đắm lòng người.	Bỏ Cúng	
2.	Mường Xia	Mường Xia, thuộc xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Vùng đất gắn với truyền thuyết về tướng quân Tư Mã Hai Đào, hiện nay vẫn còn Đền thờ của Ông; nơi có hòn đá vĩa nổi tiếng.	Mường Xia	
3.	Na Mèo	Na Mèo thuộc huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh	Na Mèo	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên đề nghị	Đã đặt
		Hóa, tên vùng đất biên giới, nơi có Cửa khẩu quốc tế Việt Nam - Lào (Cửa khẩu quốc tế Na Mèo).		
4.	Quan Da	Quan Da, tên của huyện Quan Sơn và Quan Hóa từ thời Lê, đến năm Minh Mệnh thứ 16 (1835) đổi thành Châu Quan Hóa. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đổi thành huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	Quan Da	
5.	Quang Chiêu	Quang Chiêu, tên tổng của Châu Quan Hóa trước năm 1945, nay là địa bàn xã Quang Chiêu, huyện Quan Sơn.	Quang Chiêu	
6.	Suối Sim	Suối Sim, tên con suối ở huyện Quan Sơn; bắt nguồn từ Lào, qua Mường Chanh, Quang Chiêu, Tén Tàn và đổ vào sông Mã.	Suối Sim	
7.	Sông Luồng	Sông Luồng, tên một con sông nằm trên địa bàn huyện Quan Sơn, là nhánh đầu nguồn của Sông Mã, chảy theo hướng Tây - Đông.	Sông Luồng	

Tổng số: 07 địa danh

3.17. Quảng Xương

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Đa Lộc	Đa Lộc là xã thuộc tổng Thủ Hộ từ đầu thế kỷ XIX đến thời Đồng Khánh (1885-1889). Nay là phần đất của hai làng: Phúc Tài và Lộc Thành thuộc xã Quảng Lợi, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.	Đa Lộc	
2.	Đắc Thọ	Đắc Thọ là tên gọi chung của hai làng Đắc Thọ và Tân Thượng từ đầu thế kỷ XIX đến thời Đồng Khánh. Đến năm 1948, tách thành 2 thôn Đắc Thọ và Tân Thượng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.	Đắc Thọ	
3.	Lưu Vệ	Lưu Vệ, tên thị trấn, trung tâm huyện lỵ thuộc huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Lưu Vệ	
4.	Môi	Môi, địa danh có từ thời Pháp thuộc là nơi giao nhau trọng yếu của trục đường bộ từ Thành phố Thanh Hóa đi Sầm Sơn và huyện lỵ Quảng Xương.	Môi	
5.	Phà Ghép	Phà Ghép, thuộc xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, nơi diễn ra những	Phà Ghép	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		sự kiện tiêu biểu thời kỳ chống Mỹ, cứu nước.		
6.	Thượng Đình	Thượng Đình, làng thuộc xã Quảng Định, Quảng Xương, có nghề truyền thống trồng và sản xuất thuốc Lào ngon, nổi tiếng khắp vùng.	Thượng Đình	

Tổng số: 06 địa danh

3.18. Thạch Thành

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	đã đặt
1.	Cổ Tế	Cổ Tế, tên Bến phà (cũng là tên một làng cổ - Làng Cổ Tế). Trong chiến tranh phá hoại lần thứ nhất (1965 - 1968) Bến phà đã được Trung đội trực chiến cùng nhân dân xã Thạch Long, huyện Thạch Thành đã bắn hạ máy bay Mỹ, bảo vệ vững chắc bến phà và huyết mạch giao thông Bắc - Nam, chi viện cho tiền tuyến lớn.	Cổ Tế	
2.	Đại Định	Đại Định, làng cổ thuộc Trang Bến Vàng thời phong kiến, nay là một phần của xã Thạch Định, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.	Đại Định	
3.	Kim Tân	Kim Tân, thị trấn của huyện Thạch Thành, được thành lập năm 1990, trên cơ sở một phần diện tích tự nhiên và dân số của các xã Thành Kim và Thành Hưng.	Kim Tân	
4.	Mường Đủ	Mường Đủ, thuộc xã Thạch Bình tên gọi một Mường gốc trong các Mường của huyện Thạch Thành.	Mường Đủ	
5.	Mỹ Tân	Mỹ Tân, tên gọi một làng cổ thuộc xã Thành Kim, được tách ra để thành lập thị trấn Kim Tân (1990), huyện Thạch Thành.	Mỹ Tân	
6.	Phổ Cát	Phổ Cát, thuộc xã Thành Vân, huyện Thạch Thành là đầu mối giao thông từ xưa của Thanh Hóa đi Ninh Bình và các tỉnh Tây - Bắc nước ta, nơi có Đền Sòng nổi tiếng với truyền thuyết Thánh mẫu Liễu Hạnh giáng trần.	Phổ Cát	
7.	Phú Sơn	Phú Sơn, tên làng có từ xưa, thuộc xã Thành Kim, huyện Thạch Thành, năm 1990 được chia tách để thành lập thị trấn Kim Tân.	Phú Sơn	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
8.	Sông Bưởi	Sông Bưởi, tên một con sông lớn chảy dài qua huyện Thạch Thành từ xã Thạch Lâm xuống Thạch Long, chia các xã trên địa bàn huyện thành 02 vùng bắt đầu từ chữ “Thạch” và chữ “Thành”.	Sông Bưởi	
9.	Trường Cát	Trường Cát, tên gọi của một làng cổ từ xa xưa, sau được gọi tên cho một Tổng lớn của huyện Thạch Thành gọi là Tổng Trường Cát.	Trường Cát	

Tổng số: 09 địa danh

3.19. Thành phố Sầm Sơn

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Bình Tân	Bình Tân, tên xã của Sầm Sơn trước năm 1945	Bình Tân	
2	Cô Tiên	Đã có trích yếu lý lịch ở mục: Tên danh lam thắng cảnh tiêu biểu của tỉnh Thanh Hóa	Cô Tiên	
3	Cung Thượng	Cung Thượng, tên tổng của vùng đất Sầm Sơn trước năm 1945, trước đó tên tổng là Kinh Thượng.	Cung Thượng	
4	Độc Cước	Độc Cước, là tên một ngôi đền thuộc địa phận thành phố Sầm Sơn, đây là Di tích lịch sử văn hóa nổi tiếng, được xếp hạng Di tích lịch sử cấp Quốc gia.	Độc Cước	
5	Giặc Thượng	Giặc Thượng, tên tổng của vùng đất Sầm Sơn trước năm 1945.	Giặc Thượng	
6	Kính Thượng	Kính Thượng, tên tổng của vùng đất Sầm Sơn trước năm 1945, trước đó tên tổng là Giặc Thượng.	Kính Thượng	
7	Lạch Hới	Lạch Hới, thuộc phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn - là địa danh lịch sử Cách mạng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Là điểm tập kết đón đồng bào, cán bộ chiến sĩ và học sinh miền Nam tập kết ra Bắc theo sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Bác Hồ.	Lạch Hới	
8	Lương Niệm	Lương Niệm, tên một trong những xã, thôn của tổng Cung Thượng, huyện Quảng Xương và là tên xã của vùng đất Sầm Sơn sau năm 1945.	Lương Niệm	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
9	Nam Sông Mã	Sông Mã, địa danh chỉ phần đất nằm phía Nam của bờ Sông Mã, hiện ở đây có con đường chạy qua phía này nên gọi là Đường Nam Sông Mã.	Nam Sông Mã	Đường
10	Khanh Tiên	Khanh Tiên, tên gọi có từ xa xưa ăn sâu vào tiềm thức nhân dân địa phương.	Khanh Tiên	Đường
11	Tiên Lợi	Tiên Lợi, tên gọi có từ xa xưa ăn sâu vào tiềm thức nhân dân địa phương.	Tiên Lợi	Đường
12	Thành Thắng	Thành Thắng, tên gọi từ xa xưa của nhân dân ăn sâu vào tiềm thức nhân dân địa phương.	Thành Thắng	Đường
13	Thu Hào	Thu Hào, tên gọi từ xa xưa của nhân dân ăn sâu vào tiềm thức nhân dân địa phương.	Thu Hào	Đường
14	Triều Thanh	Triều Thanh, tên xã của Sầm Sơn trước năm 1945.	Triều Thanh	Đường
15	Trường Lệ	Trường Lệ, tên một làng thuộc vùng đất Sầm Sơn trước thế kỷ XX, khi Sầm Sơn chưa xuất hiện trên bản đồ địa lý Việt Nam.	Trường Lệ	Đường
16	Vinh Sơn	Vinh Sơn, tên khu phố, vốn là xóm Sơn thuộc xã Quảng Vinh, nay là phường Quảng Vinh nơi đây Bác Hồ từng về thăm và kéo lưới đánh cá với ngư dân ngày 18/7/1960.	Vinh Sơn	

Tổng số: 16 địa danh, trong đó đã đặt 07

3.20. Thành phố Thanh Hóa

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	An Biên	An Biên, tên làng cổ, vùng đất cổ của Thành phố Thanh Hóa.	An Biên	Đường
2.	Ái Sơn	Ái Sơn, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa.	Ái Sơn	Đường
3.	Bào Ngoại	Bào Ngoại, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa. Làng có 4 xóm: Đông, Tây, Nam, Bắc.	Bào Ngoại	Đường
4.	Bào Nội	Bào Nội, tên làng Việt cổ, nay có 2/3 diện tích làng Bào Nội thuộc phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa.	Bào Nội	Đường
5.	Bến Ngự	Bến Ngự, nằm trên Sông Lò Chum thuộc	Bến Ngự	Phố

		phường Trường Thi ngày nay, gắn với việc các vua nhà Nguyễn như: Minh Mệnh, Thành Thái, Khải Định... mỗi lần về thăm quê tổ Triệu Tường (Hà Trung - Thanh Hóa) đi thuyền rồng từ sông Mã rẽ vào sông Lò Chum đến bến này thì dừng lại, lên kiệu vào hành cung trấn thành Thanh Hóa.		
6.	Bến Than	Bến Than, nơi Công ty Than thị xã Thanh Hóa tập kết than chở từ Quảng Ninh về cung cấp chất đốt vật liệu xây dựng thời kì 1975 - 1990.	Bến Than	
7.	Bồ Vệ	Bồ Vệ, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.	Bồ Vệ	Đường
8.	Cánh Tiên	Cánh Tiên, tên núi nằm trong dãy núi Hàm Rồng, nay gọi là đồi Quyết Thắng, thuộc Phường Hàm Rồng, Thành phố Thanh Hóa.	Cánh Tiên	Đường
9.	Cắm Bào Nội	Cắm Bào Nội, tên làng cổ của huyện Đông Sơn trước năm 1889 nay thuộc Thành phố Thanh Hóa.	Cắm Bào	Đường
10.	Chùa Đại Bi	Chùa Đại Bi ở thôn Mật Sơn xã Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, do vua Lê Huyền Tông lập lên để thờ vua cha và các vị Thánh Mẫu.	Đại Bi	Đường
11.	Chùa Hội Quán	Chùa Hội Quán, thời thuộc Pháp gọi là Hoa thương Hội quán, nơi đây vào ngày song thất 7/7/1939 đã diễn ra cuộc diễn thuyết kêu gọi ủng hộ nhân dân Trung Quốc kháng Nhật cả về tinh thần và vật chất.	Hội Quán	Đường
12.	Chùa Quảng Hóa	Chùa Quảng Hóa, ngôi chùa có từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, thuộc Thành phố Thanh Hóa.	Quảng Hóa	Đường
13.	Chùa Tăng Phúc	Chùa Tăng Phúc, chùa có phong cảnh đẹp, nằm trên địa bàn phường Đông Cương, Thành phố Thanh Hóa.	Tăng Phúc	Đường
14.	Cốc Hạ	Cốc Hạ, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa. Làng có 3 xóm: Một, Hai, Ba.	Cốc Hạ	Đường
15.	Cột Cờ	Cột Cờ, là kỳ đài, dịch ra quốc ngữ là Cột Cờ, nay là Phường Tân Sơn, Thành phố Thanh Hóa.	Cột Cờ	Phố
16.	Cửa Hậu	Cửa Hậu, nằm ở phía Bắc trấn thành Thanh Hóa.	Cửa Hậu	Phố

		Nay thuộc Phường Đông Thọ, Thành phố Thanh Hóa		
17.	Cửa Hữu	Cửa Hữu, nằm ở phía Tây trấn thành Thanh Hóa. Nay thuộc Phường Tân Sơn, Thành phố Thanh Hóa	Cửa Hữu	Phố
18.	Cửa Tả	Cửa Tả, nằm ở Đông trấn thành Thanh Hóa. Nay thuộc Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa	Cửa Tả	Phố
19.	Cửa Tiên	Cửa Tiên, nằm ở phía Nam trấn thành Thanh Hóa. Nay thuộc Phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa	Cửa Tiên	Phố
20.	Dốc Ga	Dốc Ga, tên trước ngày chống Mỹ cứu nước. Nay là Ga Thanh Hóa, nằm trên đường Dương Đình Nghệ, Phường Tân Sơn, Thành phố Thanh Hóa.	Dốc Ga	Phố
21.	Dương Xá	Làng Dương Xá, xã Thiệu Dương, nay thuộc thành phố Thanh Hóa, nơi lưu giữ Dấu tích thành Tư Phố, sau đó là thành Dương Xá - đô thị cổ của Thanh Hóa.	Dương Xá	
22.	Đại Khối	Đại Khối, là tên làng từ thế kỷ XIX, xưa có tên là Đại Côi.	Đại Khối	Đường
23.	Đàn Xã Tắc	Đàn Xã Tắc, nay thuộc phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa, là một trong các loại đàn tế cổ, được các vị Vua cho lập để tế Xã thần (Thần Đất) và Tắc thần (tức Thần Nông) - hai vị thần của nền văn minh lúa nước.	Đàn xã Tắc	Phố
24.	Đình giáp Đông	Đình Giáp Đông, tên ngôi đình của làng Đức Thọ Vạn - thờ tổ sư nghề gốm, sinh hoạt chung của làng, nay thuộc phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa.	Giáp Đông	
25.	Đình Hương	Đình Hương, tên làng cổ được chia tách từ làng Định Hương, nay thuộc xã Đông Cương, thành phố Thanh Hóa.	Đình Hương	Đường
26.	Định Hòa	Định Hòa, là tên làng hiện nay, trước kia là Định Hương, trên đường thiên lý từ Nam ra Bắc, nay thuộc phường Đông Cương, thành phố Thanh Hóa.	Định Hòa	Đường
27.	Đoan Hùng	Đoan Hùng, vùng đất của hợp tác xã Mạnh trúc Đoan Hùng đã làm tròn nhiệm vụ bảo vệ tính mạng tài sản của xã viên, đảm bảo con em xã viên được học tập trưởng thành ở nơi sơ tán.	Đoan Hùng	Đường
28.	Đồng Cuốn	Đồng Cuốn, tên gọi thể hiện một tập quán canh	Đồng	Đường

		tác đồng ruộng lần lượt từ xa đến gần.	Cuốn	
29.	Đồi C4	Đồi C4, là một khúc của núi Rồng, nằm sát đầu rồng. Nơi đây là nổi kinh hoàng của phi công Mỹ khi bắn phá cầu Hàm Rồng. Đồi C4 có tên từ đó.	Đồi C4	Đường
30.	Đồi C5	Đồi C5, vốn là đồi không tên, từ khi đại đội 5 (E228) đến trấn giữ để bắn máy bay trong chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ bảo vệ cầu Hàm Rồng, nhân dân thường gọi là đồi C5.	Đồi C5	Đường
31.	Đồi Quyết Thắng	Đồi Quyết Thắng, trước kia có tên là núi Cảnh Tiên, trên đỉnh núi có bố trí một trận địa phòng không để bảo vệ cầu Hàm Rồng, từ trên cao lưới lửa phòng không giăng đầy trời, khiến những “Thần Sấm, Con Ma” của Mỹ bị cháy tan xác.	Quyết Thắng	Đường
32.	Đông Hương	Đông Hương, là một phường thuộc thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	Đông Hương	Phường
33.	Đồng Khoai	Đồng Khoai, tên vùng đất chuyên trồng khoai lang, thu hoạch nhiều chất lượng ngon. Nay thuộc xã Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa	Đồng Khoai	Đường
34.	Đông Khối	Đông Khối, nơi có Di chỉ khảo cổ học tại thôn Đông Khối, xã Đông Cương, thành phố Thanh Hóa, là công xưởng chế tác đồ đá có niên đại thuộc hậu kỳ thời đại đồ đá mới.	Đông Khối	Đường
35.	Đông Lĩnh	Đông Lĩnh, tên ấp của Giáp Đông Phố, trấn lỵ Thanh Hóa (đầu thế kỷ XIX).	Đông Lĩnh	Phường
36.	Đông Phát	Đông Phát, khu dân cư được hình thành vào thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI, thuộc phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.	Đông Phát	Đường
37.	Đông Quang	Đông Quang, khu dân cư của làng Đông Sơn chuyển ra ở hẳn trong kháng chiến chống Pháp để thuận tiện canh tác ruộng đồng.	Đông Quang	Đường
38.	Đông Tác	Đông Tác, tên Làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa.	Đông Tác	Đường
39.	Đông Thổ	Đông Thổ, tên cổ xưa của làng. Thành ngữ "Đông Thổ cứng đầu" nói lên tính cách của người làng từ xa xưa chống lại bọn quan lại phong kiến, hương lý cường hào áp bức dân chúng.	Đông Thổ	Đường
40.	Đồng Lê	Đồng Lê, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa.	Đồng Lê	Đường

41.	Đồng Lục	Đồng Lục, địa điểm Hợp tác xã mũ Đồng Lục quy tụ về sau đại thắng Mùa Xuân năm 1975.	Đồng Lục	
42.	Đồng Minh	Đồng Minh, tên Hợp tác xã dệt chiếu cói trong thời gian chống Mỹ, cứu nước đã giải quyết việc làm cho hàng trăm lao động có thu nhập, thực hiện sơ tán phòng tránh đảm bảo an toàn cho xã viên và con em họ.	Đồng Minh	
43.	Giáp Bắc	Giáp Bắc, còn có tên khác là Giáp Tân Mỹ - một trong bốn giáp của làng Đức Thọ Vạn, là giáp đi đầu trong cải lương hương tục làng xã thời phong kiến.	Giáp Bắc	
44.	Hạc Oa	Hạc Oa, tên làng có từ thế kỷ XIX, nay là xã Đông Cương, thành phố Thanh Hóa	Hạc Oa	Đường
45.	Hàng Đồng	Hàng Đồng, tên phố cũ của thành phố Thanh Hóa, gắn với việc người làng Nôm, Hưng Yên đầu thế kỷ XX đã vào Thanh Hóa sinh sống và đem theo nghề buôn bán đồ đồng, nên mới gọi là hàng đồng. Nay thuộc phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa.	Hàng Đồng	Phố
46.	Hàng Gạo	Hàng Gạo, tên phố cũ, thuộc phường Lam Sơn của thành phố Thanh Hóa, chuyên bán gạo.	Hàng Gạo	
47.	Hàng Hương	Hàng Hương, tên phố cũ thuộc phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa chuyên sản xuất và bán hương.	Hàng Hương	
48.	Hàng Nan	Hàng Nan, tên phố cũ thuộc phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa chuyên kinh doanh đồ đan lát.	Hàng Nan	
49.	Hàng Sứ	Hàng Sứ, tên phố cũ thuộc phường Lam Sơn thành phố Thanh Hóa chuyên kinh doanh mặt hàng gốm sứ.	Hàng Sứ	
50.	Hàng Than	Hàng Than, tên phố cũ thuộc phường Lam Sơn thành phố Thanh Hóa, chuyên kinh doanh mặt hàng than, dân cư của tuyến phố chuyên dùng than để nấu.	Hàng Than	Phố
51.	Hậu Thành	Hậu Thành, tên ấp của Giáp Nam, trấn lý Thanh Hóa (đầu thế kỷ XIX).	Hậu Thành	
52.	Hoàng Long	Hoàng Long, tên gọi của xã Hoàng Long, huyện Hoàng Hóa nay thuộc thành phố Thanh	Hoàng Long	Công trình công

		Hóa, tên Hoảng Long còn được dùng đặt cho một cây cầu trên địa bàn thành phố Thanh Hóa từ năm 1996: cầu Hoảng Long.		cộng
53.	Hợp Tiến	Hợp Tiến, hợp tác xã tôn thiếc Hợp Tiến, nơi đây tập hợp thợ thủ công tôn thiếc toàn thị xã và đào tạo nghề trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.	Hợp Tiến	
54.	Kiều Đại	Kiều Đại, tên làng thuộc phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.	Kiều Đại	Đường
55.	Kỳ Lân	Kỳ Lân Sơn, tức Núi Mật là tên một ngọn núi thuộc làng Mật, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.	Kỳ Lân	Đường
56.	Lai Thành	Lai Thành, có từ thời vua Lê Thế Tông (1573 – 1599), nơi đây trước gọi là thôn Quốc Thích thuộc xã Đông Hương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa; đến thời Nhà Nguyễn gọi là Lai Thành.	Lai Thành	Đường
57.	Lễ Môn	Lễ Môn, ban đầu có tên là Lễ Xá, sau mới đổi tên là Lễ Môn, khẳng định vị trí “Cửa dòng Sông Lễ”. thuộc phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa.	Lễ Môn	Đường
58.	Lò Bát	Lò Bát, khu vực núi Hàm Rồng, vùng đất làm làm nghề gốm sứ. Thuộc Phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa.	Lò Bát	
59.	Lò Chum	Lò Chum, là địa danh thuộc phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa. Đây là phần đất bờ Bắc của làng Đức Thọ Vạn chuyên sản xuất chum, vại.	Lò Chum	Phố
60.	Long Quang	Long Quang, tên động nằm trên núi Rồng là nơi danh thắng đã làm say đắm nhiều tao nhân mặc khách. Thuộc phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa.	Long Quang	Đường
61.	Lăng Viên	Lăng Viên, khu Nghĩa địa của phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa, được tôn vinh lên là Khu lăng mộ.	Lăng Viên	Đường
62.	Mắt Rồng	Mắt Rồng, là tên một hang động ở thành phố Thanh Hóa (hang Mắt Rồng), đây là Di tích lịch sử Cách mạng được xếp hạng cấp Quốc gia. Thuộc phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa.	Mắt Rồng	

63.	Mật Đa	Chùa Mật Đa, nằm trên địa bàn phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, là một ngôi chùa đẹp linh thiêng trong tâm nguyện của nhân dân, là căn cứ trong cuộc kháng chiến chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, góp phần làm nên chiến thắng Hàm Rồng - Nam Ngạn (ngày 3-4/4/1965).	Mật Đa	
64.	Mật Sơn	Mật Sơn, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, nơi đây có núi Mật Sơn và chùa Mật Sơn.	Mật Sơn	Đường
65.	Nam Kỳ 40	Nam Kỳ 40, là tập đoàn sản xuất cơ khí của cán bộ quân dân chính Nam Bộ tập kết ra Bắc sau chiến thắng Điện Biên Phủ theo Hiệp định Giơnevơ.	Nam Kỳ 40	
66.	Nam Sơn	Nam Sơn, xưa là xóm Tân Nam của làng Đông Tác. Khi xây dựng khu chung cư Bắc Cầu Sâng điều chỉnh nhập về xóm Thống Sơn, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa.	Nam Sơn	Phố
67.	Núi Đọ	Núi Đọ, nằm bên hữu ngạn sông Chu, thuộc xã Thiệu Khánh, thành phố Thanh Hóa, được các nhà khảo cổ học trong và ngoài nước phát hiện, nghiên cứu và chứng minh nơi đây đã tồn tại một nền văn hóa sơ kỳ thời đại đá cũ.	Núi Đọ	
68.	Ngọc Mai	Ngọc Mai, tên gọi của làng cổ, đất cổ xưa nay thuộc phường Quảng Thành của thành phố Thanh Hóa.	Ngọc Mai	Đường
69.	Ngọc Nữ	Ngọc Nữ, ngọn núi nhỏ ở phía Nam núi Mật Sơn có hình dáng giống người con gái đẹp nên gọi là núi Ngọc Nữ, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.	Ngọc Nữ	Đường
70.	Nguyệt Viên	Nguyệt Viên, tên làng cổ thuộc xã Hoằng Quang, huyện Hoằng Hóa, nay thuộc thành phố Thanh Hóa. Là tên một cây cầu bắc qua Sông Mã: Cầu Nguyệt Viên.	Nguyệt Viên	Công trình công cộng
71.	Nhà Bàng	Nhà Bàng, nơi chính quyền Nam triều có yết các văn bản quản lý Nhà nước cho dân biết. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là trụ sở UBND Cách mạng lâm thời thôn Tiên Môn, nay là trung tâm đường Hạc Thành, phường Tân Sơn, thành	Nhà Bàng	

		phố Thanh Hóa		
72.	Nhà Thờ	Nhà thờ đạo Thiên Chúa, Nhà thờ chính tòa Thanh Hóa, nằm ở phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa, xây dựng năm 1937.	Nhà Thờ	Phố
73.	Phú Chung	Phú Chung, tên đường thuộc phường Phú Sơn thành phố Thanh Hóa.	Phú Chung	Đường
74.	Phú Thọ	Phú Thọ, nơi đặt huyện lỵ Đông Sơn thời Nguyễn độc lập. Khu phố thuộc phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa.	Phú Thọ	Phố
75.	Phú Liên	Phú Liên, tên làng cổ, vùng đất cổ xưa của Thành phố Thanh Hóa, nay là tên đường thuộc phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa.	Phú Liên	Phố
76.	Phú Quý	Phú Quý, tên làng cổ, vùng đất cổ xưa thuộc phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa.	Phú Quý	Phố
77.	Phú Thứ	Phú Thứ, tên làng cổ, vùng đất cổ xưa thuộc phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa.	Phú Thứ	Phố
78.	Phú Thượng	Phú Thượng, tên đường thuộc phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa.	Phú Thượng	Đường
79.	Phú Vinh	Phú Vinh - Tên làng cổ, vùng đất cổ xưa của Thành phố Thanh Hóa.	Phú Vinh	Phố
80.	Phù Lưu	Phù Lưu, tên làng cổ, vùng đất cổ xưa của Thành phố Thanh Hóa.	Phù Lưu	Đường
81.	Phượng Hoàng	Phượng Hoàng, tên núi nằm trong dãy núi Hàm Rồng.	Phượng Hoàng	Đường
82.	Quán Giò	Làng Quán Giò được thành lập vào cuối thế kỷ XVII, làng có nghề làm hương truyền thống. Nay thuộc phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa.	Quán Giò	Đường
83.	Quang Vinh	Quang Vinh, tên hợp tác xã vận tải ở thị xã Thanh Hóa. Hợp tác xã được thành lập năm 1959.	Quang Vinh	
84.	Quảng Xá	Quảng Xá, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.	Quảng Xá	Đường
85.	Sơn Vạn	Sơn Vạn, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa.	Sơn Vạn	
86.	Tạnh Xá	Tạnh Xá, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.	Tạnh Xá	Đường
87.	Tân An	Tân An, tên xóm ven đô xưa nơi ở của người dân thị xã nhập theo lệnh ngày 10/6/1938, của công sứ La-gờ-re-dơ. Nay thuộc phường Ngọc	Tân An	Đường

		Trạo, thành phố Thanh Hóa.		
88.	Tân Nam	Tân Nam, khu nhà tái định cư của các gia đình thuộc diện giải phóng mặt bằng Thành phố để xây dựng công trình giao thông, văn hóa, dân sinh. Nằm trên địa bàn phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa.	Tân Nam	Phố
89.	Tân Thảo	Tân Thảo, tên gọi của làng cổ, đất cổ xưa, thuộc phố Tây Sơn, phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa.	Tân Thảo	Phố
90.	Tây Ga	Tây Ga, khu vực phía Tây nhà Ga Thanh Hóa	Tây Ga	Đường
91.	Thái Miếu nhà Hậu Lê	Thái Miếu nhà Hậu Lê, nằm trên đất Bồ Vệ, tổng Bồ Đức, phủ Đông Sơn, nay là làng Kiều Đại, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa. Đền được xây dựng năm Gia Long thứ 4 (1805) trên nền điện Chiêu Hòa, nơi đây hiện đang lưu thờ 27 vị hoàng đế thời Lê, Hoàng Thái Hậu cùng các vương công nhà Hậu Lê.	Thái Miếu nhà Hậu Lê	
92.	Thanh Chương	Thanh Chương, tên gọi của làng cổ, đất cổ xưa của thành phố Thanh Hóa .	Thanh Chương	Đường
93.	Thanh Xuân	Thanh Xuân, tên Hợp tác xã của thị xã Thanh Hóa, chuyên sản xuất nghề nhựa và thêu xuất khẩu được thành lập trong những năm 1969 - 1972.	Thanh Xuân	Phố
94.	Thành Công	Thành Công, tên Hợp tác xã thủ công nghiệp ở thị xã Thanh Hóa, được thành lập năm 1959.	Thành Công	
95.	Thắng Lợi	Thắng Lợi, tên Hợp tác xã của thị xã Thanh Hóa, chuyên làm bún và chăn nuôi lợn.	Thắng Lợi	
96.	Thọ Hạc	Thọ Hạc, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa.	Thọ Hạc	Đường
97.	Tịch Điền	Tịch Điền, tên một nghi thức khuyến khích dân chúng trồng trọt sản xuất, được bắt đầu từ năm 987 dưới thời vua Lê Đại Hành (980-1005). Đường Tịch Điền, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa.	Tịch Điền	Phố
98.	Tiên Sơn	Động Tiên Sơn, nằm trên Núi Hàm Rồng, phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa. Động có 3 - 4 tầng, thường được gọi là động 1, động 2, động 3. Ở mỗi Động có nét đẹp độc đáo riêng gắn với truyền thuyết tích Phật, tích Tiên, "Hoa quả	Tiên Sơn	Đường

		son", "Hội bàn đào tiên".		
99.	Tiến Lực	Tiến Lực, tên Hợp tác xã Thủ công nghiệp ở thị xã Thanh Hóa. Hợp tác xã được thành lập năm 1960 (sau đổi là Tiến Thịnh), chuyên sản xuất đồ mộc dân dụng và xe gỗ làm cày bừa, xe cải tiến phục vụ sản xuất nông nghiệp.	Tiến Lực	
100.	Tiền Phương	Tiền Phương, tên Hợp tác xã Thủ công nghiệp ở thị xã Thanh Hóa, được thành lập trong kháng chiến chống Mỹ, chuyên vận chuyển bằng xe đạp thồ, tham gia vận tải phục vụ tiền tuyến.	Tiền Phương	
101.	Trường Thi	Trường Thi, tên Trường thi hương ở Thanh Hóa được lập năm 1807 và tồn tại đến năm 1918.	Trường Thi	Đường, Công trình công cộng
102.	Tư Phố	Thành Tư Phố, là Trấn thành Thanh Hóa ngày xưa nay thuộc xã Thiệu Dương, thành phố Thanh Hóa.	Tư Phố	
103.	Vạn Tiến	Vạn Tiến, tên Hợp tác xã Thủ công nghiệp ở thị xã Thanh Hóa, được thành lập vào năm 1960, chuyên làm đồ da như thắt lưng, ví, quai dép, dây đồng hồ.	Vạn Tiến	
104.	Vệ Đà	Vệ Đà, tên làng cổ của phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa.	Vệ Đà	Đường
105.	Vệ Yên	Vệ Yên, tên làng cổ của phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa.	Vệ Yên	Đường
106.	Vĩnh Yên	Vĩnh Yên, tên gọi của làng cổ, đất cổ xưa của thành phố Thanh Hóa.	Vĩnh Yên	Đường
107.	Vườn Quan	Vườn Quan, địa danh cổ của làng Nam Ngạn.	Vườn Quan	Đường
108.	Yên Ngựa	Yên Ngựa, tên làng cổ của thành phố Thanh Hóa, chữ nho xưa là Mã Yên Sơn, nay thuộc phường Hàm Rồng.	Yên Ngựa	Đường
109.	Yên Vực	Yên Vực, tên làng thuộc phường Tào Xuyên, thành phố Thanh Hóa.	Yên Vực	

Tổng số: 109 địa danh, trong đó đã đặt 78.

3.21. Thiệu Hóa

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Hồng Đô	Hồng Đô, tên làng thuộc xã Thiệu Đô, huyện	Hồng	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Làng có nghề thủ công truyền thống từ lâu đời, đó là nghề trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ, dệt nhiễu.	Đô	
2.	Ngô Xá	Ngô Xá, tên làng thuộc xã Thiệu Minh, huyện Thiệu Hóa. Làng có phong trào Cách mạng khá sôi nổi trong những năm 1930 – 1945; có Di tích lịch sử Cách mạng: Đình Ngô Xá Hạ.	Ngô Xá	
3.	Mao Xá	Mao Xá, làng thuộc xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa. Làng có các phong trào Cách mạng tiêu biểu thời kỳ 1930 - 1945.	Mao Xá	
4.	Lương Giang	Lương Giang, tên huyện Thiệu Hóa thời Lê	Lương Giang	
5.	Trà Đông	Trà Đông, tên làng nghề đúc đồng thuộc xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	Trà Đông	
6.	Thiệu Thiên	Thiệu Thiên, tên Phủ Thiệu Hóa thời Lê	Thiệu Thiên	
7.	Vạn Hà	Vạn Hà, tên thị trấn, trung tâm huyện lỵ của huyện Thiệu Hóa.	Vạn Hà	Phổ

Tổng số: 07 địa danh, trong đó đã đặt tên 01.

3.22.Thọ Xuân

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Đông Minh	Đông Minh là tên Nhà máy giấy (1947-1952) của Chính phủ được ra đời tại làng Quần Kênh, xã Xuân Giang, huyện Thọ Xuân, để sản xuất giấy bạc, in tiền phục vụ nền tài chính của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.	Đông Minh	
2.	Làng Thuần Hậu	Làng Thuần Hậu, nay thuộc xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Làng có các sự kiện và phong trào Cách mạng tiêu biểu thời kỳ 1930-1945.	Thuần Hậu	
3.	Làng Trung Lập	Làng Trung Lập, xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Là mảnh đất địa linh nhân kiệt, nơi sinh ra Lê Đại Hành Hoàng Đế và nhiều bậc hiền tài khác. Trên địa bàn xã hiện nay có rất nhiều di tích lịch sử văn hóa đã được xếp	Trung Lập - Xuân Lập	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		hạng cấp tỉnh và Quốc gia.		
4.	Làng Xá Lê	Xá Lê, nay thuộc xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân. Làng có các sự kiện và phong trào Cách mạng tiêu biểu thời kỳ 1930-1945.	Xá Lê	
5.	Làng Yên Lược	Làng Yên Lược, xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân là nơi có đặc sản chè xanh nổi tiếng.	Yên Lược	
6.	Đình Phong Cốc	Đình Phong Cốc, là tên một ngôi đình thuộc xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Đình gắn với các sự kiện của Đảng, được xếp hạng Di tích lịch sử Cách mạng cấp Quốc gia.	Phong Cốc	
7.	Phố Đầm	Phố Đầm, tên một phố của huyện Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa. Nơi giao thương buôn bán qua lại với người nước ngoài (chủ yếu là người Hoa và người Pháp thời Lê Trung hưng).	Phố Đầm	Phường
8.	Tứ Trụ	Tứ Trụ, là tên địa danh thuộc xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây gắn liền với nghề truyền thống làm Bánh gai làng Mía, được đăng ký thương hiệu bánh gai Tứ Trụ trở thành đặc sản, thương hiệu nổi tiếng của cả nước.	Tứ Trụ	

Tổng số: 08 địa danh, trong đó đã đặt tên 01.

3.23. Thường Xuân

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Bù Rinh	Bù Rinh, tên ngọn núi thuộc xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân, có độ cao 1.296 m.	Bù Rinh	
2.	Cửa Đật	Cửa Đật, tên địa danh thuộc huyện Thường Xuân, nơi hội tụ của 3 con sông: Sông Chu, Sông Khao, Sông Đật, nơi đây có Đền Cửa Đật nổi tiếng.	Cửa Đật	
3.	Luận Khê	Luận Khê, tên tổng của Châu Thường, nay là xã Luận Khê, huyện Thường Xuân.	Luận Khê	
4.	Nhân Sơn	Nhân Sơn, tên tổng của Châu Thường, nay là thuộc các xã gồm Yên Nhân, Bát Mọt, Lương Sơn của huyện Thường Xuân.	Nhân Sơn	
5.	Trịnh Vạn	Trịnh Vạn, tên tổng của Châu Thường, nay là xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân.	Trịnh Vạn	
6.	Xuân	Xuân Khao, tên một xã của huyện Thường Xuân	Xuân	Đường

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
	Khao	hiện đã xóa tên trên bản đồ địa lý do di dân dành diện tích cho lòng Hồ Cửa Đặt.	Khao	
7.	Xuân Mỹ	Xuân Mỹ, tên một xã của huyện Thường Xuân hiện đã xóa tên trên bản đồ địa lý do di dân dành diện tích cho lòng Hồ Cửa Đặt.	Xuân Mỹ	Đường
8.	Xuân Liên	Xuân Liên, tên một xã của huyện Thường Xuân hiện đã xóa tên trên bản đồ địa lý do di dân dành diện tích cho lòng Hồ Cửa Đặt.	Xuân Liên	Đường

Tổng số: 08 địa danh, trong đó đã đặt 03.

3.24. Tỉnh Gia

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	An Thuận	An Thuận, tên huyện Tĩnh Gia xưa dưới thời Tùy - Đường	An Thuận	
2.	Còng	Còng là thị trấn, trung tâm huyện Tĩnh Gia, địa danh có từ xa xưa, nằm trên trục đường Thiên lý Bắc Nam - rất quan trọng.	Còng	
3.	Cổ Bình	Cổ Bình, tên huyện Tĩnh Gia thời thuộc Minh.	Cổ Bình	
4.	Cổ Đông	Cổ Đông, là tên xóm của làng Cộng Phú (Làng Còng) thuộc xã Phù Sa, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia (nay thuộc xã Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia).	Cổ Đông	Đường
5.	Cư Phong	Cư Phong, tên huyện Tĩnh Gia ngày xưa thời Hán.	Cư Phong	
6.	Do Xuyên	Do Xuyên, tên làng thuộc huyện Tĩnh Gia, đây là vùng sản xuất nước mắm nổi tiếng của huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.	Do Xuyên	
7.	Đốt Tiên	Đốt Tiên, là tên một ngôi chùa (chùa Đốt Tiên) thuộc địa phận xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia, đây là Di tích lịch sử Văn hóa cấp Quốc gia.	Đốt Tiên	
8.	Khoa Giáp	Khoa Giáp, là tên làng cổ đầu thế kỷ XIX của huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, nay thuộc xã Bình Minh, huyện Tĩnh Gia.	Khoa Giáp	Đường
9.	Lạch Bạng	Lạch Bạng, là tên một cửa sông, thuộc địa phận xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia. Đây là cảng cá lớn, nơi trú ngụ cho thuyền bè tránh bão gió và là nơi neo đậu khá thuận lợi cho ngư dân vào lộng, ra khơi giông buồm, thả lưới.	Lạch Bạng	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
10.	Ngọc Sơn	Ngọc Sơn, tên huyện do Vua Lê Thái Tổ đặt (thế kỷ XV), nay thuộc huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.	Ngọc Sơn	
11.	Thường Lạc	Thường Lạc, tên huyện Tĩnh Gia xưa dưới thời Tam Quốc.	Thường Lạc	
12.	Văn Bài	Văn Bài, là tên gọi của làng thuộc xã Nguyên Bình đầu thế kỷ XIX. Đến năm 1984, một bộ phận dân cư sát nhập để thành lập thị trấn Tĩnh Gia.	Văn Bài	Đường

Tổng số: 12 địa danh, trong đó đã đặt 03.

3.25. Triệu Sơn

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Cổ Định	Cổ Định, là làng cổ thuộc tổng Cổ Định, nằm trên vùng đất tối cổ từ thời Hùng Vương, khu vực của xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn ngày nay; là căn cứ Kháng chiến chống quân Đông Ngô của Bà Triệu.	Cổ Định	
2.	Kẻ Nưa	Kẻ Nưa, là làng Việt cổ được hình thành vào thời đại các Vua Hùng với tên gọi: Kẻ Nưa.	Kẻ Nưa	
3.	Ngàn Nưa	Ngàn Nưa, là tên một dãy núi thuộc huyện Triệu Sơn (trước đây thuộc huyện Nông Cống). Theo lịch sử, vào năm 248 Bà Triệu phát cờ khởi nghĩa đánh đuổi giặc Ngô đã đến Ngàn Nưa lập căn cứ, chiêu mộ quân sĩ.	Ngàn Nưa	
4.	Quán Giắt	Quán Giắt, là làng Việt cổ, xuất hiện đầu tiên trong chuỗi các tên gọi của làng xã mang dấu ấn cổ xưa. Nay là phố Giắt, thị trấn huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Quán Giắt	
5.	Sim	Sim, địa danh nổi tiếng từ xa xưa, ngã ba Sim, thuộc huyện Triệu Sơn, nằm trên trục giao thông chính (thời kỳ kháng chiến chống Pháp) nổi vùng Triệu Sơn và các huyện Tây - Tây Nam Thanh Hóa.	Sim	
6.	Làng Quần Tín	Làng Quần Tín, thuộc xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, là địa danh Cách mạng trong kháng chiến, là "An toàn khu" - cái nôi của Hội Văn nghệ Việt Nam thời chống Pháp.	Quần Tín	

Tổng số: 06 địa danh.

3.26. Vĩnh Lộc

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Cầm Bào	Cầm Bào, tên làng thuộc xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc. Là một trong những địa phương có phong trào Cách mạng mạnh mẽ, là địa bàn hoạt động của đội du kích Ngọc Trạo.	Cầm Bào	
2	Nam Giao	Nam Giao, tên một Đền tế thời Hồ (Đền tế Nam Giao) thuộc huyện Vĩnh Lộc, nơi có Di tích khảo cổ học thuộc Di sản Văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ.	Nam Giao	
3	Phổ Giáng	Phổ Giáng, đây là trung tâm huyện lỵ của huyện Vĩnh Lộc.	Phổ Giáng	Phổ
4	Phủ Quảng	Phủ Quảng, tên gọi tắt của Phủ Quảng Hóa được thành lập năm Minh Mệnh thứ 16 (1835) gồm các huyện Vĩnh Lộc, Thạch Thành, Cẩm Thủy, Quảng Địa.	Phủ Quảng	
5	Thổ Phụ	Thổ Phụ, tên làng thuộc xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc. Làng có phong trào Cách mạng mạnh mẽ thời kỳ 1930 - 1945.	Thổ Phụ	

Tổng số: 05 địa danh, trong đó đã đặt 01.

3.27. Yên Định

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	An Định	An Định, tên huyện thời Đại Việt tự chủ.	An Định	
2.	Bái Châu	Bái Châu, tên Tổng thuộc huyện Yên Định trước năm 1945. Tổng Bái Châu có 16 xã, thôn, trang.	Bái Châu	
3.	Đa Lộc	Đa Lộc, tên Tổng thuộc huyện Yên Định trước năm 1945. Tổng Đa Lộc có 10 xã, thôn, trang.	Đa Lộc	
4.	Đan Nê	Đan Nê, tên Tổng thuộc huyện Yên Định trước năm 1945. Tổng Đan Nê có 16 xã, thôn, trang.	Đan Nê	
5.	Định Công	Định Công, tên xã thuộc huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Trong các năm 1973 và năm 1977 phát hiện di vật văn hóa khảo cổ học Đông Sơn gồm 6 trống đồng, là một điển hình sản xuất nông nghiệp nổi tiếng trong và ngoài tỉnh, được nhiều nơi học tập.	Định Công	
6.	Đông Lý	Đông Lý, tên tổng dưới thời Nguyễn, huyện Yên	Đông	Đường

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Định chia thành 08 tổng, tổng Đông Lý có 24 xã.	Lý	
7.	Đồng Cỏ	Đồng Cỏ, là tên một ngôi đền nổi tiếng thuộc làng Đan Nê, xã Yên Thọ, huyện Yên Định, nơi đây thờ thần Đồng Cỏ hay còn gọi là thần trống đồng, thần đã theo giúp vua Hùng đánh giặc ở Hồ Tồn. Khi thắng trận trở về, Vua Hùng vào Đền làm lễ tạ ơn, cho đúc trống đồng và phong cho thần là "Đồng Cỏ Đại Vương".	Đồng Cỏ	
8.	Hải Quật	Hải Quật, tên Tổng thuộc huyện Yên Định trước năm 1945. Tổng Hải Quật có 11 xã, thôn.	Hải Quật	
9.	Kiều	Kiều, còn gọi thị trấn Kiêu, phố Kiêu, nay thuộc xã Yên Trường, đây từng là trung tâm huyện lỵ của huyện Yên Định, nơi giao thương buôn bán sầm uất từ xưa.	Kiều	Phố
10.	Khoái Lạc	Khoái Lạc, tên Tổng thuộc huyện Yên Định trước năm 1945. Tổng Khoái Lạc có 9 xã, thôn.	Khoái Lạc	
11.	Làng Ngọc Vực	Làng Ngọc Vực, làng thuộc xã Yên Thịnh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây có ngôi đình nổi tiếng - Đình làng Ngọc Vực, là nơi duy trì các hoạt động văn hóa truyền thống, đấu tranh Cách mạng của quần chúng nhân dân trong những năm chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền (1941 - 1945). Đình được gọi là Đình "cứu quốc".	Ngọc Vực	
12.	Phúc Tĩnh	Phúc Tĩnh, làng thuộc xã Yên Thịnh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây có ngôi đình nổi tiếng - Đình Phúc Tĩnh được xây dựng năm 1670, nơi đã diễn ra các sự kiện lịch sử trọng đại trong giai đoạn 1930 - 1945, là cơ sở cho sự hình thành chiến khu Đa Ngọc (Yên Giang).	Phúc Tĩnh	
13.	Quán Lào	Quán Lào, là trung tâm huyện lỵ của huyện Yên Định, nay gọi là thị trấn Quán Lào.	Quán Lào	Phố
14.	Quan Yên	Quan Yên, tên một ngọn núi thuộc xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Trên núi Quan Yên năm 1978 các nhà khảo cổ cũng đã phát hiện được những vết tích của con người sơ kì thời đại đồ đá cũ.	Quan Yên	
15.	Quân Ninh	Quân Ninh, tên huyện Yên Định ngày xưa thời	Quân	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Đường.	Ninh	
16.	Quân Yên	Quân Yên, tên huyện Yên Định thời Tùy	Quân Yên	
17.	Trịnh Xá	Trịnh Xá, tên Tổng của huyện Yên Định trước năm 1945. Tổng Trịnh Xá có 12 xã, thôn, phường.	Trịnh Xá	
18.	Yên Định	Yên Định, tên Tổng của huyện Yên Định trước năm 1945. Tổng Yên Định có 8 xã, thôn.	Yên Định	

Tổng số: 18 địa danh, trong đó đã đặt tên 03.

4. Tên địa phương kết nghĩa với tỉnh Thanh Hóa

STT	Tên địa phương kết nghĩa	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Huyện Duy Xuyên (Quảng Nam)	Huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, là huyện kết nghĩa với huyện Nông Cống, sau lễ kết nghĩa giữa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam vào ngày 12/3/1960.	Duy Xuyên	Công trình công cộng
2.	Huyện Đại Lộc (Quảng Nam)	Huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, là huyện kết nghĩa với huyện Tĩnh Gia, sau lễ kết nghĩa giữa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam vào ngày 12/3/1960.	Đại Lộc	
3.	Huyện Điện Bàn (Quảng Nam)	Huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, là huyện kết nghĩa với huyện Tĩnh Gia, sau lễ kết nghĩa giữa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam vào ngày 12/3/1960.	Điện Bàn	
4.	Huyện Hòa Vang (Đà Nẵng)	Huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam, nay thuộc thành phố Đà Nẵng, là huyện kết nghĩa với huyện Quảng Xương, sau lễ kết nghĩa giữa hai tỉnh Thanh Hóa-Quảng Nam vào ngày 12/3/1960.	Hòa Vang	CTCC
5.	Huyện Quế Sơn (Quảng Nam)	Huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, là huyện kết nghĩa với huyện Thọ Xuân, sau lễ kết nghĩa giữa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam vào ngày 12/3/1960.	Quế Sơn	Đ
6.	Huyện Tam Kỳ (Quảng Nam)	Huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, là huyện kết nghĩa với huyện Triệu Sơn, sau lễ kết	Tam Kỳ	

STT	Tên địa phương kết nghĩa	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
	Nam)	nghĩa giữa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam vào ngày 12/3/1960.		
7.	Huyện Thăng Bình (Quảng Nam)	Huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, là huyện kết nghĩa với huyện Đông Sơn, sau lễ kết nghĩa giữa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam vào ngày 12/3/1960.	Thăng Bình	
8.	Thị xã Hội An (Quảng Nam)	Thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam, là đơn vị kết nghĩa với thị xã Thanh Hóa, sau lễ kết nghĩa giữa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam vào ngày 12/3/1960.	Hội An	Công trình công cộng
9.	Huyện Tiên Phước (Quảng Nam)	Huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, là huyện kết nghĩa với huyện Nga Sơn, sau lễ kết nghĩa giữa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam vào ngày 12/3/1960.	Tiên Phước	Đường
10.	Tỉnh Hòa Phăn (Lào)	Tỉnh Hòa Phăn, thuộc nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, là tỉnh kết nghĩa với tỉnh Thanh Hóa (1967).	Hòa Phăn	
11.	Tỉnh Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam: Là tỉnh kết nghĩa với tỉnh Thanh Hóa (12/3/1960).	Quảng Nam	

Tổng số: 11 địa phương, trong đó đã đặt tên 05.

II. DANH TỪ CÓ Ý NGHĨA TIÊU BIỂU VỀ CHÍNH TRỊ, VĂN HÓA, XÃ HỘI

STT	Danh từ	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Đoàn Kết	Đoàn Kết: Là truyền thống quý báu của dân tộc. Đầu năm 1951, thời điểm cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ chống thực dân Pháp xâm lược của dân tộc ta có nhiều diễn biến mới, Đoàn kết là cái gốc làm nên thành công và đại đoàn kết tạo thành sức mạnh dẫn đến đại thành công.	Đoàn Kết	Đường
2	Độc Lập	Độc lập: Là quyền bất khả xâm phạm của một đất nước, một quốc gia bởi chính người dân sinh sống ở đó, có nghĩa là có chủ quyền tối cao. Khái niệm “Độc lập” có ý nghĩa tương phản với “Nô dịch” (sự khuất phục). Đây là khát vọng của toàn dân tộc khi đất nước ta còn chìm trong đêm dài nô lệ.	Độc Lập	

3	Giải Phóng	Giải phóng: Là làm cho được tự do, thoát khỏi địa vị nô lệ hoặc tình trạng bị áp bức, kìm chế, ràng buộc; là thoát khỏi tình trạng bị nước ngoài nô dịch, chiếm đóng.	Giải Phóng	
4	Hòa Bình	Hòa bình: Là trạng thái xã hội không có chiến tranh, không dùng vũ lực để giải quyết các tranh chấp trong quan hệ giữa các Quốc gia, dân tộc, các nhóm chính trị xã hội. Hòa bình đối lập với chiến tranh.	Hòa Bình	Đường
5	Hồng Đức	Hồng Đức: Là tên một trong hai niên hiệu của vua Lê Thánh Tông và tên một Cổ luật Việt Nam: Bộ luật Hồng Đức (Quốc triều hình luật).	Hồng Đức	Công trình công cộng
6	Thanh Niên	Thanh niên: Là lực lượng to lớn, là nguồn lực dồi dào, mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển xã hội hiện tại và là người chủ tương lai của đất nước.	Thanh Niên	Đường
7	Thành Công	Thành công: Là sự thắng lợi, thành quả đạt được sau quá trình nỗ lực, cố gắng.	Thành Công	
8	Thống Nhất	Thống nhất: Là mong muốn của toàn dân khi đất nước bị thực dân Pháp chia thành 3 kỳ và khi đất nước tạm thời bị chia cắt sau Hiệp định Giơnevơ. Là sự kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với đất nước và dân tộc ta, đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giang sơn thu về một mối, cả nước cùng đi lên xây dựng CNXH theo con đường Cách mạng mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn cho toàn dân tộc.	Thống Nhất	Công trình công cộng
9	Tự Do	Tự do: Là trạng thái một dân tộc, một xã hội và các thành viên không bị cấm đoán, hạn chế vô lý trong các hoạt động chính trị - xã hội.	Tự Do	

Tổng số: 09 danh từ, trong đó đã đặt tên 05.

III. TÊN DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA, DANH LAM THẮNG CẢNH CÓ GIÁ TRỊ TIÊU BIỂU CỦA TỈNH THANH HÓA

(Tổng số: 22 di tích, trong đó đã đặt 01)

1. Tên Di tích lịch sử, văn hóa tiêu biểu của tỉnh Thanh Hóa

STT	Tên Di tích	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Di sản Văn hóa	Di sản Văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ, còn có tên là Tây Giai - Tây Đô, thuộc hai xã Vĩnh	Tây Đô	

STT	Tên Di tích	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
	Thế giới Thành Nhà Hồ	Long, Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc. Thành xây năm 1397. Thành nhà Hồ chính thức được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới năm 2011.		
2.	Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Lam Kinh	Di tích Quốc gia đặc biệt Lam Kinh, là nơi thờ cúng các vị Liệt tổ, Liệt tông. Đây cũng là khu sơn lăng nơi an táng Vua và Hoàng hậu thời Lê sơ sau khi băng hà. Khu Di tích được xây dựng vào thế kỷ XV.	Lam Kinh	Công trình công cộng
3.	Di tích Quốc gia đặc biệt Hang Con Moong	Di tích Quốc gia đặc biệt Hang Con Moong, nằm trong dãy núi đá vôi Lai Châu - Ninh Bình, thuộc địa phận bản Mọ, xã Thành Yên, huyện Thạch Thành. Năm 1975 di chỉ hang Con Moong được phát hiện và khai quật. Kết quả khai quật với tầng văn hóa dày tới 10m của Hang Con Moong, những dấu vết của người tiền sử vẫn còn hiện hữu nguyên vẹn.	Con Moong	
4.	Di tích Quốc gia đặc biệt- Khu Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Bà Triệu	Di tích Quốc gia đặc biệt - Khu Di tích kiến trúc nghệ thuật đền Bà Triệu thờ vị nữ anh hùng dân tộc tên là Triệu Thị Trinh, người đã có công đánh đuổi quân xâm lược Đông Ngô (Trung Quốc) vào giữa thế kỷ thứ 3 (Sau công nguyên).	Bà Triệu	

Tổng số: 04 di tích, trong đó đã đặt 01.

2. Tên danh lam thắng cảnh tiêu biểu của tỉnh Thanh Hóa

STT	Tên danh lam thắng cảnh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Bãi biển Sầm Sơn	Bãi biển Sầm Sơn, là địa danh thuộc thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Đây là bãi biển nổi tiếng từ thời Pháp thuộc, là khu nghỉ mát lý tưởng của du khách trong nước và quốc tế.	Sầm Sơn	
2.	Biển Hải Hòa	Biển Hải Hòa thuộc huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đây là bãi biển đẹp, thơ mộng, nguyên sơ, có cát trắng mịn, độ dốc thoải, nước	Hải Hòa	

STT	Tên danh lam thắng cảnh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		trong, không có phù sa lắng đọng, không có bãi đá ngầm, sóng biển vừa phải, được nhiều du khách tới tham quan nghỉ dưỡng.		
3.	Biển Hải Tiên	Biển Hải Tiên thuộc huyện Hoằng Hóa, Thanh Hóa, đây là bãi biển đẹp, thơ mộng, nguyên sơ, được nhiều du khách tới tham quan nghỉ dưỡng.	Hải Tiên	
4.	Cửa Hà	Cửa Hà, nằm ở đoạn sông Mã chảy trên đất Cẩm Thủy. Tên Cửa Hà có từ đầu thế kỷ XIX, khi huyện lỵ Cẩm Thủy chuyển từ Cẩm Vân về Phong Ý thuộc địa phận 2 xã Cẩm Sơn và Cẩm Phong. Cửa Hà có vẻ đẹp ngoạn mục của một cửa sông miền xuôi, trở thành một thắng cảnh của xứ Thanh. Sách Dư địa chí của Nguyễn Trãi, Kiến văn tiểu lục của Lê Quý Đôn đã xếp Cửa Hà là danh thắng.	Cửa Hà	
5.	Cửa Thần Phù	Thần Phù, là cửa biển cổ nay thuộc xã Nga Thiện, Nga Giáp, Nga An, Nga Điền, Nga Phú, huyện Nga Sơn. Ở đây có núi Thiết Giáp và núi Thần Đầu, có bia chữ Thần, chữ Hán được khắc từ thế kỷ XVIII; có nhiều hang động đẹp như Động Bạch Á, Động Từ Thức, Đệ Lục Động. Nhiều bậc danh sĩ, nhà vua đã ca ngợi cảnh đẹp của vùng non nước này.	Thần Phù	
6.	Đền Cô Tiên - Hòn Trống Mái	Đền Cô Tiên - Hòn Trống Mái, quần thể di tích nằm trên núi Trường Lệ (Sầm Sơn), là quần thể Di tích danh thắng nổi tiếng của Thanh Hóa, được xếp hạng là Di tích thắng cảnh cấp Quốc gia.	Cô Tiên	
7.	Động Hồ Công	Động Hồ Công (xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Lộc) nổi tiếng từ xưa. Dưới chân núi có chùa Du Anh (tức chùa Thông - xây dựng năm 1270) và trên lưng chừng núi có động Hồ Công. Động Hồ Công từng được người xưa liệt vào kỳ quan bậc nhất ở phương Nam.	Hồ Công	
8.	Động Kim Sơn	Động Kim Sơn ở xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc, là một vùng sơn thủy hữu tình, rộng khoảng 150 ha,	Kim Sơn	

STT	Tên danh lam thắng cảnh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		trong đó có 80 ha là hồ vục. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nơi đây là công binh xưởng sản xuất vũ khí của quân đội, đồng thời là nơi trú ẩn của nhân dân.		
9.	Động Tiên Sơn	Tiên Sơn, là tên một động ở xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc, cách động Kim Sơn khoảng 500m theo đường chim bay, đây là thắng cảnh nổi tiếng của Thanh Hóa đã được xếp hạng Di tích thắng cảnh cấp Quốc gia.	Tiên Sơn	
10.	Hòn Mê	Hòn Mê, là tên một quần đảo, cũng là tên đảo lớn nhất, thuộc xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Đảo Hòn Mê cách đất liền 11 km, gồm 17 đảo lớn nhỏ như Hòn Bò, Hòn Vàng, Hòn Sánh, Hòn Đốt, diện tích tổng cộng 450 ha. Hòn Mê là căn cứ quân sự tiêu biểu của Thanh Hóa.	Hòn Mê	
11.	Hòn Nẹ	Hòn Nẹ diện tích 17,81 ha, thuộc huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Trên Đảo Nẹ có lực lượng vũ trang đóng quân, nơi có đền thờ vị thần Nẹ Sơn tôn thân (còn gọi là đức vua Thông Thủy) đã được xếp hạng là Di tích cấp tỉnh. Hòn Nẹ đã đi vào bài thơ Mẹ Tơm nổi tiếng của nhà thơ Tố Hữu.	Hòn Nẹ	
12.	Lũng Nhai	Lũng Nhai thuộc huyện Thường Xuân, là một địa danh nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam. Nơi đây, vào khoảng tháng 2, tháng 3 năm Bính Thân (1416), đã diễn ra Hội thề Lũng Nhai do Lê Lợi cùng 18 người bạn tổ chức.	Lũng Nhai	
13.	Núi Nhồi	Núi Nhồi tên chữ là núi An Hoạch cách trung tâm thành phố Thanh Hóa khoảng 3km về phía Tây, thuộc địa phận hai xã Đông Hưng và Đông Tân, thành phố Thanh Hóa. Bao quanh núi Nhồi gồm các núi quần tụ liền nhau, đó là núi Đống (phía Tây), núi Chân Thần (phía Tây Nam), núi Nấp (Quảng Nấp phía Nam), núi Chồng Mâm (núi Đình Thượng – phía Bắc).	An Hoạch	

STT	Tên danh lam thắng cảnh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
14.	Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Hu	Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Hu, nằm trên địa bàn các huyện Quan Hóa và Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây có sự kết hợp giữa hệ sinh thái núi đá vôi với hệ sinh thái núi đất và hệ sinh thái rừng độc đáo, với nhiều loài động, thực vật quý hiếm. Là điểm du lịch nổi tiếng của Thanh Hóa	Pù Hu	
15.	Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Luông	Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Luông, nằm trên địa bàn hai huyện Quan Hóa và Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đây hiện đang lưu giữ những giá trị cảnh quan thiên nhiên phong phú, hệ động thực vật đa dạng, các cánh rừng bất tận, ruộng bậc thang trùng điệp, là điểm đến hấp dẫn với những ai ưa thích khám phá thiên nhiên.	Pù Luông	
16.	Suối cá thần Cẩm Lương	Suối cá thần Cẩm Lương, thuộc làng Ngọc, xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy. Nơi đây có đàn cá sống ở suối với hàng nghìn con lớn, nhỏ khác nhau sinh sống tự nhiên, không bao giờ ra khỏi phạm vi dòng suối. Vì vậy đàn cá được dân bản địa phong là Cá Thần. Là điểm du lịch nổi tiếng của Thanh Hóa.	Cẩm Lương	
17.	Thác Ma Hao	Thác Ma Hao thuộc bản Năng Cát, huyện Lang Chánh, đây là thác lớn nhất của sông Cây thuộc huyện Lang Chánh. Thác là địa điểm du lịch nổi tiếng của tỉnh Thanh Hóa, có thắng cảnh đẹp, tiềm năng phát triển thủy điện và du lịch sinh thái.	Ma Hao	
18.	Vườn Quốc gia Bến En	Vườn Quốc gia Bến En là địa danh thuộc huyện Như Thanh. Đây là một vùng rừng núi, sông hồ rộng khoảng hơn 16.000 ha, còn mang vẻ hoang dã với hệ động thực vật đa dạng và phong phú. Có nhiều loại động, thực vật quý hiếm như: Voi, Gấu, Hổ, Vọc má trắng, Lim, Lát hoa, Chò chỉ, là địa chỉ du lịch sinh thái hấp dẫn của Xứ Thanh.	Bến En	

Tổng số: 18 danh lam, thắng cảnh.

IV. TÊN PHONG TRÀO CÁCH MẠNG, SỰ KIỆN LỊCH SỬ, CUỘC CHIẾN THẮNG CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC, CÓ GIÁ TRỊ TIÊU BIỂU CỦA QUỐC GIA VÀ TỈNH THANH HÓA

(Tổng số: 37 sự kiện, trong đó đã đặt 17).

1. Tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, cuộc chiến thắng chống quân xâm lược, có giá trị tiêu biểu của quốc gia

STT	Tên phong trào cách mạng, sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Ba mươi tháng Tư (30/4)	Ba mươi tháng Tư (30/4): Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.	Ba mươi tháng Tư	
2.	Cách mạng Tháng Tám năm 1945	Cách mạng Tháng Tám năm 1945: Là cuộc Cách mạng thắng lợi vẻ vang của dân tộc Việt Nam, đập tan xích xiềng nô lệ của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ, chấm dứt sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế gần một nghìn năm trên đất nước Việt Nam.	Cách mạng Tháng Tám	
3.	Chiến dịch Việt Bắc - Thu Đông năm 1947	Chiến dịch Việt Bắc Thu Đông năm 1947: Là một chiến dịch quân sự do quân đội Pháp thực hiện nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt quân chủ lực của ta.	Việt Bắc	Phố
4.	Chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang năm 1427	Chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang (1427): Sau một loạt thất bại nặng nề, nhà Minh cử viện binh chia làm 2 đạo quân do Liễu Thăng và Mộc Thạnh chỉ huy tiến sang Đại Việt. Khi Liễu Thăng cầm đầu 10 vạn quân vượt biên giới tiến vào vùng Lạng Sơn, quân ta vừa đánh vừa rút lui để như địch vào trận địa mai phục ở Ai Chi Lăng (Lạng Sơn); tại đây đội quân tiên phong của địch bị quân ta tiêu diệt gọn, tướng giặc bị chém chết bên sườn núi Mã Yên. Cuối cùng chúng phải đóng quân tại cánh đồng Xương Giang. Tại đây, ngày 3/11/1427 quân địch đã bị quân ta bao vây tiêu diệt gọn (địa bàn Lạng Sơn).	Chi Lăng	Đường
5.	Chiến dịch	Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954: là trận	Điện	Công

STT	Tên phong trào cách mạng, sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
	Điện Biên Phủ năm 1954	đánh lớn nhất trong chiến tranh Đông Dương lần thứ hai, diễn ra tại lòng chảo Mường Thanh, châu Điện Biên (nay là thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên) giữa quân đội Pháp và Quân đội Nhân dân Việt Nam. Đây là chiến thắng vĩ đại nhất trong cuộc kháng chiến chống Pháp 1945 - 1954 của nhân dân ta, góp phần quyết định giải phóng miền Bắc nước ta khỏi ách đô hộ gần 100 năm của thực dân Pháp.	Biên Phủ	trình công cộng
6.	Chiến thắng Hàm Rồng (3-4/4/1965)	Chiến thắng Hàm Rồng (3-4/4/1965): là cuộc đối đầu lịch sử của quân và dân ta với sức mạnh của “không lực Hoa Kỳ” mà thắng lợi đã thuộc về nhân dân Việt Nam.	Hàm Rồng	Công trình công cộng
7.	Chiến thắng Hàm Tử - Tây Kết (kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông lần thứ 2)	Hàm Tử (Cửa Hàm Tử): nơi xảy ra trận Hàm Tử trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1285 của quân dân Đại Việt. Trận đánh quyết chiến giữa đội quân của Chiêu Văn Vương, Trần Nhật Duật tiêu diệt và quét sạch 50 vạn quân Nguyên ra khỏi bờ cõi, giải phóng hoàn toàn Đại Việt.	Hàm Tử	Đường
8.	Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa (1789)	Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa: Là tên gọi do các nhà sử học Việt Nam dành cho loạt trận đánh chống ngoại xâm thắng lợi của nước Đại Việt thời Tây Sơn do vua Quang Trung lãnh đạo vào đầu năm Kỷ Dậu 1789, đánh tan hàng vạn quân Mãn Thanh do Tôn Sĩ Nghị chỉ huy.	Ngọc Hồi	
9.	Chiến thắng Chương Dương (1285)	Chiến thắng Chương Dương: Đây là cuộc chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần 2 (1285), Trận Chương Dương – Thăng Long có 1 vị trí to lớn. Đây là trận then chốt quyết định thắng lợi của quân dân nhà Trần với quân xâm lược Mông - Nguyên ngay trên mảnh đất kinh thành Thăng Long.	Chương Dương	Đường
10.	Cuộc khởi	Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn: Cuộc khởi nghĩa	Bắc Sơn	Đường

STT	Tên phong trào cách mạng, sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
	nghĩa Bắc Sơn	vũ trang đầu tiên do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo là một cuộc khởi nghĩa của người Việt chống lại thực dân Pháp và phát xít Nhật diễn ra tại Bắc Sơn, Lạng Sơn vào năm 1940 trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ hai. Quân Nhật đánh vào Lạng Sơn ngày 22 tháng 9 năm 1940, quân đội Pháp trên đường thua chạy đã rút lui qua châu Bắc Sơn.		
11.	Đại hội Quốc dân Tân Trào	Đại hội Quốc dân Tân Trào: Từ ngày 14/8 đến ngày 15/8/1945 Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào (Tuyên Quang) đã ra Nghị quyết gồm 11 phần, Nghị quyết đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Ngày 16, 17/8/1945 Đại hội Quốc dân đã được tổ chức ở Tân Trào và thống nhất chủ trương Tổng khởi nghĩa trên toàn quốc.	Tân Trào	
12.	Hai mươi lăm tháng sáu (25/6)	Hai mươi lăm tháng sáu: Ngày 25/6/1930, là sự kiện lịch sử Cách mạng quan trọng đánh dấu bước ngoặt về sự hình thành cơ sở Đảng đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa.	Hai mươi lăm tháng sáu	
13.	Hai mươi sáu tháng ba (26/3)	Hai mươi sáu tháng ba (26/3/1931): Là ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cánh tay đắc lực, đội hậu bị tin cậy của Đảng Cộng sản Việt Nam.	Hai mươi sáu tháng ba	
14.	Khởi nghĩa Ba Đình	Khởi nghĩa Ba Đình: Là một trong các cuộc khởi nghĩa của Phong trào Cần Vương cuối thế kỷ 19 của nhân dân Việt Nam chống lại ách đô hộ của thực dân Pháp, diễn ra vào năm 1886-1887 tại Ba Đình, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Ba Đình	Công trình công cộng
15.	Khởi nghĩa Bà Triệu (248)	Khởi nghĩa Bà Triệu: Đây là cuộc khởi nghĩa do Triệu Thị Trinh (Bà Triệu) lãnh đạo. Năm 248, Bà Triệu phát cờ khởi nghĩa ở vùng núi Nưa (Triệu Sơn, Thanh Hóa), đông đảo nhân	Bà Triệu	Đường

STT	Tên phong trào cách mạng, sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		dân khắp hai quận Cửu Chân, Giao Chỉ (Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ) nổi dậy hưởng ứng. Bà đã chỉ huy nghĩa quân đánh thắng nhiều trận, quân Ngô tan rã.		
16.	Khởi nghĩa Lam Sơn	Khởi nghĩa Lam Sơn: Tên cuộc khởi nghĩa đánh đuổi quân Minh xâm lược do Lê Lợi lãnh đạo và kết thúc bằng việc giành lại độc lập cho nước Đại Việt và thành lập nhà Hậu Lê.	Lam Sơn	Công trình công cộng
17.	Mồng ba tháng hai (3/2)	Ngày 3/2/1930, là ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.	Mồng ba tháng hai (3/2)	
18.	Nam Kỳ khởi nghĩa	Nam Kỳ khởi nghĩa: Là cuộc nổi dậy vũ trang chống Pháp - Nhật của người dân miền Nam do Xứ ủy Nam Kỳ của Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương và lãnh đạo. Đây là cuộc khởi nghĩa rộng lớn và mạnh mẽ, để lại bài học quý báu, có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, góp phần hoàn thiện đường lối chỉ đạo giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.	Nam Kỳ khởi nghĩa	
19.	Ngày hai mươi tháng hai (20/2)	Ngày hai mươi tháng hai (20/2/1967): Là ngày là Bác Hồ lần đầu tiên về thăm Thanh Hóa.	Hai mươi tháng hai (20/2)	
20.	Ngày mười chín tháng Tám (19/8)	Ngày 19/8/1945: Ngày Ủy ban Khởi nghĩa quyết định khởi nghĩa giành chính quyền. Sáng 19/8/1945, hàng chục vạn nhân dân tập trung tại Nhà hát lớn, Hà Nội. Đúng 11 giờ ngày 19/8/1945, Ủy ban khởi nghĩa đọc lời kêu gọi khởi nghĩa. Sau đó cuộc mít tinh biến thành cuộc biểu tình vũ trang giành chính quyền. Tối 19/8/1945, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội kết thúc hoàn toàn thắng lợi.	Ngày mười chín tháng Tám	
21.	Ngày Quốc khánh (2/9)	Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình - Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc Bản	Mồng hai	

STT	Tên phong trào cách mạng, sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.	tháng Chín	
22.	Phong trào Cần Vương	Phong trào Cần Vương: Đây là phong trào yêu nước do vua Hàm Nghi phát động vào tháng 7/1885; vua Hàm Nghi khởi nghĩa ở kinh thành Huế và sau đó ban chiếu Cần Vương. Phong trào thu hút được một số quan lại trong triều đình và văn thân, tầng lớp sĩ phu yêu nước thời bấy giờ. Phong trào Cần Vương của vua Hàm Nghi, kéo dài từ tháng 7/1885 đến năm 1896.	Cần Vương	
23.	Phong trào “Đồng Khởi” Bến Tre	Phong trào “Đồng Khởi” Bến Tre: Là phong trào cách mạng lớn, cuộc “đồng khởi” diễn ra vào ngày 17/01/1960, đầu tiên ở ba xã điểm là Định Thủy, Bình Khánh và Phước Hiệp, rồi nhanh chóng lan tỏa ra toàn tỉnh Bến Tre. Sau đó, phong trào “Đồng Khởi” lan rộng ra khắp một vùng rộng lớn ở Nam Bộ. Thắng lợi của phong trào "Đồng Khởi" dẫn đến sự thành lập của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam vào ngày 20/12/1960.	Đồng Khởi	
24.	Phong trào Tây Sơn	Tây Sơn, là phong trào khởi nghĩa chống chúa Nguyễn ở Đàng Trong vào cuối thế kỷ XVIII và cũng là một triều đại phong kiến Việt Nam từ năm 1771 đến năm 1802.	Tây Sơn	Đường
25.	Phong trào Xô Viết- Nghệ Tĩnh (1930- 1931)	Phong trào Xô Viết- Nghệ Tĩnh: Đây là phong trào đấu tranh của lực lượng công nhân và nông dân ở Nghệ An và Hà Tĩnh trong năm 1930 - 1931 chống lại thực dân Pháp.	Xô Viết - Nghệ Tĩnh	
26.	Bạch Đằng (938)	Sự kiện Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng (938): Trận chiến Bạch Đằng là một trận quyết chiến có chiến lược lớn trong lịch sử chiến tranh Việt Nam, một bước phát triển rực rỡ của nghệ thuật quân sự Việt Nam. Kết thúc hơn 1000 năm đô hộ của phong kiến phương Bắc, mở ra thời kỳ phát	Bạch Đằng	Phố

STT	Tên phong trào cách mạng, sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		triển Quốc gia phong kiến độc lập.		
27.	Tổng tiến công nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968	Tổng tiến công nổi dậy Tết Mậu Thân: Là cuộc tổng tiến công và nổi dậy vào dịp Tết Mậu Thân năm 1968 của quân Giải phóng miền Nam trên hầu hết lãnh thổ của Việt Nam Cộng hòa. Đây là sự kiện gây chấn động lớn trên thế giới, có vai trò hết sức to lớn trong chiến tranh Việt Nam; buộc Hoa Kỳ phải xuống thang chiến tranh, đi vào đàm phán ký kết Hiệp định Paris năm 1973.	Mậu Thân	

Tổng số: 27 sự kiện, trong đó đã đặt tên 12.

2. Tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng chống xâm lược có giá trị tiêu biểu của Thanh Hóa.

2.1. Các cuộc khởi nghĩa

STT	Tên các cuộc khởi nghĩa	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Khởi nghĩa Ba Đình	Đã đưa vào phần sự kiện của đất nước	Ba Đình	Đường Công trình công cộng
2.	Khởi nghĩa Bà Triệu (248)	Đã đưa vào phần sự kiện của đất nước	Bà Triệu	Đường
3.	Khởi nghĩa Chu Đạt (156)	Khởi nghĩa Chu Đạt (156): Chu Đạt, người huyện Cư Phong (nay là thôn Phú Hào, xã Thọ Phú, huyện Triệu Sơn), năm 156 chiêu mộ dân binh vây đánh huyện sở Cư Phong (vùng đất các huyện Nông Cống, Quảng Xương, Tĩnh Gia, Như Xuân, Như Thanh thuộc tỉnh Thanh Hóa ngày nay).	Chu Đạt	Đường
4.	Khởi nghĩa Hùng Lĩnh	Khởi nghĩa Hùng Lĩnh: Tên cuộc khởi nghĩa do Tống Duy Tân lãnh đạo từ năm 1886 đến 1892. Căn cứ chính Hùng Lĩnh ở huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.	Hùng Lĩnh	
5.	Khởi nghĩa Lam Sơn	Đã đưa vào phần sự kiện của đất nước	Lam Sơn	Công trình

STT	Tên các cuộc khởi nghĩa	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
				công cộng
6.	Khởi nghĩa Lê Ngọc (589 - 600)	Khởi nghĩa Lê Ngọc: Đây là cuộc khởi nghĩa do Lê Ngọc cùng với 4 người con lật đổ quan cai trị của nhà Tùy (Trung Quốc), xưng là hoàng đế, lập Trị sở ở Đông Phố (tức Đồng Pho, xã Đông Hoà, huyện Đông Sơn ngày nay), gọi là kinh đô Trường Xuân.	Lê Ngọc	

Tổng số: 6 sự kiện, trong đó đã đặt 04.

2.2. Phong trào yêu nước, sự kiện Cách mạng tiêu biểu

STT	Tên sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Chiến thắng Hàm Rồng (3-4/4/1965)	Đã đưa vào phần sự kiện của đất nước	Hàm Rồng	Công trình công cộng
2.	Hai mươi chín tháng bảy (29/7)	Ngày thành lập Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa	Hai mươi chín tháng bảy	
3.	Hội Nghị Mao Xá (13/8/1945)	Hội Nghị Mao Xá: ngày 13/8/1945, Tỉnh ủy Thanh Hóa đã triệu tập Hội nghị mở rộng tại nhà Ông Tô Đình Bảng, làng Mao Xá, nay là thôn Toán Ty, xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa để nhận định tình hình và bàn biện pháp chuẩn bị sẵn sàng đón lệnh Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Hội nghị họp trong 3 ngày (13-15/8) quyết định thành lập Ủy ban khởi nghĩa tỉnh, chủ trương tiến hành khởi nghĩa vào đêm 18 rạng ngày 19/8/1945 và sẽ tiến hành ở những nơi có phong trào mạnh, sau đó sẽ tập trung lực lượng hỗ trợ cho những nơi phong trào còn yếu.	Mao Xá	
4.	Khởi Nghĩa Hoằng Hóa (24/7)	Khởi Nghĩa Hoằng Hóa: Phong trào chuẩn bị khởi nghĩa ở Hoằng Hóa phát triển mạnh mẽ. Sáng ngày 24/7/1945, phát xít Nhật và chính quyền bù nhìn phái một đơn vị bảo an binh ở tỉnh kéo về phủ lỵ Hoằng Hoá lùng bắt cán bộ Việt Minh, đánh phá phong trào Cách mạng trong huyện. Dưới sự lãnh	Hai mươi bốn tháng bảy	

STT	Tên sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		đạo trực tiếp của đồng chí Đinh Chương Lân, lực lượng tự vệ và quần chúng nhân dân bố trí phục kích tiêu diệt địch, làm cho địch phải tháo chạy, nhiều tên bị bắt sống. Sau khi bắt được Tri phủ Phạm Trọng Bào, Chi bộ Đảng và Ban cán sự Việt Minh huyện tổ chức mít tinh lớn tại Cồn Ba Cây (xã Hoàng Thắng), tuyên cáo tội ác của chính quyền tay sai phản động, biểu dương tinh thần chiến đấu của quân tự vệ và quần chúng nhân dân; kêu gọi quần chúng thừa thắng xông lên giành chính quyền. Hoàng Hóa trở thành nơi Khởi nghĩa giành chính quyền đầu tiên của Thanh Hóa trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.		

Tổng số: 4 sự kiện, trong đó đã đặt tên 01.

V. TÊN DANH NHÂN

(Tổng số: 773 danh nhân, trong đó đã đặt tên 311; 462 danh nhân đề xuất)

1. Danh nhân đất nước

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
1.	Hoàng Đình Ái	Thanh Hóa	Hoàng Đình Ái (1527-1607), quê làng Biện Thượng, huyện Vĩnh Phúc nay là xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là tướng nhà Lê Trung hưng trong lịch sử Việt Nam.	
2.	Chu Văn An	Hà Nội	Chu Văn An (1292-1370), quê ở làng Văn, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội, là nhà thơ nổi tiếng, nhà giáo mẫu mực và có nhiều đóng góp cho nền giáo dục nước nhà.	Đường, phố, công trình công cộng
3.	Lê Văn An	Thanh Hóa	Lê Văn An (1384-1437), quê ở làng Mục Sơn (nay là xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là Danh tướng của Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, là Nhập đội Đại Tư mã, Đô đốc Tổng quản thời Lê sơ.	Đường phố
4.	Đào Duy Anh	Thanh Hóa	Đào Duy Anh (1904-1988), quê ở xã Trung Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, là Giáo sư Sử học và Văn hóa học, được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật.	Đường, phố, công trình công cộng
5.	Nguyễn Thị	Thanh	Nguyễn Thị Anh (1422 -1459), quê xã Bồ Vệ,	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
	Anh	Hóa	huyện Đông Sơn (nay là phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa), tỉnh Thanh Hóa, là phi tần của hoàng đế Lê Thái Tông, mẹ đẻ của Hoàng đế Lê Nhân Tông, là Thần phi, Thái hậu nhiếp chính thời Lê Sơ.	
6.	Chu Bá	Thanh Hóa	Chu Bá (Thế kỷ I), quê Thanh Hóa, là danh tướng khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40-43).	
7.	Tôn Thất Bách	Thừa Thiên Huế	Tôn Thất Bách (1946-2004), quê xã Dương Xuân Thượng, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông thuộc dòng dõi hoàng tộc Triều đình nhà Nguyễn, là Phó Giáo sư, chuyên gia đầu ngành về tim mạch của Việt Nam và thế giới.	Phố
8.	Phạm Bành	Thanh Hóa	Phạm Bành (1830-1887), quê ở làng Trương Xá, xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Án sát thời nhà Nguyễn và là lãnh tụ trong Phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa.	Đường phố
9.	Lý Thiên Bảo	Thái Bình	Lý Thiên Bảo (?-555), quê Thái Bình, là người khôi phục lại triều Lý Nam Đế, là vua nước Dã Nang (tồn tại phía Tây với nhà Tiền Lý) trong lịch sử Việt Nam.	
10.	Nguyễn Bặc	Ninh Bình	Nguyễn Bặc (thế kỷ X), quê gốc ở Gia Viễn - Ninh Bình, là Thủy Tổ họ Nguyễn ở Gia Miêu, huyện Tống Sơn (nay thuộc xã Hà Long, huyện Hà Trung), tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng của Đinh Bộ Lĩnh, có công giúp Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân, là Đinh Quốc Công.	Phố
11.	Lương Đắc Bằng	Thanh Hóa	Lương Đắc Bằng (1471 – 1521), quê làng Hội Triều (nay thuộc xã Hoàng Phong), huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hóa. Là Thượng thư, kiêm Đông các Đại học sỹ thời Lê sơ.	Đường
12.	Nguyễn Lương Bằng	Hải Dương	Nguyễn Lương Bằng (1904- 1979), quê tỉnh Hải Dương, là một nhà hoạt động Cách mạng và chính khách của Việt Nam, từng giữ chức vụ Phó Chủ tịch nước Việt Nam (1969-1979).	
13.	Đỗ Bí	Thanh Hóa	Đỗ Bí (1400 -1460), quê thôn Cung Hoàng (nay là thôn Cung Điền, xã Minh Nghĩa, huyện	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Nông Công, tỉnh Thanh Hóa). Là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, được ban tước Đình Thượng hầu.	
14.	Bùi Bị	Thanh Hóa	Bùi Bị (khoảng thế kỷ XV), quê ở Hào Lương, huyện Lương Giang (nay là huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa). Là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, được ban tước Huyện hầu dưới thời Lê sơ.	
15.	Nguyễn Biểu	Hà Tĩnh	Nguyễn Biểu (?-1413,) quê xã Đình Hồ, huyện La Giang, La Sơn (nay là xã Yên Hồ, Đức Thọ), Hà Tĩnh, là tướng nhà Hậu Trần trong lịch sử Việt Nam.	Phó
16.	Nguyễn Bính	Nam Định	Nguyễn Bính (1918-1966), tên thật là Nguyễn Trọng Bính, quê ở tỉnh Nam Định, là một nhà thơ lớn của nền văn học Việt Nam.	Đường, Phó
17.	Nguyễn Thái Bình	Long An	Nguyễn Thái Bình (1948 - 1972), quê xã Trường Bình, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Là sinh viên phản chiến của Việt Nam bị bắn chết tại phi trường Tân Sơn Nhất. Sau cái chết, anh trở thành một biểu tượng cho phong trào phản chiến của sinh viên miền Nam Việt Nam vào những năm 70 của thế kỷ XX.	
18.	Đinh Bô	Thanh Hóa	Đinh Bô (?-1427), quê tại làng Thủy Cối nay thuộc xã Minh Tiến, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, là Thượng tướng quân thời Lê sơ.	
19.	Phạm Bôi	Thanh Hóa	Phạm Bôi (thế kỷ XV), quê làng Nguyễn Xá, hương Lam Sơn, huyện Lương Giang (nay là huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan tới chức Nhập nội kiểm hiệu Thái bảo dưới thời Lê sơ.	Đường
20.	Lê Bôi	Thanh Hóa	Lê Bôi (?-?), người làng Nguyễn Xá, huyện Lương Giang (nay là huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là danh tướng thời Lê, là một trong số 18 người tham dự Hội thề Lũng Nhai, tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
21.	Triệu Bôn	Thanh Hóa	Triệu Bôn (1938-2003), tên thật là Lê Văn Bửu, quê Kim Bôi, xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là nhà văn, nhà báo trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.	
22.	Mạc Thị Bưởi	Hải Dương	Mạc Thị Bưởi (1927-1951), quê xã Nam Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, là một trong những người được Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam ngay trong đợt phong tặng đầu tiên vào năm 1955.	Phó
23.	Tạ Quang Bửu	Nghệ An	Tạ Quang Bửu (1910-1986), quê ở tỉnh Nghệ An, là Giáo sư, nhà Toán học, nhà hoạt động khoa học, là người đặt nền móng cho lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ quân sự Việt Nam.	Đường, Phó
24.	Lương Văn Can	Hà Nội	Lương Văn Can (1854-1927) hay Lương Ngọc Can, quê làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Đông (nay là xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội), là một chí sĩ thời cận đại, là một trong số người sáng lập ra trường Đông Kinh Nghĩa Thục năm 1907.	Đường
25.	Nguyễn Đức Cảnh	Thái Bình	Nguyễn Đức Cảnh (1908-1932), quê làng Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, là nhà hoạt động Cách mạng Việt Nam, là Bí thư đầu tiên của Thành ủy Hải Phòng và là Tổng biên tập đầu tiên của Báo Lao động.	Đường, Phó
26.	Nguyễn Hữu Cảnh	Thanh Hóa	Nguyễn Hữu Cảnh (1650 – 1700), quê làng Gia Miêu, huyện Hà Trung, Thanh Hóa, là Cai cơ, Thống suất thời chúa Nguyễn.	
27.	Nam Cao	Hà Nam	Nam Cao (1917 -1951), tên thật là Trần Hữu Tri, quê làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Sang, phủ Lý Nhân (nay là xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, Hà Nam), là nhà báo, là một trong những nhà văn tiêu biểu nhất của nền văn học Việt Nam.	Đường, Phó
28.	Nguyễn Cao	Bắc Ninh	Nguyễn Cao (1837 - 1887), tên đầy đủ là Nguyễn Thế Cao, quê ở Cách Bi, huyện Quế	Phó

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Dương, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc huyện Quế Võ, Bắc Ninh), là một danh tướng nhà Nguyễn và là một nhà thơ Việt Nam ở thế kỷ XIX.	
29.	Văn Cao	Nam Định	Văn Cao (1923 -1995), tên thật là Nguyễn Văn Cao, quê An Lễ, xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, là một nhạc sĩ tài năng, tác giả của bài Tiến quân ca – Quốc ca của nước Việt Nam.	
30.	Trần Quý Cáp	Quảng Nam	Trần Quý Cáp (1870-1908), người làng Bát Nhị, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, tham gia phong trào Duy Tân chống Pháp, sau đó bị bắt giam vào năm 1908.	Đường
31.	Trịnh Căn	Thanh Hóa	Trịnh Căn (1633–1709), người làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là vị chúa thứ tư của Dòng họ Trịnh.	
32.	Đội Cán	Vĩnh Phúc	Đội Cán (1881-1918), còn có tên là Trịnh Văn Đạt, quê làng Yên Nhiên, phủ Vĩnh Tường, nay thuộc xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, là một thủ lĩnh trong cuộc binh biến chống chính quyền thực dân Pháp tại Thái Nguyên năm 1917.	Đường
33.	Huy Cận	Hà Tĩnh	Cù Huy Cận (1919- 2005), bút danh Huy Cận, quê làng Ân Phú, huyện Hương Sơn sau đó thuộc huyện Đức Thọ (nay là xã Ân Phú, huyện Vũ Quang) tỉnh Hà Tĩnh, là một trong những nhà thơ lớn của văn học Việt Nam.	
34.	La Văn Cầu	Cao Bằng	La Văn Cầu (1932 - ?), quê xã Khâm Thành, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.	
35.	Lê Chân	Quảng Ninh	Lê Chân (?-?), quê làng An Biên, Đông Triều, phủ Kinh Môn, trấn Hải Dương (nay thuộc thôn An Biên, xã Thủy An, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh), là nữ tướng của Hai Bà Trưng, là người có nhan sắc, giỏi võ nghệ lại có tài thơ phú nên tiếng đồn đến tai Thái thú nhà Hán là Tô Định.	Đường, Phó
36.	Trần Khát	Thanh	Trần Khát Chân (1370-1399), quê ở Hà Lãng,	Đường công

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
	Chân	Hóa	huyện Vĩnh Ninh (nay là huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa), là Thượng tướng quân thời Trần, có công đánh lui các cuộc tấn công của quân Chiêm Thành vào Đại Việt, giết được vua Chiêm là Chế Bồng Nga.	trình công cộng
37.	Phan Bội Châu	Nghệ An	Phan Bội Châu (1867-1940), tên thật là Phan Văn San, quê làng Đan Nhiễm, xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, là một danh sĩ và là nhà cách mạng Việt Nam, hoạt động trong thời kỳ Pháp thuộc.	Đường, Phố
38.	Mạc Đĩnh Chi	Hải Dương	Mạc Đĩnh Chi (1280-1346) tên tự là Tiết Phu, quê ở Lũng Động, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương là một quan đại thần thanh liêm qua ba đời vua của triều Trần trong lịch sử Việt Nam.	Đường, Phố
39.	Trương Chiến	Thanh Hóa	Trương Chiến (? - 1436), người thôn Thụ Mệnh, huyện Vĩnh Ninh (nay là huyện Vĩnh Lộc tỉnh Thanh Hóa), là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Ông là một trong 19 người tham gia hội thề Lũng Nhai.	
40.	Nguyễn Chích	Thanh Hóa	Nguyễn Chích (1382 – 1448), quê ở xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn	Phố
41.	Nguyễn Đình Chiểu	Thừa Thiên Huế	Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), quê làng Bồ Điền, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, là nhà thơ lớn của Việt Nam thế kỷ XIX.	Đường
42.	Trương Chinh	Nam Định	Trương Chinh (1907-1988), tên thật là Đặng Xuân Khu, quê xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, từng giữ chức Tổng bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (lần thứ nhất giai đoạn 1941-1956, lần thứ hai 1986), Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1960-1975), Chủ tịch Quốc hội (khóa V, VI).	
43.	Phó Đức Chính	Hưng Yên	Phó Đức Chính (1908-1930), quê làng Đa Ngru, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, là lãnh tụ của Việt Nam Quốc dân Đảng.	Đường
44.	Nguyễn Phúc Chu	Thanh Hóa	Nguyễn Phúc Chu (1675-1725), quê gốc ở Gia Miêu, huyện Tống Sơn (nay là xã Hà Long, huyện	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa), là vị Chúa thứ sáu của Dòng họ Nguyễn, người có công mở cõi đất phương Nam.	
45.	Phan Huy Chú	Hà Tĩnh	Phan Huy Chú (1782-1840), quê gốc Hà Tĩnh, sinh ở làng Thày, huyện Yên Sơn (nay là Quốc Oai, Hà Nội), là nhà văn hóa lớn của dân tộc Việt Nam.	Đường, Phó
46.	Lưu Nhân Chú	Thái Nguyên	Lưu Nhân Chú (? – 1433), quê tỉnh Thái Nguyên, là một vị tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, là một trong 18 người tham dự Hội thề Lũng Nhai.	Đường
47.	Võ Chí Công	Quảng Nam	Võ Chí Công (1912-2011), tên thật là Võ Toàn, quê làng Tam Mỹ, tổng Phú Quý, phủ Tam Kỳ, nay là thôn Khuong Mỹ, xã Tam Xuân I, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, nguyên Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Việt Nam, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.	
48.	Âu Cơ		Âu Cơ (?-?) tương truyền là giống Tiên (Phú Thọ), lấy Lạc Long Quân giống Rồng, là một nhân vật trong truyền thuyết Việt Nam, theo đó Bà là tổ mẫu của người Việt.	
49.	Nguyễn Trinh Cơ	Thanh Hóa	Nguyễn Trinh Cơ (1915- 1985), quê ở Nông Trường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Giáo sư, Tiến sỹ Y học nổi tiếng, có nhiều đóng góp cho nền Y học nước nhà.	
50.	Đặng Trần Côn	Hà Nội	Đặng Trần Côn (1720-1745), quê ở làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì, nay thuộc phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội, là người giỏi thơ phú, là tác giả Chinh phụ ngâm viết bằng chữ Hán sau được dịch sang chữ Nôm, từng giữ chức Ngự sử đài đại phu thời Lê Trung hưng.	Đường
51.	Lương Định Của	Sóc Trăng	Lương Định Của (1918-1975) là Anh hùng Lao động, quê ở xã Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, là một nhà nông học, nhà tạo giống cây trồng của Việt Nam.	Đường, Phó
52.	Đội Cung	Hà Tĩnh	Đội Cung (?-1941), tên thật là Trần Công Cung hay Nguyễn Văn Cung, quê huyện Kỳ Anh, Hà	ĐườngP hồ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Tĩnh, là thủ lĩnh của một số binh sĩ lính khố xanh ngày 13 tháng 1 năm 1941 tại Nghệ An.	
53.	Phạm Cuồng	Thanh Hóa	Phạm Cuồng (1367-?), quê huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, là người có mặt từ buổi đầu Lam Sơn khởi nghĩa, có nhiều đóng góp vào sự thành công của Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn.	
54.	Nguyễn Văn Cừ	Bắc Ninh	Nguyễn Văn Cừ (1912-1941), quê xã Phù Khê, huyện Từ Sơn, Bắc Ninh, người chiến sĩ Cách mạng trung kiên. Năm 1938 ông được bầu giữ chức Tổng bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương khi mới 26 tuổi.	Đường, Phó
55.	Trịnh Cương	Thanh Hóa	Trịnh Cương (1686-1729), người làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là vị Chúa thứ năm của Dòng họ Trịnh.	
56.	Ngô Thị Ngọc Dao	Thanh Hóa	Ngô Thị Ngọc Dao (1421-1496), quê làng Động Bàng, nay là xã Định Hòa, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, là Quang Thục Hoàng Thái hậu triều Lê Sơ.	Phó
57.	Nguyễn Hữu Dật	Thanh Hóa	Nguyễn Hữu Dật (1603-1668), quê ở làng Gia Miêu, xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là Võ tướng làm quan tới chức Bộ chính dưới thời Chúa Nguyễn, có công mở rộng vùng đất phương Nam, nổi tiếng vùng Nam Bộ.	
58.	Hồ Đắc Di	Thừa Thiên Huế	Hồ Đắc Di (1900-1984), sinh ra tại Hà Tĩnh, quê ở làng An Truyền, xã Phú An, huyện Phú Vang, Thừa Thiên Huế, là một bác sĩ nổi tiếng ở Việt Nam.	Đường
59.	Lưu Diễm	Thanh Hóa	Lưu Diễm (1211 - ?), quê ở Vĩnh Trị, xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa, nay thuộc Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Đông các Đại học sĩ thời nhà Trần.	
60.	Tô Vĩnh Diện	Thanh Hóa	Tô Vĩnh Diện (1924 - 1954), quê thôn Dục Khê, xã Nông Trường, huyện Nông Công (nay thuộc huyện Triệu Sơn), tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân của Việt Nam, anh nổi tiếng với giai thoại hy sinh thân mình để	Đường Phó

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			cứu khẩu pháo không bị lặn xuống vực trong Chiến dịch Điện Biên Phủ.	
61.	Trần Quang Diệu	Bình Định	Trần Quang Diệu (?-1802), quê huyện Hoài Ân, Bình Định, là danh tướng Tây Sơn.	Phó
62.	Hoàng Diệu	Quảng Nam	Hoàng Diệu (1832-1882), quê ở Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, là một vị quan dưới thời nhà Nguyễn, người đã quyết tử bảo vệ thành Hà Nội khi Pháp tấn công năm 1882.	Đường, Phó
63.	Xuân Diệu	Hà Tĩnh	Ngô Xuân Diệu (1916-1985), bút danh là Xuân Diệu, quê huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, là một trong những nhà thơ lớn của nền văn học Việt Nam.	Đường, Phó
64.	Vừ A Dính	Điện Biên	Vừ A Dính (1934 - 1949), quê huyện Tuần Giáo, tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên), là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, liệt sĩ quân đội nhân dân Việt Nam.	
65.	Lê Thiêu Dĩnh	Thanh Hóa	Lê Thiêu Dĩnh (thế kỷ XV), quê ở hương Lão Lạt, huyện Thống Bình, châu Ái, trấn Thanh Đô (nay thuộc huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa), là An phủ sứ và là nhà ngoại giao thời Lê sơ.	
66.	Trịnh Doanh	Thanh Hóa	Trịnh Doanh (1720 - 1767), quê ở làng Sóc Sơn (nay là xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa), là vị Chúa thứ bảy của Dòng họ Trịnh.	
67.	Nguyễn Du	Hà Tĩnh	Nguyễn Du (1766-1820), tự là Tố Như, hiệu Thanh Hiên, người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, là nhà thơ lớn, để lại nhiều thi phẩm Hán Nôm, trong đó có tác phẩm bất hủ Truyện Kiều. Ông được UNESCO tôn vinh Danh nhân Văn hóa thế giới.	Đường, Phó
68.	Nguyễn Hoảng Dụ	Thanh Hóa	Nguyễn Hoảng Dụ (? – 1518), quê xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là tướng nhà Lê sơ trong lịch sử Việt Nam.	
69.	Lê Duẩn	Quảng Trị	Lê Duẩn (1907 -1986), tên thật là Lê Văn Nhuận, quê làng Bích La, xã Triệu Đông, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, là Bí thư	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Thứ nhất Trung ương Đảng Lao động Việt Nam. Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam.	
70.	Nguyễn Công Duẩn	Thanh Hóa	Nguyễn Công Duẩn(?-?), quê ở làng Gia Miêu Ngoại Trang, nay là xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, là Thái bảo Hoành công dưới thời Lê sơ.	
71.	Trần Nhật Duật	Nam Định	Trần Nhật Duật (1255 – 1331), quê tỉnh Nam Định, là người có nhiều công lớn trong chỉ huy trận chiến đánh quân Nguyên - Mông, nổi danh trong trận Hàm Tử (1285).	Phó
72.	Lê Hoàng Dục	Thanh Hóa	Lê Hoàng Dục (TK XV), quê xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là một Võ quan triều Lê sơ. Hành trạng của Ông được xác thực bởi Minh thực lục và Đại Việt sử ký toàn thư.	
73.	Đặng Dung	Quảng Trị	Đặng Dung (?-1414), quê Hóa Châu, tỉnh Quảng Trị, làm tướng cuối đời Trần, tham gia các trận Hàm Tử, Yên Mô, Chí Linh năm 1413.	Phó
74.	Văn Tiến Dũng	Hà Nội	Văn Tiến Dũng (1917- 2002), quê Hà Nội, là Đại tướng Quân đội Nhân dân Việt Nam.	
75.	Trần Khánh Dư	Hải Dương	Trần Khánh Dư (?-1339), quê ở Chí Linh, Hải Dương, là một chính khách, nhà quân sự Đại Việt dưới thời Trần.	Đường, Phó
76.	Nguyễn Đôn Dự	Thanh Hóa	Nguyễn Đôn Dự (?-?), quê làng Thọ Vực, xã Hoàng Phúc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, thi đỗ giải nguyên, là nhà yêu nước, tham gia Phong trào Đông Du.	
77.	Đô Dương	Thanh Hóa	Đô Dương (?-?), quê ở Thanh Hóa, là một vị tướng tài trong cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.	
78.	Đình Chương Dương	Thanh Hóa	Đình Chương Dương (1889-1972), quê ở làng Y Bích, nay thuộc xã Hải Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Ông là chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa, là Lão thành Cách mạng, Đại biểu Quốc hội khóa I, Cố vấn Chính phủ ở Trung bộ.	Phó

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
79.	HỒ DZÉNH	Thanh Hóa	HỒ DZÉNH (1916- 1991), quê ở làng Đông Bích, xã Quảng Trường, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, là nhà thơ của Việt Nam, được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật năm 2007.	
80.	Tản Đà	Hà Nội	Tản Đà (1889 - 1939), tên thật Nguyễn Khắc Hiếu, quê Sơn Tây nay thuộc Hà Nội, là một nhà thơ, nhà văn và nhà viết kịch nổi tiếng của Việt Nam.	Đường
81.	Trần Nguyên Đán	Nam Định	Trần Nguyên Đán (1326- 1390), tên hiệu là Băng Hồ, quê Nam Định, là Danh thần nhà Trần.	Đường
82.	Bé Văn Đàn	Cao Bằng	Bé Văn Đàn (1931-1953), là người dân tộc Tày, quê ở xã Quang Vinh (nay là xã Triệu Âu), huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng, là Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, nổi tiếng với hình tượng " lấy thân mình làm giá súng".	Phố
83.	Lê Quang Đạo	Bắc Ninh	Lê Quang Đạo (1921-1999), tên thật là Nguyễn Đức Nguyên, quê Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh, là một chính khách của Việt Nam, nguyên Chủ tịch Quốc hội Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Việt Nam (1987-1992).	
84.	Trần Hưng Đạo	Nam Định	Trần Hưng Đạo (? - 1300), tên thật là Trần Quốc Tuấn, còn được gọi là Hưng Đạo đại Vương, quê tỉnh Nam Định, là danh tướng, một anh hùng dân tộc kiệt xuất, một nhà chính trị, nhà văn cũng như là Tư lệnh tối cao chỉ huy quân đội thời nhà Trần.	Đường
85.	Cao Đáp	Thanh Hóa	Cao Đáp (cuối thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XV), quê xã Phú Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, người có công theo Lê Lợi từ thời ở Lũng Nhai, tham gia nhiều trận đánh lớn nhỏ góp phần vào sự thành công của Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn,	
86.	Chu Đạt	Thanh Hóa	Chu Đạt (91 - 160), là người ở Cư Phong (nay thuộc làng Phú Hào, Thọ Phú, Triệu Sơn), Thanh Hóa, là thủ lĩnh Cuộc khởi nghĩa tại Cừu Chân thời Bắc thuộc chống ách thống trị nhà Đông Hán.	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
87.	Hoàng Bất Đạt	Thanh Hóa	Hoàng Bất Đạt (? – 1887), quê ở làng Bộ Đầu, xã Thuần Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là lãnh tụ Phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa.	Đường Phố
88.	Triệu Quốc Đạt	Thanh Hóa	Triệu Quốc Đạt (?-?), quê Thanh Hóa, là một huyện lệnh, hào trưởng - thủ lĩnh vùng đất thuộc Cửu Chân (Thanh Hóa), anh ruột của Triệu Thị Trinh (hay Bà Triệu).	Đường Phố
89.	Mai Hắc Đế	Hà Tĩnh	Mai Hắc Đế (? – 722), tên thật là Mai Thúc Loan, quê Hà Tĩnh, là vị vua người Việt thời Bắc thuộc, anh hùng dân tộc, người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống lại sự chiếm đóng của nhà Đường ở Việt Nam vào đầu thế kỷ thứ VIII.	Đường
90.	Lý Nam Đế	Thái Bình	Lý Nam Đế (503 – 548), còn gọi là Lý Bôn, quê Thái Bình, là vị vua đầu tiên của nhà Tiền Lý và nước Vạn Xuân.	Đường
91.	Đoàn Thị Điểm	Hưng Yên	Đoàn Thị Điểm (1705-1748), hiệu “Hồng Hà nữ sĩ”, quê ở xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, Hưng Yên, là nữ sĩ Việt Nam thời Lê Trung hưng.	Đường, Phố
92.	Cao Bá Diên	Thanh Hóa	Cao Bá Diên (1848 - 1896), hay Cao Diên, Cao Diên, quê ở làng Trinh Sơn (nay thuộc xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa), là Đề đốc thời nhà Nguyễn, là cộng sự đắc lực của Tổng Duy Tân trong Cuộc Khởi nghĩa Hùng Lĩnh (1887 - 1892) hưởng ứng chiếu Cần Vương.	Đường Phố
93.	Nguyễn Thị Định	Bến Tre	Nguyễn Thị Định (1920-1992), còn gọi là Ba Định, quê xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, là Nữ tướng đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam.	Đường
94.	Trương Định	Quảng Ngãi	Trương Định (1820-1864), quê huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi, ngụ ở Gia Định, là võ quan nhà Nguyễn và là thủ lĩnh chống Pháp giai đoạn 1859-1864 trong lịch sử Việt Nam.	Đường, Phố
95.	Bùi Bằng Đoàn	Hà Nội	Bùi Bằng Đoàn (1889-1995), quê xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông (nay là Hà Nội), là Thượng thư bộ Hình triều Nguyễn (1933-1945), Trưởng ban Thanh tra đặc biệt của Chính	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Trưởng ban Thường trực Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Khóa I.	
96.	Cao Đình Độ	Thanh Hóa	Cao Đình Độ (1744- 1810), quê ở xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, là Tổ nghề Kim hoàn ở Việt Nam.	
97.	Trần Thủ Độ	Thái Bình	Trần Thủ Độ (1194-1264), quê huyện Hưng Hà, Thái Bình, là một nhà chính trị Đại Việt cuối thời Lý đầu thời Trần. Ông đóng vai trò quan trọng trong các sự kiện, lập nên nhà Trần, thu phục các thế lực người Man làm phản loạn và trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông lần thứ nhất.	Đường
98.	Phạm Đốc	Thanh Hóa	Phạm Đốc (1514 - 1559), quê ở Thọ Sơn, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Võ quan, làm quan đến chức Thượng thư dưới thời Lê Trung hưng.	
99.	Lê Quý Đôn	Thái Bình	Lê Quý Đôn (1726-1784), tên lúc nhỏ là Lê Danh Phương, quê ở làng Diên Hà, huyện Diên Hà, trấn Sơn Nam, nay là thôn Đồng Phú thuộc xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, là vị quan thời Lê Trung hưng, cũng là nhà thơ và được mệnh danh là "nhà bác học lớn của Việt Nam trong thời phong kiến".	Đường, Công trình công cộng
100.	Đặng Tiến Đông	Hà Nội	Đặng Tiến Đông (1738-1803), quê ở làng Lương Xá, huyện Chương Mỹ, Hà Nội, làm quan thời Lê-Trịnh, sau đầu quân Tây Sơn và trở thành danh tướng của Nguyễn Huệ.	Đường
101.	Phạm Văn Đồng	Quảng Ngãi	Phạm Văn Đồng (1906 -2000), quê ở xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, là Thủ tướng đầu tiên của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ năm 1976 (từ năm 1981 gọi là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng) cho đến khi nghỉ hưu năm 1987.	
102.	Kim Đồng	Cao Bằng	Kim Đồng (1929-1943), tên thật là Nông Văn Dền, dân tộc Nùng, quê ở bản Nà Mạ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng gần hang Pác Bó, là người	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Đội trưởng đầu tiên của tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.	
103.	Tự Đức	Thanh Hóa	Tự Đức (1829-1883), tên thật là Nguyễn Phúc Hồng Nhậm, quê ở Gia Miêu, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hóa (nay là xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa), là Vua thứ tư của Triều Nguyễn.	
104.	Lê Ê	Thanh Hóa	Lê Ê (? - 1460), quê ở làng Thái Lai, huyện Lương Giang (nay là xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân), là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nhập nội Đô đốc Bình chương sự dưới thời Lê sơ.	
105.	Hoàng Minh Giám	Hà Nội	Hoàng Minh Giám (1904-1995), quê xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông, nay là quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Ông là nhà ngoại giao của Việt Nam, người trực tiếp trợ giúp cho Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuộc đàm phán với nhà ngoại giao Sainteny của Chính phủ Pháp, dẫn đến việc kí Hiệp định Sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946.	Đường
106.	Ninh Viết Giao	Thanh Hóa	Ninh Viết Giao (1933-2014), quê xã Hoàng Xuyên, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là nhà giáo, nhà thơ, nhà văn, nhà nghiên cứu văn hóa dân gian nổi tiếng và có nhiều đóng góp cho nền văn hóa Việt Nam.	
107.	Xuân Giao	Hung Yên	Xuân Giao (1932 - 2014), quê ở Như Quỳnh, Văn Lâm, Hưng Yên, là nhạc sĩ nổi tiếng của Việt Nam.	
108.	Võ Nguyên Giáp	Quảng Bình	Võ Nguyên Giáp (1911 - 2013), quê xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, là Đại tướng đầu tiên, Tổng tư lệnh của Quân đội Nhân dân Việt Nam, cũng là người chỉ huy đầu tiên Quân đội Nhân dân Việt Nam.	
109.	Phan Đình Giót	Hà Tĩnh	Phan Đình Giót (1922-1954), quê quán làng Tam Quang, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, là một trong 16 anh hùng lực lượng vũ trang nhân	Đường, Phó

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			dân được tuyên dương vì thành tích trong Chiến dịch Điện Biên Phủ.	
110.	Lê Giốc	Thanh Hóa	Lê Giốc (? - 1377), quê ở tổng Cô Định (nay là xã Tân Ninh), huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là An phủ sứ thời Trần.	
111.	Dương Quảng Hàm	Hưng Yên	Dương Quảng Hàm (1898-1946), quê làng Phú Thị, nay thuộc xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, là nhà nghiên cứu văn học, nhà giáo dục Việt Nam. Tác phẩm Việt Nam văn học sử yếu, do Ông dày công biên soạn, được xem là cuốn văn học sử phổ thông bằng chữ quốc ngữ đầu tiên của Việt Nam.	
112.	Hoàng Xuân Hãn	Hà Tĩnh	Hoàng Xuân Hãn (1908- 1996), quê làng Yên Hồ, huyện La Sơn, nay là xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, là nhà sử học, nhà ngôn ngữ học, nhà nghiên cứu văn hóa, giáo dục Việt Nam, đồng thời là một kỹ sư, nhà toán học. Ông là người soạn thảo và ban hành Chương trình Trung học Việt Nam đầu tiên.	
113.	Trần Nguyên Hãn	Phú Thọ	Trần Nguyên Hãn (? -1429), quê ở tỉnh Phú Thọ, là Võ tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, là Khai quốc công thần thời Lê.	Đường
114.	Đỗ Hành	Thanh Hóa	Đỗ Hành (thế kỷ XIII), quê Hoảng Hóa, là Võ tướng thời Trần, lập chiến công bắt Ô Mã Nhi và Tích Lệ Cơ Vương trong kháng chiến chống Mông - Nguyên lần thứ ba (1287 - 1288).	Phố
115.	Từ Đạo Hạnh	Bắc Ninh	Từ Đạo Hạnh (1072-1116), tục gọi là Đức thánh Láng, quê Bắc Ninh, là một Thiền sư nổi tiếng thời nhà Lý.	Đường
116.	Vạn Hạnh	Bắc Ninh	Vạn Hạnh (929-1018), quê thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, là tên một vị thiền sư người Việt có nhiều đóng góp trong việc mở ra triều đại nhà Lý, một trong những triều đại nổi bật nhất trong lịch sử Việt Nam.	
117.	Nguyễn Hữu Hào	Thanh Hóa	Nguyễn Hữu Hào (1646-1713), quê ở Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là Thống	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			binh, Trấn thủ dưới thời chúa Nguyễn.	
118.	Lê Ngọc Hân	Thanh Hóa	Lê Ngọc Hân (1770-1799), còn gọi Ngọc Hân công chúa hay Bắc Cung Hoàng hậu, dân gian còn lưu truyền gọi là Bà Chúa Tiên, quê Thanh Hóa, là công chúa nhà Hậu Lê và hoàng hậu nhà Tây Sơn trong lịch sử Việt Nam, vợ của vua Quang Trung (Nguyễn Huệ).	Đường
119.	Lê Hiêm	Thanh Hóa	Lê Hiêm (1392-1443), quê Thọ Xuân, Thanh Hóa, là Danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, Đại Quan lang thời Lê sơ.	
120.	Nguyễn Thượng Hiền	Hà Đông	Nguyễn Thượng Hiền (1868-1925), tự là Đình Nam, Đình Thần, tên hiệu: Mai Sơn, quê làng Liên Bạt, Hà Đông, được gọi là Ông nghề Liên Bạt.	Phó
121.	Lê Thì Hiến	Thanh Hóa	Lê Thì Hiến (1611 – 1676), người xã Phú Hào, huyện Lôì Dương, phủ Thiệu Thiên (nay là thuộc xã Thọ Phú), huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là vị tướng tài dưới thời Lê Trung hưng.	
122.	Nguyễn Hiền	Nam Định	Nguyễn Hiền (1234-1255), người làng Dương A, huyện Thượng Hiền, phủ Thiên Trường (nay là xã Nam Thắng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, Ông thi đỗ trạng nguyên khi mới 13 tuổi, trở thành trạng nguyên trẻ nhất trong lịch sử khoa cử Việt Nam.	
123.	Tổng Phúc Hiệp	Thanh Hóa	Tổng Phúc Hiệp (?-1776), quê gốc ở Gia Miêu, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hoa (nay là xã Hà Long), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là danh tướng thời chúa Nguyễn Phúc Thuần.	
124.	Lê Hiêu	Thanh Hóa	Lê Hiêu (1409-1490), quê huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Ông được xếp thứ 29 trong số 35 vị khai quốc công thần triều Lê.	
125.	Lưu Hưng Hiếu	Thanh Hóa	Lưu Hưng Hiếu (1456- ?) còn gọi là Lê Hưng Hiếu, quê ở xã Hà Lương (nay là xã Vĩnh Thành), huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa, là Thượng thư kiêm đông các đại học sĩ dưới thời Lê sơ.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
126.	Lê Phụng Hiều	Thanh Hóa	Lê Phụng Hiều (Thế kỷ XI), quê ở làng Bãng Sơn (nay là Hoằng Sơn), huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Đô thống Thượng tướng quân thời Lý.	Đường, Phố
127.	Nguyễn Hiều	Thanh Hóa	Nguyễn Hiều (1674-1735), quê làng Lan Khê, huyện Nông Cống, (nay là thôn Phương Khê, xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn), tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư, Tham tụng thời Lê Trung hưng.	Phố
128.	Nguyễn Duy Hiều	Quảng Nam	Nguyễn Duy Hiều (1847- 1887), quê làng Thanh Hà, huyện Duyên Phúc (nay là xã Cẩm Hà, thị xã Hội An), tỉnh Quảng Nam, là một chí sĩ và là một lãnh tụ trong phong trào Cần Vương chống Pháp ở Quảng Nam.	Đường
129.	Tô Hiều	Hưng Yên	Tô Hiều (1912-1944), quê thôn Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, là một nhà Cách mạng Cộng sản Việt Nam.	Đường, Phố
130.	Hoàng Thiều Hoa		Hoàng Thiều Hoa (TK I), nữ tướng đời Trung Vương, không rõ năm sinh, năm mất.	
131.	Nguyễn Công Hoan	Bắc Ninh	Nguyễn Công Hoan (1903 -1977), quê ở làng Xuân Cầu, tổng Xuân Cầu, huyện Văn Giang, phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, là một nhà văn, nhà báo, thành viên Hội nhà văn Việt Nam.	
132.	Lê Hoàn - Lê Đại Hành	Thanh Hóa	Lê Hoàn - Lê Đại Hành (941-1005), quê Xuân Lập, Thọ Xuân, là Vua đầu tiên của nhà Tiền Lê.	Đường Phố, Công trình công cộng
133.	Nguyễn Hoàn	Thanh Hóa	Nguyễn Hoàn (1713- 1792), quê ở làng Phương Khê, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là nhà giáo dục, nhà chính trị nổi tiếng mà còn là một nhà văn hóa, nhà sử học, từng giữ chức Đông Các đại học sỹ, Hàn Lâm hiệu thảo phụ trách Quốc Tử Giám.	
134.	Trần Quốc Hoàn	Nghệ An	Trần Quốc Hoàn (1916-1986), tên thật là Nguyễn Trọng Cảnh, quê ở xóm 8 xã Nam Trung, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, là Bộ trưởng	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Công an đầu tiên của Việt Nam.	
135.	Trần Hoàn	Quảng Trị	Trần Hoàn (1928-2003), tên thật là Nguyễn Tăng Hích, quê Hải Lăng, Quảng Trị, là nhạc sĩ nổi tiếng của Việt Nam.	
136.	Nguyễn Hoàng	Thanh Hóa	Nguyễn Hoàng (1525-1613), quê làng Gia Miêu, huyện Hà Trung, là Chúa đầu tiên của dòng họ Nguyễn.	Đường
137.	Đinh Tiên Hoàng	Ninh Bình	Đinh Tiên Hoàng (924- 979), tức Đinh Bộ Lĩnh quê Ninh Bình, là vị hoàng đế sáng lập triều đại nhà Đinh, nước Đại Cồ Việt trong lịch sử Việt Nam, người có công xây nền móng độc lập, tự chủ cho đất nước ở thế kỷ X.	Đường
138.	Nguyễn Thái Học	Vĩnh Phúc	Nguyễn Thái Học (1904-1930), người làng Thổ Tang, tổng Lương Điền, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (nay là Thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc), là thủ lĩnh Việt Nam Quốc dân đảng thành lập năm 1927.	Đường, Phó
139.	Nguyễn Hồng	Nam Định	Nguyễn Hồng (1918-1982), quê phố Hàng Cau, Nam Định, sống làm việc ở Hải Phòng, là nhà văn lớn trong dòng văn học hiện đại phê phán có nhiều đóng góp cho sự nghiệp văn chương Cách mạng Việt Nam.	Phố
140.	Nguyễn Hữu Huân	Thanh Hóa	Nguyễn Hữu Huân (? – 1677), quê Làng Lưu Hiến, xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, Ông là người có công đánh Mạc.	
141.	Hà Tông Huân	Thanh Hóa	Hà Tông Huân (1697- 1766), quê làng Vàng, nay là xã Yên Thịnh, huyện Yên Định, là võ tướng Thượng thư thời Lê Trung hưng.	Công trình công cộng
142.	Phạm Hùng	Vĩnh Long	Phạm Hùng (1912-1988), tên thật là Phạm Văn Thiện, quê Vĩnh Long, là một chính khách Việt Nam, là Thủ tướng (Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng) thứ hai của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ năm 1987 đến năm 1988.	Đường, Phó
143.	Lê Thiết Hùng	Nghệ An	Lê Thiết Hùng (1908 – 1986), tên thật là Lê Văn Nghiệm, quê huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, là nhà hoạt động Cách mạng, được xem là vị	Phố

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			tướng được phong quân hàm đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam.	
144.	Nguyễn Ngọc Huyền	Thanh Hóa	Nguyễn Ngọc Huyền (1685 – 1743), quê xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư, Tham tụng thời Lê Trung hưng.	
145.	Nguyễn Văn Huyền	Hà Nội	Nguyễn Văn Huyền (1908-1975), hiệu Huy Vân quê thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay là Hà Nội); là Giáo sư, Tiến sĩ, nhà sử học, nhà dân tộc học, nhà giáo dục, nhà nghiên cứu văn hóa Việt Nam. Ông cũng là người giữ chức vụ Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục Việt Nam.	
146.	Phùng Hưng	Hà Nội	Phùng Hưng (? – 789), người làng Cam Lâm, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây (nay thuộc xã Đường lâm, thành phố Sơn Tây, Hà Nội), là lãnh tụ một cuộc nổi dậy chống lại sự đô hộ của nhà Đường thời Bắc thuộc lần thứ ba (602 - 905) trong lịch sử Việt Nam,	Đường
147.	Bùi Quốc Hưng	Thái Bình	Bùi Quốc Hưng (1354 - 1437), quê ở làng Tri Lai, huyện Vũ Tiên (nay là xã Phú Xuân, tỉnh Thái Bình), là văn thần luôn được Lê Lợi tin dùng có nhiều đóng góp trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.	Đường
148.	Hồ Xuân Hương	Nghệ An	Hồ Xuân Hương (1772 - 1822), quê Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An, là một thi sĩ sống ở giai đoạn cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX.	Đường, Phó
149.	Lê Văn Hưu	Thanh Hóa	Lê Văn Hưu (1230 -1322), quê làng Thần Hậu (tục gọi Kê Ry), huyện Đông Sơn, nay thuộc xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư kiêm Chương quan tu sử ký thời nhà Trần và là tác giả của bộ Đại Việt sử ký - bộ quốc sử đầu tiên của Việt Nam.	Đường Phó, công trình công cộng
150.	Tổ Hữu	Thừa Thiên Huế	Tổ Hữu (1920- 2002), tên thật là Nguyễn Kim Thành, quê làng Phù Lai, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, từng giữ chức Bí thư Trung ương Đảng (1960), Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng... Năm 1981, Phó Chủ tịch, rồi Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng, ông từng giữ chức Bí	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.	
151.	Thôi Hữu	Thanh Hóa	Thôi Hữu (1919-1950), có tên Nguyễn Đắc Giới, quê huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là một nhà thơ nổi tiếng của Việt Nam.	Phó
152.	Lê Hy	Thanh Hóa	Lê Hy (1642 – 1702), quê xã Đông Khê, huyện Đông Sơn, là Thượng thư kiêm Chương lục bộ, Tham tụng, Tổng tài Quốc sử thời Lê Trung hưng.	
153.	Phan Huy Ích	Hà Tĩnh	Phan Huy Ích (1750-1822), hiệu Dụ Am người làng Thu Hoạch, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, cư trú ở làng Thầy (Quốc Oai, Hà Nội), là quan đại thần trải ba triều đại Lê Trung hưng, Tây Sơn và Nguyễn.	Phó
154.	Nguyễn Khiêm Ích	Hà Nội	Nguyễn Khiêm Ích (1679 - 1740), tên hiệu là Kính Trai, quê gốc xã Kim Sơn, huyện Siêu Loại, phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc (nay là xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội), là đại thần nhà Lê Trung hưng trong lịch sử Việt Nam.	
155.	Bùi Công Ké	Thanh Hóa	Bùi Công Ké (?-?), hay có tên là Nguyễn Ké, quê huyện Tống Sơn (nay là huyện Hà Trung) Thanh Hóa, Võ tướng đời Nguyễn Phúc Thuần (1753-1777)	
156.	Hoàng Lệ Kha	Thanh Hóa	Hoàng Lệ Kha(1917- 1960), tên thật là Hoàng Lệ Cẩn, bí danh Nguyễn Văn Tông, quê thôn Trang Các, tổng Ngọ Xá (nay là xã Hà Phong), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Tây Ninh.	Đường Công trình công cộng
157.	Dương Tam Kha	Thanh Hóa	Dương Tam Kha (?-?), quê làng Dương Xá, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là người có công lớn trong đánh nhà Hán, là vị tướng giỏi thứ hai sau Dương Đình Nghệ, là một vị vua Việt Nam, trị vì 6 năm, từ 944 đến 950, xen giữa nhà Ngô trong lịch sử Việt Nam.	
158.	Trịnh Khả	Thanh Hóa	Trịnh Khả (1399 -1451), người làng Kim Bôi, huyện Vĩnh Ninh phủ Thanh Hóa (nay thuộc thôn Giang Đông, xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc), tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, Đô Thái giám thời Lê sơ.	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
159.	Nguyễn Thị Minh Khai	Nghệ An	Nguyễn Thị Minh Khai (1910 -1941), tên thật là Nguyễn Thị Vịnh, quê xã Vĩnh Yên, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, là một trong những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương trong giai đoạn 1930-1940.	Đường, Phó
160.	Trần Quang Khải	Nam Định	Trần Quang Khải (1241 -1294), quê gốc ở tỉnh Nam Định, là một thân vương quý tộc nhà Trần, làm đến chức Tể tướng đời Trần Thánh Tông, coi cả mọi việc trong nước.	Đường
161.	Ngô Gia Khâm	Bắc Ninh	Ngô Gia Khâm (1912-1990), quê xã Tam Sơn, huyện Từ Sơn, Bắc Ninh, là một trong những người được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động đầu tiên năm 1952, còn gọi là người "Anh hùng Lao động số 1".	Đường
162.	Huỳnh Thúc Kháng	Quảng Nam	Huỳnh Thúc Kháng (1876-1947), tự Giới Sanh, hiệu Minh Viên, quê làng Thạnh Bình, tổng Tiên Giang Thượng, huyện Tiên Phước, phủ Tam Kỳ (nay thuộc xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước), tỉnh Quảng Nam, là một chí sĩ yêu nước nổi tiếng Việt Nam.	Đường, Phó
163.	Lương Hữu Khánh	Thanh Hóa	Lương Hữu Khánh (thế kỷ XVI), quê làng xã Hoàng Phong, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Thái bảo, Tổng Thái giám, Trung quân Đô đốc thời Lê Trung hưng.	Đường
164.	Nguyễn Bình Khiêm	Hải Dương	Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585) hay còn gọi là Trạng Trình, quê làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại, phủ Hạ Hồng, trấn Hải Dương (nay thuộc xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng), là Nhà tư tưởng, nhà thơ lớn của thế kỷ XVI.	Đường, Phó
165.	Ông Ích Khiêm	Đà Nẵng	Ông Ích Khiêm (1832-1884), hiệu Mục Chi, người làng Phong Lệ, huyện Diên Phước (nay là huyện Hòa Vang), thành phố Đà Nẵng, là danh tướng nhà Nguyễn trong lịch sử Việt Nam.	Đường
166.	Nguyễn Khoái	Hải Dương	Nguyễn Khoái (1240 -?), quê Hồng Châu Hải Dương, là một tướng lĩnh thời Trần, có công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên.	Phó

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
167.	Phùng Khắc Khoan	Hà Nội	Phùng Khắc Khoan (1528-1613), người làng Bùng (Phùng Xã), huyện Thạch Thất, nay thuộc Hà Nội, là quan nhà Lê Trung hưng và là nhà thơ Việt Nam.	Đường
168.	Nguyễn Phúc Khoát	Thanh Hóa	Nguyễn Phúc Khoát (1714- 1765), quê gốc Gia Miêu, huyện Tống Sơn, trấn Thanh Hóa (nay là xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa), là Chúa thứ tám của dòng họ Nguyễn.	
169.	Nguyễn Xuân Khoát	Hà Nội	Nguyễn Xuân Khoát (1910-1993), quê Hà Nội, là nhạc sĩ và là Chủ tịch đầu tiên của Hội Nhạc sĩ Việt Nam. Ông được coi là Người anh cả, là Cánh chim đầu đàn của nền âm nhạc mới Việt Nam.	Đường, Phó
170.	Lê Khôi	Thanh Hóa	Lê Khôi (?- 1447), quê ở Lam Sơn, huyện Lương Giang (nay là xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là danh tướng xuất sắc trong khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nhập nội Thiếu úy, Tư không dưới thời Lê sơ.	Phó
171.	Minh Không	Ninh Bình	Minh Không (1066–1141), tên hiệu Nguyễn Minh Không, còn có tên gọi là Lý Quốc Sư, quê làng Đàm Xá, phủ Tràng An (nay là làng Điền Xá, xã Gia Thắng, Gia Viễn, Ninh Bình), là một vị cao tăng đứng đầu tổ chức phật giáo của triều đại nhà Lý trong lịch sử, được xem là vị thiền sư sáng lập nên nhiều ngôi chùa nhất ở Việt Nam và được tôn vinh là Ông tổ nghề đúc đồng.	Đường
172.	Đoàn Khuê	Quảng Trị	Đoàn Khuê (1923–1998), bí danh Võ Tiến Trình, quê thôn Gia Đăng, xã Triệu Tân, huyện Triệu Phong, (nay là xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị), là Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.	Phó
173.	Nguyễn Khuyến	Nam Định	Nguyễn Khuyến (1835-1909), quê làng Văn Khê, xã Hoàng Xá, huyện Ý Yên, tỉnh Hà Nam Ninh nay là huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, là nhà	Đường, Phó

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			thơ hiện thực và trào lộng nổi tiếng.	
174.	Đỗ Khuyên	Thanh Hóa	Đỗ Khuyên (1399 – 1459), tên húy của Ông là Đỗ Đại, còn gọi là Lê Khuyên, quê ở làng Đa Mỹ huyện Cổ Lôi (nay là thôn Thịnh Mỹ, xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân), là danh tướng của khởi nghĩa Lam Sơn làm quan đến chức Nhập nội kiểm hiệu Thái phó Bình chương quân quốc trọng sự dưới thời Lê sơ.	Đường
175.	Trịnh Kiểm	Thanh Hóa	Trịnh Kiểm (1503 -1570) tức Thế Tổ Minh Khang Thái Vương, quê ở làng Sóc Sơn, nay thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng tướng Thái quốc công thời Lê Trung hưng và cũng là người mở đầu sự nghiệp nắm quyền của Họ Trịnh.	
176.	Phùng Chí Kiên	Nghệ An	Phùng Chí Kiên (1901-1941), tên khai sinh là Nguyễn Vĩ, còn có tên khác là Mạnh Văn Liễu, quê làng Mỹ Quan, tổng Vạn Phần (nay là xã Diễn Yên), huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, là nhà hoạt động Cách mạng và quân sự Việt Nam, đồng thời là vị tướng đầu tiên của lực lượng quân đội nhân dân Việt Nam.	Đường, Phó
177.	Lê Đình Kiên	Thanh Hóa	Lê Đình Kiên (1622 - 1704), quê làng Bái Trại (nay thuộc xã Định Tường), huyện Yên Định, là Tổng trấn thời Lê Trung hưng.	Công trình công cộng
178.	Trần Quý Kiên	Hà Nội	Trần Quý Kiên (1911-1965), tên thật là Đinh Xuân Nhạ, quê làng Phương Vũ, xã Phương Dục, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Đông (nay là Thành phố Hà Nội), là nhà Cách mạng và chính khách Việt Nam có công với nền độc lập dân tộc.	
179.	Võ Văn Kiệt	Vĩnh Long	Võ Văn Kiệt (1922-2008), tên thật là Phan Văn Hòa, bí danh Sáu Dân, Chín Dũng, quê ấp Bình Phụng, xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, là một nhà chính trị Việt Nam, nguyên Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và sau đó là Thủ tướng thứ năm của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.	
180.	Lý Thường	Hà Nội	Lý Thường Kiệt (1019 -1105), quê ở Hà Nội,	Đường, Phó, Công

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
	Kiệt		là người nổi tiếng tài giỏi, từng làm quan dưới ba triều Lý: Thái Tổ, Thái Tông, Nhân Tông, trực tiếp cai quản Châu Ái (Thanh Hóa) 20 năm (1081- 1101), được ban 1 quân ở Thanh Hóa làm phong ấp (1082).	trình công cộng
181.	Yết Kiêu	Nam Định	Yết Kiêu (1242-1301), quê gốc ở tỉnh Nam Định, là anh hùng chống giặc ngoại xâm vào đời Nhà Trần, người có công giúp Nhà Trần chống giặc Nguyên Mông vào thế kỷ XIII với biệt tài thủy chiến.	Phổ
182.	Lê Hữu Kiêu	Thanh Hóa	Lê Hữu Kiêu (1915 - 1989), bí danh là Tăng Ích, quê ở xã Hoàng Phúc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Bí thư Xứ ủy lâm thời của Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương ở Nam Kỳ.	
183.	Nguyễn Kim	Thanh Hóa	Nguyễn Kim (1468- 1545), quê ở Gia Miêu, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hóa (nay là xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa), là An Thành hầu thời Lê sơ, Ông Tổ dòng họ Nguyễn, người có công khôi phục Nhà Lê.	
184.	Ngô Kinh	Thanh Hóa	Ngô Kinh (1350 – 1433), quê ở ấp Động Bàng, tổng Đông Lý, huyện Yên Định (nay thuộc xã Định Hòa, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa), là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, được phong là Thái phó Hưng quốc công thời Lê sơ.	
185.	Khánh Ký	Hà Nội	Khánh Ký (1874-1945), tên thật là Nguyễn Đình Khánh, quê ở thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, Hà Nội, là một trong những người Việt Nam đầu tiên làm nghề ảnh.	
186.	Lê Lai	Thanh Hóa	Lê Lai (? - 1419), người thôn Dựng Tú, huyện Lương Giang (nay là làng Tép), xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, được truy tặng là Thiếu úy dưới thời Lê sơ.	Đường Phố, Công trình công cộng
187.	Nguyễn Nhữ Lãm	Thanh Hóa	Nguyễn Nhữ Lãm (1378- 1437), quê ở xã Văn Xá, huyện Thanh Liêm, phủ Lý Nhân, trấn	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Sơn Nam (nay thuộc tỉnh Hà Nam), sau dời đến làng Thịnh Mỹ huyện Cổ Lôi (nay thuộc Thọ Diên, huyện Thọ Xuân), Thanh Hóa, là Thượng thư lệnh, Hữu Bộc xạ, tước Kiểm giáo Thái bảo Đình thượng hầu thời Lê sơ.	
188.	Cù Chính Lan	Nghệ An	Cù Chính Lan (1930-1952), quê xã Quỳnh Lôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, có công trong trận tấn công cứ điểm Giang Mỗ, anh đã một mình đuổi theo xe tăng Pháp, nhảy lên thành xe, ném lựu đạn vào buồng lái để tiêu diệt xe, được phong danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân của Việt Nam.	Đường, Phố, Công trình công cộng
189.	Đình Lan	Thanh Hóa	Đình Lan (?-?), người làng Thúy Cối, xã Minh Tiến, huyện Ngọc Lặc, Thanh Hóa, là danh tướng thời Lê, là một trong số 18 người tham dự Hội thề Lũng Nhai.	Đường
190.	Nguyễn Phúc Lan	Thanh Hóa	Nguyễn Phúc Lan (1601- 1648), quê ở Gia Miêu, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung (nay là Hà Long, huyện Hà Trung) tỉnh Thanh Hóa, là vị Chúa thứ ba của Dòng họ Nguyễn.	
191.	Ý Lan	Hà Nội	Ý Lan (1044-1117), quê huyện Gia Lâm, Hà Nội, là phi tần của hoàng đế Lý Thánh Tông, mẹ ruột của hoàng đế Lý Nhân Tông trong lịch sử Việt Nam.	Đường
192.	Ngô Cao Lãng	Thanh Hóa	Ngô Cao Lãng (thế kỷ XIX), quê làng Nguyệt Viên, xã Hoằng Quang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, làm quan ở Quốc sử quán và là nhà văn, nhà sử học lớn thời Nguyễn.	
193.	Phạm Ngũ Lão	Hưng Yên	Phạm Ngũ Lão (1255 -1320), người làng Phú Ứng, huyện Đường Hào (nay thuộc huyện Ân Thi), tỉnh Hưng Yên, là danh tướng nhà Trần trong lịch sử Việt Nam. Ông là người góp công rất lớn trong cả hai cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên lần thứ hai năm 1285 và lần thứ ba năm 1288 . Đương thời, danh tiếng của Ông chỉ xếp sau Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn-	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			người được xem như vị tướng vĩ đại nhất lịch sử quân sự Việt Nam.	
194.	Bùi Sỹ Lâm	Thanh Hóa	Bùi Sỹ Lâm (1551– 1643), quê làng Đắc Thọ, xã Lưu Vệ, tổng Lưu Vệ, nay là xã Quảng Tân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, là Tổng Thái giám, Trung quân Đô đốc thời Lê Trung hưng.	
195.	Lê Lâm	Thanh Hóa	Lê Lâm (1428 -1433), quê Thanh Hóa, là con Trung Túc vương Lê Lai, ông từng lập nhiều công lớn nên được xếp vào hạng thứ ba trong số các vị Khai Quốc Công thần.	
196.	Lê Hữu Lập	Thanh Hóa	Lê Hữu Lập (1897 – 1934), người làng ở thôn Hữu Nghĩa, tổng Xuân Trường, huyện Hậu Lộc (nay thuộc xã Xuân Lộc, huyện Hậu Lộc), tỉnh Thanh Hóa, là Bí thư Tỉnh bộ Thanh niên Cách mạng Đồng Chí hội, là chiến sĩ Cách mạng trung kiên của tỉnh Thanh Hóa.	Đường, Phó
197.	Đinh Lễ	Thanh Hóa	Đinh Lễ (? – 1427), quê làng Thủy Côi (nay thuộc xã Minh Tiên, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa), là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, là Tư không dưới thời Lê sơ.	Phó
198.	Châu Văn Liêm	Cần Thơ	Châu Văn Liêm (1902-1930), quê ở xã Thới Thạch, quận Ô Môn, Cần Thơ, là nhà Cách mạng Việt Nam và là một trong sáu người tham gia hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.	
199.	Ngô Sĩ Liên	Hà Nội	Ngô Sĩ Liên (thế kỷ XV), người làng Chúc Lý, huyện Chương Đức, nay là xã Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Hà Nội, là một nhà sử học thời Lê sơ, sống vào thế kỷ XV. Ông là người đã tham gia khởi nghĩa Lam Sơn và có công lớn trong việc biên soạn bộ Đại Việt sử ký toàn thư.	Phó
200.	Đinh Liệt	Thanh Hóa	Đinh Liệt (?-1471), người vùng Lam Sơn, huyện Thọ Xuân Thanh Hóa, là công thần khai quốc nhà Lê, là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Bình chương quân quốc trọng sự dưới thời Lê sơ.	Đường Phó
201.	Lê Liễu	Thanh	Lê Liễu (?-?), quê huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
		Hóa	Hóa, Ông là danh tướng thời Lê, tham gia Hội thề Lũng Nhai.	
202.	Trần Huy Liệu	Nam Định	Trần Huy Liệu (1901-1969), quê huyện Vụ Bản, Nam Định, là một nhà văn, nhà hoạt động Cách mạng, nhà sử học, nhà báo Việt Nam.	Phó
203.	Lê Văn Linh	Thanh Hóa	Lê Văn Linh (1376-1448), còn có tên là Trần Văn Linh, hiệu là Mai Trai, quê làng Hải Lịch, huyện Lôi Dương nay thuộc xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa, là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Thái phó dưới thời Lê sơ.	Đường, Phó, Công trình công cộng
204.	Nguyễn Văn Linh	Hung Yên	Nguyễn Văn Linh (1915 -1998), tên thật là Nguyễn Văn Cúc, còn gọi là Mười Cúc, quê thôn Yên Phú, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, là Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên của thời kỳ đổi mới (từ 1986 đến 1991).	
205.	Hữu Loan	Thanh Hóa	Hữu Loan (1916- 2010), tên thật là Nguyễn Hữu Loan, quê huyện Nga Sơn, Thanh Hóa, là nhà văn Việt Nam, đạt giải thưởng Nhà nước về Văn học - Nghệ thuật.	
206.	Lê Lô	Thanh Hóa	Lê Lô (?-?), quê huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, tướng lĩnh xuất sắc, đã hy sinh anh dũng trong khởi nghĩa Lam Sơn.	
207.	Lê Lộ	Thanh Hóa	Lê Lộ (?-?), quê Ngọc Lặc, Thanh Hóa, là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn,	
208.	Cao Lỗ	Bắc Ninh	Cao Lỗ (?-179 TCN), còn gọi là Đại Than Đô Lỗ Thạch Thần, quê làng Đại Than, huyện Gia Định (nay là huyện Gia Bình), tỉnh Bắc Ninh, là một vị tướng tài của Thục Phán (An Dương Vương).	
209.	Nguyễn Vĩnh Lộc	Thanh Hóa	Nguyễn Vĩnh Lộc (thế kỷ XV), quê gốc ở Cổ Sách (nay thuộc huyện Cẩm Thủy), tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nhập nội Hành khiển Lê sơ.	
210.	Hà Thọ Lộc	Thanh	Hà Thọ Lộc (? – 1599), người sách Cổ Lũng (nay	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
		Hóa	thuộc huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa), là phó tướng, Tư mã hàm Thái bảo thời Lê Trung hưng.	
211.	Lê Lôi	Thanh Hóa	Lê Lôi (? – 1442), quê ở xã Cổ Định, huyện Nông Cống (nay là xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa), là danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Xa kỵ Đồng Tổng quản kiêm Đô Tổng quản dưới thời Lê sơ.	
212.	Trương Lôi	Thanh Hóa	Trương Lôi (? – 1462), người thôn Thụ Mệnh, huyện Vĩnh Ninh (nay là huyện Vĩnh Lộc), tỉnh Thanh Hóa), là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn	Đường
213.	Lê Lộ	Thanh Hóa	Lê Lộ (1396 – 1485), quê ở làng Phú Lâm xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Đô đốc Bình chương sự, Dụ kỵ Phó tướng quân dưới thời Lê sơ.	
214.	Lê Lợi - Lê Thái Tổ	Thanh Hóa	Lê Lợi - Lê Thái Tổ (1385 -1433), quê ở Lam Sơn, huyện Lôi Dương (nay là xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, Anh hùng dân tộc, vị Vua sáng lập ra nhà Hậu Lê.	Đường Phố, Công trình công cộng
215.	Lưu Trọng Lư	Quảng Bình	Lưu Trọng Lư (1912 - 1991), quê tỉnh Quảng Bình, là một nhà thơ, nhà văn, nhà soạn kịch Việt Nam, Tổng thư ký Hội nghệ sỹ sân khấu Việt Nam.	
216.	Thế Lữ	Hà Nội	Thế Lữ (1907- 1989), tên khai sinh là Nguyễn Thứ Lễ, quê Hà Nội, là nhà thơ, nhà văn, nhà hoạt động sân khấu Việt Nam.	Phố
217.	Trịnh Thị Ngọc Lữ	Thanh Hóa	Trịnh Thị Ngọc Lữ (?-?), quê xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là Thần phi (vợ của Lê Lợi), giúp Lê Lợi trong việc lo toan chuẩn bị hậu cần, tiếp đãi tân khách, tập hợp nghĩa sĩ bốn phương dưới ngọn cờ khởi nghĩa do Lê Lợi khởi xướng.	Phố
218.	Chu Văn Lương	Thanh Hóa	Chu Văn Lương (1233 - 1293), quê Ông ở phường Nam Ngạn, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa,	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			có công trong kháng chiến chống Mông - Nguyên lần hai (1285) và lần ba (1287 - 1288), được phong chức Liệt hầu Đồng binh chương sự thời Trần.	
219.	Lê Lương	Thanh Hóa	Lê Lương (?-?), tức Giáp Bối Lý thời Lý Trần, người Kẻ Rị nay thuộc xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Trấn quốc Bộc xạ tướng công dưới thời Đinh - Tiền Lê.	
220.	Ngô Chân Lưu	Thanh Hóa	Ngô Chân Lưu (933- 1011), còn có tên gọi khác là Khuông Việt đại sư, quê huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa, là Khuông Việt đại sư, giữ chức Tăng thống thời nhà Đinh - Tiền Lê.	Đường
221.	Phan Đăng Lưu	Nghệ An	Phan Đăng Lưu (1901-1941), quê xã Tràng Thành (nay là Hoa Thành), huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, là một nhà hoạt động Cách mạng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (1937); Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng (1938).	
222.	Trần Lựu	Thanh Hóa	Trần Lựu (?-?), quê ở làng Đàm Thi, xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Tổng tri Bắc đạo dưới thời Lê sơ.	
223.	Hồ Quý Ly	Thanh Hóa	Hồ Quý Ly (1336 - 1407), quê ở Đại Lại (nay là xã Hà Đông, huyện Hà Trung), tỉnh Thanh Hóa, là vị Vua đầu tiên của nhà Hồ.	Đường
224.	Lê Lý	Thanh Hóa	Lê Lý (? - 1443), hay còn gọi là Nguyễn Lý, người thôn Dao Xá, huyện Thụy Nguyên (nay thuộc xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân) tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nhập nội Kiểm hiệu Tư mã dưới thời Lê sơ.	Đường
225.	Minh Mạng	Thanh Hóa	Minh Mạng (1791 - 1840), tên húy là Nguyễn Phúc Đảm, quê gốc ở Gia Miêu, huyện Tống Giang, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hóa (nay là xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa), là vị Vua thứ hai của triều Nguyễn, là nhà cải cách vĩ đại của triều Nguyễn.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
226.	Phạm Sư Mạnh	Hải Dương	Phạm Sư Mạnh (thế kỷ XIV), tên thật là Phạm Độ, quê làng Hiệp Thạch, huyện Hiệp Sơn, phủ Kinh Môn (nay là huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương), là Danh sĩ, làm quan nhà Trần trong lịch sử Việt Nam.	Đường, Phó
227.	Hà Văn Mao	Thanh Hóa	Hà Văn Mao (?- 1887), quê ở xã Điền Lưu, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, là Cai tổng thời nhà Nguyễn, lãnh tụ Phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa.	Đường Phó
228.	Đặng Thai Mai	Nghệ An	Đặng Thai Mai (1902-1984), còn có tên là Đặng Thái Mai, quê làng Lương Điền (nay là xã Thanh Xuân), huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, từng giữ chức Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh Thanh Hóa.	Phố, Công trình công cộng
229.	Tào Mạt	Hà Nội	Nghệ sỹ nhân dân Tào Mạt (1930-1993), quê xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây (nay thuộc thành phố Hà Nội), được mệnh danh là “Vua chèo đất Bắc”, nhà soạn kịch hiện đại Việt Nam.	Phố
230.	Lê Duy Mật	Thanh Hóa	Lê Duy Mật (1738- 1770), quê ở Lam Sơn, huyện Lôi Dương (nay là xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là thủ lĩnh Cuộc Khởi nghĩa nông dân (khởi nghĩa Lê Duy Mật) chống lại Chúa Trịnh vào giữa thế kỷ XVIII.	
231.	Hồ Tùng Mậu	Nghệ An	Hồ Tùng Mậu (1896-1951), tên thật là Hồ Bá Cự, quê làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, là nhà hoạt động Cách mạng và chính khách Việt Nam. Ông từng Đảng viên của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam, thành viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Tổng Thanh tra Ban Thanh tra Chính phủ.	Đường
232.	Lê Văn Miến	Nghệ An	Lê Văn Miến (1873 – 1943) còn có tên gọi là Lê Huy Miến quê làng Kim Khê, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, là người Việt Nam đầu tiên sáng tác tranh sơn dầu; là Ông tổ	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			nghề tranh sơn dầu Việt Nam.	
233.	Lưu Miễn	Thanh Hóa	Lưu Miễn (thế kỷ XIII), quê xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là người đỗ đệ nhất giáp Kỳ thi Thái học sinh năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 8.	
234.	-Hồ Chí Minh -Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Sinh Cung	Nghệ An	Hồ Chí Minh (1890 -1969), tên là Nguyễn Sinh Cung, còn có tên là Nguyễn Tất Thành và nhiều tên gọi khác, quê làng Sen, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, là người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, là Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà Văn hóa kiệt xuất của Việt Nam.	
235.	Đào Cam Mộc	Thanh Hóa	Đào Cam Mộc (?-1015), quê xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, là Đại thần của nhà Tiền Lê, công thần Khai quốc nhà Lý, được phong tước Nghĩa Tín hầu.	
236.	Tú Mỡ	Hà Nội	Tú Mỡ (1900-1976), tên thật là Hồ Trọng Hiếu, quê phố hàng Hòm, Hà Nội, là một nhà thơ trào phúng Việt Nam.	Phố
237.	Dương Vân Nga	Thanh Hóa	Dương Vân Nga (952-1000), quê làng Dương Xá (làng Giàng), nay thuộc thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Hoàng hậu của nhà Đinh và nhà Tiền Lê, có công củng cố triều chính, phát triển đất nước.	Phố
238.	Dương Đình Nghệ	Thanh Hóa	Dương Đình Nghệ (?-937), quê ở làng Giàng, Thiệu Dương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là người lãnh đạo Cuộc Kháng chiến chống quân Nam Hán xâm lược lần thứ nhất (931), giành quyền tự chủ cho đất nước, rồi tự xưng là Tiết độ sứ.	Đường
239.	Hàm Nghi	Thanh Hóa	Hàm Nghi (1871-1943), quê Gia Miêu, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là vị Vua thứ 8 của Triều Nguyễn.	Đường
240.	Nguyễn Văn Nghi	Thanh Hóa	Nguyễn Văn Nghi (1515- 1583), quê xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Tả Thị lang, Đông các học sỹ thời Lê Trung hưng.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
241.	Lê Thanh Nghị	Hải Dương	Lê Thanh Nghị (1911-1989), tên thật là Nguyễn Khắc Xứng, hay Nguyễn Văn Xứng, quê ở làng Thượng Cốc, xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, là một chính khách Việt Nam, Phó Thủ tướng của Nước Việt Nam từ năm 1960 đến 1980, Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội đồng Nhà nước (1982-1986).	Đường,
242.	Nguyễn Chế Nghĩa	Hải Dương	Nguyễn Chế Nghĩa (?-?), quê ở xã Cối Xuyên, huyện Trường Tân, lộ Hồng Châu (nay là thôn Hội Xuyên, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương), là một tướng lĩnh thời nhà Trần.	Phố
243.	Trần Đại Nghĩa	Vĩnh Long	Trần Đại Nghĩa (1913–1997), tên thật Phạm Quang Lễ, quê xã Chánh Hiệp, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, là kỹ sư quân sự, một nhà khoa học lớn, nhà quản lý khoa học kỹ thuật cấp cao, “cha đẻ” của ngành Công nghiệp quốc phòng Việt Nam.	Đường
244.	Đoàn Trần Nghiệp	Hà Nội	Đoàn Trần Nghiệp (1908-1931), tức Ký Con, quê ở làng Khúc Thủy, huyện Thanh Oai, Hà Nội, là nhà Cách mạng Việt Nam, một trong những lãnh đạo của Việt Nam Quốc Dân Đảng.	Phố
245.	Nguyễn Bá Ngọc	Thanh Hóa	Nguyễn Bá Ngọc (1952-1965), quê xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng lực lượng vũ trang.	ĐườngP hố, Công trình công cộng
246.	Hồng Nguyên	Thanh Hóa	Hồng Nguyên (1924 -1951), tên khai sinh là Nguyễn Văn Vượng ,quê xã Đông Thọ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là nhà Cách mạng, nhà văn, nhà thơ nổi tiếng của Việt Nam.	Phố
247.	Nguyễn Phúc Nguyên	Thanh Hóa	Nguyễn Phúc Nguyên (1563 - 1635), người làng Gia Miêu Ngoại Trang nay thuộc xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là vị Chúa thứ hai của Dòng họ Nguyễn.	
248.	Độc Ngừ	Hà Nội	Độc Ngừ (1844-1892), tên thật Nguyễn Đức Ngừ, nguyên gốc họ Khuất quê xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây (cũ), nay là Hà Nội,	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			có mặt trong đội quân của triều đình Huế đóng ở Sơn Tây. Là người lập nhiều công lớn dưới Triều Nguyễn.	
249.	Ngô Thì Nhậm	Hà Nội	Ngô Thì Nhậm (1746-1803), còn gọi là Ngô Thời Nhiệm, người làng Tả Thanh Oai, ngày nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội, là danh sĩ, nhà văn đời Hậu Lê - Tây Sơn, người có công lớn trong việc giúp triều Tây Sơn đánh lui quân Thanh.	Đường Phố
250.	Bùi Khắc Nhất	Thanh Hóa	Bùi Khắc Nhất (1533-1609), người làng Bội Thái, nay là xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Võ quan Thượng thư thời Lê Trung hưng.	Đường
251.	Nguyễn Quán Nho	Thanh Hóa	Nguyễn Quán Nho (1638- 1708), quê thị trấn Vạn Hà, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư, Tham tụng thời Lê Trung hưng.	Công trình công cộng
252.	Nguyễn Khắc Nhu	Bắc Giang	Nguyễn Khắc Nhu (1882-1930), sinh ra tại làng Song Khê, huyện Yên Dũng (nay là xã Song Khê, thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang, là một Chí sĩ yêu nước Việt Nam thời cận đại. Ông là một trong những cột trụ của Việt Nam Quốc dân đảng thời kỳ trước 1930.	
253.	Đỗ Nhuận	Hải Dương	Đỗ Nhuận (1922 - 1991), quê ở thôn Hoạch Trạch xã Thái Học, huyện Cẩm Bình, Hải Dương, là nhạc sĩ Việt Nam.	
254.	Lê Niệm	Thanh Hóa	Lê Niệm (? - 1486), quê làng Dụng Tú, sách Đức Giang, huyện Lương Giang (nay là xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa), Ông là Võ quan, làm quan đến chức Nhập nội Đô đốc, Đồng bình Chương sự, Tri Đông Đạo chư Vệ quân dưới thời Lê sơ.	Đường
255.	Lê Ninh	Thanh Hóa	Lê Ninh(?-?), quê Thọ Xuân, Thanh Hóa, là một trong số 18 người tham dự Hội thề Lũng Nhai, tham gia vào Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn.	Đường
256.	Trần Đăng Ninh	Hà Nội	Trần Đăng Ninh (1910-1955), tên thật Nguyễn Tuấn Đáng, quê thôn Quảng Nguyên, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông (nay là thành phố Hà Nội), là nhà hoạt động Cách	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			mạng và quân sự, Chủ nhiệm đầu tiên của Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng.	
257.	Trần Mai Ninh	Hà Nội	Trần Mai Ninh (1917 – 1948), quê làng Động Gia, huyện Thanh Oai, Hà Nội, là nhà Cách mạng, nhà văn, nhà thơ nổi tiếng của Việt Nam.	Phó, Công trình công cộng
258.	Doãn Nỗ	Thanh Hóa	Doãn Nỗ (1393- 1439), quê xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, Thượng tướng quân thời Lê sơ.	
259.	Hà Duy Phiên	Thanh Hóa	Hà Duy Phiên (1791- 1852), có tên là Hà Nguyễn Phiên, tên tự là Đức Ninh, quê làng Hoằng Nghĩa (nay thuộc xã Hoằng Lộc), Hoằng Hóa, Thanh Hóa, là Thượng thư thời Nguyễn, có nhiều đóng góp cho nền sử học Việt Nam.	
260.	Trương Phóng	Thanh Hóa	Trương Phóng (thế kỷ XIII - XIV), húy là Trương Tích Đãng, quê ở xã Phú Thịnh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Hiệu thư quyền miện sung làm Nhị tư thời Trần.	
261.	Khương Công Phụ	Thanh Hóa	Khương Công Phụ (731-805), người làng Sơn Ổi, xã Cổ Hiến (nay là làng Tường Vân, xã Định Thành), huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, là Giám nghị Đại phu, Đồng trung thư môn hạ Bình chương sự đời Đường.	
262.	Trịnh Khắc Phục	Thanh Hóa	Trịnh Khắc Phục (?-1451), quê ở làng Thủy Chú, huyện Lôi Dương (nay là xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là Đặc Tiến nhập nội tư khấu, đồng binh chương sự dưới thời Lê sơ.	
263.	Lê Quát	Thanh Hóa	Lê Quát (thế kỷ XIV), tên thật là Bá Đạt, quê ở hương Phú Lý, huyện Đông Sơn, trấn Thanh Hoa (nay thuộc tỉnh Thanh Hóa), là Thượng thư Nhập nội Hành khiển thời nhà Trần.	Phó
264.	Nguyễn Quỳnh	Thanh Hóa	Nguyễn Quỳnh (1677- 1748), quê ở xã Bột Thượng, xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Viên ngoại lang thời Lê Trung hưng	Phó

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			và giỏi văn chương thơ phú.	
265.	Ngô Quyền	Hà Nội	Ngô Quyền (898 – 944), quê ở Đường Lâm, Sơn Tây, nay thuộc Hà Nội, là vị Vua đầu tiên của Nhà Ngô trong lịch sử Việt Nam.	Đường, Phố
266.	Trần Văn Ôn	Bến Tre	Trần Văn Ôn (1931 – 1950), quê tại xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đứng đầu nhóm học sinh của trường Pétrus Ký đi biểu tình ngày 9/01/1950, đã bị thực dân Pháp bắn chết. Ngày 9/01 hằng năm trở thành ngày sinh viên Việt Nam.	
267.	Hải Thượng Lãn Ông	Hung Yên	Hải Thượng Lãn Ông (1720-1791), tên thật là Lê Hữu Trác, quê thôn Văn Xá, làng Liêu Xá, huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồng, tỉnh Hải Dương (nay là xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên), là người tinh thông y học, dịch lý, văn chương, là người đúc kết nên tinh hoa của lý luận Đông y, có nhiều đóng góp cho nền Y học nước nhà.	Đường
268.	Hoàng Ngọc Phách	Hà Tĩnh	Hoàng Ngọc Phách (1896-1973), quê ở làng Đông Thái, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, là tác giả tiểu thuyết Tố tâm, được đánh giá là một trong những tiểu thuyết hiện đại đầu tiên của Việt Nam, tác phẩm đã được giáo sư Michele Sullivan và Emmanuel Lê Ốc Mạch dịch sang tiếng Pháp.	
269.	Vũ Ngọc Phan	Bắc Ninh	Vũ Ngọc Phan (1902-1987), quê huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh, là nhà văn, nhà phê bình, dịch thuật, Tổng Thư kí đầu tiên của Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam.	
270.	Huỳnh Tấn Phát	Bến Tre	Huỳnh Tấn Phát (1913-1989), quê xã Châu Hưng, huyện Bình Đại, tỉnh Mỹ Tho (nay thuộc tỉnh Bến Tre), là Chủ tịch Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (1969-1976); Phó Thủ tướng, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.	
271.	Thái Phiên	Đà Nẵng	Thái Phiên (1882-1916), quê tại làng Nghi An, xã Hòa Phát, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			(nay là Khối Nghi An, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng), là nhà hoạt động Cách mạng yêu nước, người đã cùng với Vua Duy Tân chống Pháp.	
272.	Tôn Quang Phiệt	Nghệ An	Tôn Quang Phiệt (1900- 1973), quê xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, là nhà hoạt động chính trị, nhà sử học, nhà thơ, nhà giáo, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thanh Hóa, là chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	Đường
273.	Lê Hồng Phong	Nghệ An	Lê Hồng Phong (1902 -1942), tên thật là Lê Văn Dục, quê xóm Đông Cửa, thôn Đông Thông, tổng Thông Lạng, nay là xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, là nhà hoạt động Cách mạng Việt Nam. Ông là Tổng Bí thư thứ hai của Đảng Cộng sản Đông Dương từ năm 1935 đến năm 1936.	Đường, Phố, Công trình công cộng
274.	Trần Phú	Hà Tĩnh	Trần Phú (1904- 1931), nguyên quán làng Tùng Sinh, nay thuộc xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, là nhà Cách mạng Việt Nam, Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam khi mới 26 tuổi.	Đường, Công trình công cộng
275.	Nguyễn Phục	Hải Dương	Nguyễn Phục (?-?), quê xã Đoàn Tùng, huyện Trường Tân, phủ Hạ Hồng, trấn Hải Dương (nay là Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương quê ở tỉnh Hải Dương), đỗ Tiến sĩ năm Quý Dậu (1453), làm quan dưới thời nhà Lê sơ trong lịch sử Việt Nam.	Đường
276.	Triệu Quang Phục	Hà Nội	Triệu Quang Phục (? – 571), hay Triệu Việt Vương, người huyện Chu Diên thuộc vùng đất phía Đông Hà Nội giáp ranh các tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, là vị Vua cai trị từ năm 548 đến năm 571.	Phố
277.	Phan Đình Phùng	Hà Tĩnh	Phan Đình Phùng (1847 -1895), hiệu Châu Phong, quê làng Đông Thái, huyện La Sơn nay là xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, là	Đường, Phố, Công trình công cộng

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			nhà thơ, lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa Hương Khê (Hà Tĩnh).	
278.	Vũ Trọng Phụng	Hung Yên	Vũ Trọng Phụng (1912 -1939), quê ở làng Hào (nay là thị trấn Bần, Yên Nhân), huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, là nhà văn, nhà báo nổi tiếng của Việt Nam vào đầu thế kỷ XX.	Phố
279.	Lưu Hữu Phước	Cần Thơ	Lưu Hữu Phước (1921-1989), quê Ô Môn, tỉnh Cần Thơ (nay thuộc thành phố Cần Thơ), là Giáo sư, Viện sĩ, nhạc sĩ, nhà lý luận âm nhạc.	Phố
280.	Nguyễn Tri Phương	Thừa Thiên Huế	Nguyễn Tri Phương (1800-1873), người làng Chi Long, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, là một đại Danh thần Việt Nam thời nhà Nguyễn, là vị Tổng chỉ huy quân đội triều đình Nguyễn chống lại thực dân Pháp xâm lược ở các mặt trận Đà Nẵng (1858), Gia Định (1861) và Hà Nội (1873).	Đường
281.	Bà Huyện Thanh Quan	Hà Nội	Bà Huyện Thanh Quan (1805- 1848), tên thật là Nguyễn Thị Hinh, người làng Nghi Tàm, huyện Hoàn Long, nay thuộc Hà Nội, là một nhà thơ nữ nổi tiếng trong thời cận đại của lịch sử văn học Việt Nam.	Phố
282.	Đặng Quang	Nghệ An	Đặng Quang (? - ?), tương truyền, Thân Đặng Quang quê ở La Sơn, trấn Nghệ An, dòng dõi của tướng quân Đặng Tất. Ông tham gia Khởi nghĩa Lam Sơn và có nhiều đóng góp cho cuộc khởi nghĩa thắng lợi.	Đường
283.	Cao Bá Quát	Hà Nội	Cao Bá Quát (1808-1855), tự Chu Thần, quê xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, sống ở Thăng Long, Hà Nội, là Quốc sư, tổ chức cuộc nổi dậy Mỹ Lương và là một nhà thơ nổi danh ở giữa thế kỷ XIX trong lịch sử văn học Việt Nam.	Đường
284.	Lạc Long Quân		Lạc Long Quân (khoảng thế kỷ 8-7 TCN), là nhân vật truyền thuyết Việt Nam, tương truyền là con trai của Kinh Dương Vương, Ông được xem là vị vua của nhà nước sơ khai Xích Quỷ trước Văn Lang.	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
285.	Lương Ngọc Quyến	Hà Nội	Lương Ngọc Quyến (1885-1917), tên hiệu Lương Lập Nham, quê làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội, là một chí sĩ Việt Nam thời cận đại, là người hưởng ứng phong trào Đông Du và tham gia cuộc binh biến khởi nghĩa Thái Nguyên đêm 30/8/1917 và hi sinh trong cuộc chiến.	Đường Phố
286.	Nguyễn Quyền	Bắc Ninh	Nguyễn Quyền (1869-1941), hiệu là Đông Đường, quê tại làng Thượng Trì, Thượng Mão, phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, là chí sĩ yêu nước Việt Nam thời cận đại. Ông là một trong những sáng lập viên của Phong trào Đông Kinh nghĩa thực.	Phố
287.	Thi Sách	Hà Nội	Thi Sách (?-39, thế kỷ I), là người huyện Chu Diên, quận Giao Chỉ thuộc phía Đông Hà Nội, là chồng Bà Trưng Trắc. Ông là người chống lại sự đô hộ tàn bạo của nhà Đông Hán, bị Thái thú Tô Định giết hại.	Đường
288.	Lê Sao	Thanh Hóa	Lê Sao (? – 1452), quê ở Lam Sơn, huyện Lương Giang (nay là thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Thiếu bảo dưới thời Lê sơ.	
289.	Lê Sát	Thanh Hóa	Lê Sát (? – 1437), quê ở làng Bi Ngũ (Lam Sơn), huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Đại Tư đồ dưới thời Lê sơ.	
290.	Võ Thị Sáu	Bà Rịa - Vũng Tàu	Võ Thị Sáu (1933 -1952), quê tại xã Phước Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa nay thuộc xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, là nữ du kích trong Kháng chiến chống Pháp ở Việt Nam, người nhiều lần thực hiện các cuộc mưu sát nhắm vào các sĩ quan Pháp và những người Việt cộng tác đặc lực với chính quyền thực dân Pháp tại miền Nam Việt Nam.	Đường, Phố
291.	Nhữ Bá Sĩ	Thanh	Nhữ Bá Sĩ (1788 – 1867), quê ở làng Cát, xã	Phố

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
		Hóa	Cát Xuyên, nay là Hoảng Cát, Hoảng Hóa, Thanh Hóa, là Lang trung, giáo thụ, nhà thơ, nhà văn, nhà giáo, sĩ phu yêu nước thời Nguyễn.	
292.	Ngô Thì Sĩ	Hà Nội	Ngô Thì Sĩ (1726-1780), sinh tại làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, trấn Sơn Nam (nay thuộc huyện Thanh Trì), Hà Nội, là nhà sử học, nhà văn, nhà thơ nổi tiếng ở thế kỷ XVIII của Việt Nam.	Đường
293.	Trương Hán Siêu	Ninh Bình	Trương Hán Siêu (?-1355), quê huyện Yên Ninh (nay là thành phố Ninh Bình), tỉnh Ninh Bình, là một vị quan, một Danh nhân văn hóa đời Trần, nổi tiếng với bài thơ Bạch Đằng Giang phú - một áng thiên cổ hùng văn được lưu truyền.	Đường. Phố
294.	Nguyễn Văn Siêu	Hà Nội	Nguyễn Văn Siêu (1799-1872), quê xã Đại Kim, huyện Thanh Trì (nay thuộc phường Đại Kim, quận Hoàng Mai), Thành phố Hà Nội, là nhà thơ, nhà nghiên cứu văn hóa Việt Nam ở thế kỷ XIX.	Phố
295.	Nguyễn Nhữ Soạn	Thanh Hóa	Nguyễn Nhữ Soạn (1391- 1448), quê huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nam đạo Hành khiển dưới thời Lê sơ.	Đường
296.	Trần Xuân Soạn	Thanh Hóa	Trần Xuân Soạn (1849- 1923), người làng Thọ Hạc, huyện Đông Sơn, nay thuộc thành phố Thanh Hóa, là Đề đốc thời Nguyễn, Lãnh tụ Phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa.	ĐườngP hồ, Công trình công cộng
297.	Ngô Văn Sở	Hà Tĩnh	Ngô Văn Sở (?-1794), quê ở huyện Thiên Lộc, nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, là Danh tướng của nhà Tây Sơn trong lịch sử Việt Nam.	Đường, Phố
298.	Lê Hồng Sơn	Nghệ An	Lê Hồng Sơn (1899 - 1933), tên thật Lê Văn Phan, quê làng Xuân Hồ, tổng Xuân Liễu, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, là nhà Cách mạng chống Pháp, người hỗ trợ cho Phạm Hồng Thái trong kế hoạch mưu sát toàn quyền Đông dương Merlin.	Phố

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
299.	Nguyễn Sơn	Hà Nội	Nguyễn Sơn (1908-1956), tên thật là Vũ Nguyên Bác, quê tại làng Kiều Ky, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Là một trong những người được phong quân hàm tướng Quân đội Nhân dân Việt Nam đợt đầu tiên vào năm 1948. Ông cũng được Trung Quốc phong quân hàm tướng vào năm 1955 nên còn được gọi là Lưỡng quốc tướng quân (Tướng quân hai nước).	Đường, Công trình công cộng
300.	Lý Quốc Sư	Ninh Bình	Lý Quốc Sư (1065-1141), tên thật là Nguyễn Chí Thành, quê xã Đàm Xá, phủ Tràng An (nay là làng Điền Xá, xã Gia Thắng, Gia Viễn, Ninh Bình, là một vị cao tăng đứng đầu tổ chức Phật giáo của Triều đại nhà Lý trong lịch sử Việt Nam.	
301.	Nguyễn Mậu Tài	Hà Nội	Nguyễn Mậu Tài (1616 – 1688), quê ở Hà Nội. Ông làm Đô ngự sử, lĩnh tước An Lĩnh nam, được cử làm Chánh sứ sang Trung Quốc, khi về được thăng làm Thượng thư bộ Hình, sau đó sang làm Thượng thư bộ Binh.	
302.	Lê Văn Tám		Lê Văn Tám (?-?), là tên của một Thiếu niên Anh hùng trong thời kỳ chiến tranh Đông Dương của Pháp ở Việt Nam.	Đường, Phố, Công trình công cộng
303.	Duy Tân	Thanh Hóa	Duy Tân (1900-1945), tên thật là Nguyễn Phúc Vĩnh San, quê Gia Miêu, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là vị Hoàng đế thứ 11 của nhà Nguyễn, ở ngôi từ năm 1907 đến năm 1916, sau Vua Thành Thái.	
304.	Tổng Duy Tân	Thanh Hóa	Tổng Duy Tân (1837-1892), người làng Đông Biện, huyện Vĩnh Lộc, nay là thôn Bồng Trung (cũng gọi là Đông Biện), xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Tri phủ, Thừa biện bộ Hình thời nhà Nguyễn và lãnh tụ của Cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh (1887 - 1892) trong Phong trào Cần Vương.	Đường Phố, Công trình công cộng
305.	Đào Tấn	Bình Định	Đào Tấn (1845-1907), tên thật là Đào Đăng Tấn, quê thôn Vinh Thạnh, tổng Thời Tú, huyện Tuy Phước, phủ An Nhơn (nay thuộc thôn Vinh	Đường, Phố

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Thanh, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước), tỉnh Bình Định, là nhà soạn Tuồng nổi tiếng ở Việt Nam.	
306.	Lê Trọng Tấn	Hà Nội	Lê Trọng Tấn (1914-1986), quê ở xã Yên Nghĩa, huyện Hoài Đức, nay thuộc quận Hà Đông, Hà Nội, Ông là Đại tướng Quân đội nhân dân Việt Nam, có nhiều đóng góp trong hai cuộc Kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước.	Đường
307.	Lý Tử Tấn	Hà Nội	Lý Tử Tấn (1378-1457), quê làng Triều Đông, huyện Thượng Phúc (nay thuộc xã Tân Minh, huyện Thường Tín, Hà Nội), là nhà thơ, làm quan đến chức Học sĩ viện Hàn lâm, trải qua 3 đời vua Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông, Lê Nhân Tông.	
308.	Hà Huy Tập	Hà Tĩnh	Hà Huy Tập (1906 -1941), quê làng Kim Nặc, tổng Thổ Ngọa, nay là xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, là một nhà cách mạng Việt Nam, Tổng Bí thư thứ ba của Đảng Cộng sản Việt Nam.	Đường
309.	Đặng Tất	Hà Tĩnh	Đặng Tất (?-1409), quê ở Hà Tĩnh, là một trong những vị quan được Hồ Quý Ly tin cậy, phong tới chức Đại tri châu Hóa, ông đã cùng vua Giản Định để đánh giặc Minh vào đầu thế kỷ XV.	Phố
310.	Lê Thạch	Thanh Hóa	Lê Thạch (? – 1421), quê ở Lam Sơn, huyện Lương Giang, phủ Thanh Hóa (nay là xã Xuân Lam và thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là Danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, là Thiết Kỵ vệ Thứ thủ thời Lê sơ.	Phố
311.	Nguyễn Cơ Thạch	Nam Định	Nguyễn Cơ Thạch (1921-1998), tên thật là Phạm Văn Cương, quê xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, là nhà chính trị, nhà ngoại giao. Ông nguyên là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, nguyên Bộ trưởng Bộ Ngoại giao nước CHXHCN Việt Nam.	
312.	Phạm Ngọc Thạch	Bình Thuận	Phạm Ngọc Thạch (1909-1968), quê Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, là bác sĩ, giáo sư, Anh	Phố

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			hùng Lao động; tốt nghiệp trường Đại học y khoa ở Pháp (1934), có nhiều công trình nghiên cứu chuyên môn có giá trị về bệnh lao.	
313.	Thành Thái	Thanh Hóa	Thành Thái (1879- 1954), quê gốc tại Gia Miêu, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là vị Vua thứ mười của triều Nguyễn.	Đường
314.	Phạm Hồng Thái	Nghệ An	Phạm Hồng Thái (1884-1924), tên thật là Phạm Thành Tích hoặc Phạm Đài, người làng Do Nha, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, là một nhà hoạt động trong Phong trào Đông Du và là người đặt bom ám sát toàn quyền Đông Dương Martial Merlin vào năm 1924.	Đường Phố
315.	Hoàng Hoa Thám	Hưng Yên	Hoàng Hoa Thám (1845-1913), thường gọi là Đề Thám, quê Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, là người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Yên Thế chống Pháp (1885–1913).	Đường, Phố, Công trình công cộng
316.	Cao Thắng	Hà Tĩnh	Cao Thắng (1864-1893), quê ở làng Yên Đức, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, là một trợ thủ đắc lực của Phan Đình Phùng, và là một chỉ huy xuất sắc trong cuộc khởi nghĩa Hương Khê (1885-1896) trong lịch sử Việt Nam ở cuối thế kỷ 19.	Đường, Phố
317.	Tôn Đức Thắng	An Giang	Tôn Đức Thắng (1888 -1980), quê Cù lao Ông Hổ, làng Mỹ Hoà Hưng, tổng Định Thành, hạt Long Xuyên (nay thuộc xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang), là một nhà Cách mạng, chính khách của Việt Nam; Chủ tịch nước thứ 2 và cuối cùng của chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đồng thời là Chủ tịch nước đầu tiên của chính thể Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.	Đường
318.	Nguyễn Chí Thanh	Thừa Thiên Huế	Nguyễn Chí Thanh (1914-1967), tên thật là Nguyễn Vịnh, quê ở làng Niệm Phò, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, là một tướng lĩnh là một tướng lĩnh có nhiều công lao trong xây dựng Quân đội Nhân dân Việt Nam và từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong tổ chức Đảng và chính	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			quyền Việt Nam.	
319.	Lê Thành	Thanh Hóa	Lê Thành (? - 1426), người làng Đình Hương, xã Đông Khối, tổng Thọ Hạc, huyện Đông Sơn (nay là xã Đông Cương, thành phố Thanh Hóa), là danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, Thái úy thời Lê sơ.	Đường
320.	Hoàng Đạo Thành	Hà Nội	Hoàng Đạo Thành (?-1908), tên thật là Cung Đạo Thành, quê huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông, nay là quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, là một sử gia Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX và là một chí sĩ hoạt động trong Phong trào Duy Tân.	
321.	Lý Đạo Thành	Bắc Ninh	Lý Đạo Thành (?-1081), quê làng Cổ Pháp, huyện Đông Ngàn (nay là phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh), là quan Tể tướng, đại thần phụ chính dưới hai triều vua nhà Lý là Lý Thánh Tông và Lý Nhân Tông.	Phố
322.	Ngọ Tư Thành	Thanh Hóa	Ngọ Tư Thành (Thế kỷ XI), quê ở trang Chấn Lữ, huyện An Định, phủ Thiệu Thiên (nay thuộc làng Tân Ngũ, thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định), tỉnh Thanh Hóa, là quan Nội giám thời Lý.	
323.	Tô Hiến Thành	Hà Nội	Tô Hiến Thành (?-1179), quê quán làng Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng (nay thuộc TP. Hà Nội), là quan đại thần phụ chính nhà Lý, phụng sự hai triều vua: Lý Anh Tông và Lý Cao Tông. Ông là vị quan văn võ song toàn, nổi tiếng là công minh chính trực, được Vua phong tước vương.	Đường, Phố, Công trình công cộng
324.	Lê Thân	Thanh Hóa	Lê Thân (1253– 1340), quê ở Thanh Trì, giáp Cá Na (nay thuộc xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn), tỉnh Thanh hóa, là Đại hành khiển, tước Luật quận công thời Trần.	
325.	Lê Thận	Thanh Hóa	Lê Thận (? – 1448), hay còn gọi là Nguyễn Thận, quê ở Mục Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Tư mã dưới thời Lê sơ.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
326.	Nguyễn Thị Thập	Tiền Giang	Nguyễn Thị Thập (1908-1996), quê xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang), là một nhà Cách mạng nữ Việt Nam, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (1956-1974).	Đường
327.	Lê Văn Thiêm	Hà Tĩnh	Lê Văn Thiêm (1918-1991), sinh tại xã Trung Lễ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Ông là người Việt đầu tiên đỗ Tiến sĩ toán ở Pháp và làm giáo sư toán ở Đại học Zurich, Thụy Sĩ, từng là Chủ tịch Hội Toán học Việt Nam, được truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh.	
328.	Nguyễn Thiện	Nghệ An	Nguyễn Thiện (?-?), quê ở Trang Nguyên Xá, huyện Thiên Phúc, trấn Nghệ An (nay là xã Nghi Phúc, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An), là người có công đánh giặc Chiêm Thành, được phong chức “Bình Di Đại Tướng Quân, Ân Trường Ngũ Đạo Quân”.	Đường
329.	Lương Khánh Thiện	Hà Nam	Lương Khánh Thiện (1903-1941), quê ở làng Mễ Tràng, xã Liêm Chính, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, là nhà hoạt động chính trị, người tham gia chỉ đạo cuộc bãi công ở Nhà Máy Xe lửa Gia Lâm (1938), từng là Bí thư Thành ủy Hải Phòng, sau đó bị địch bắt và kết án tử hình.	
330.	Nguyễn Thiếp	Hà Tĩnh	Nguyễn Thiếp (1723-1804), quê ở Cương Gián (Nghị Xuân, Hà Tĩnh), là danh sĩ cuối đời Hậu Lê và Tây Sơn trong lịch sử Việt Nam, Ông là người đã vạch ra cho Quang Trung chiến lược Bắc tiến thần tốc tiêu diệt đại quân của nhà Thanh.	Đường, Phố
331.	Nguyễn Gia Thiều	Bắc Ninh	Nguyễn Gia Thiều (1741-1798), tức Ôn Như Hầu, quê làng Liễu Ngạn, huyện Siêu Loại (nay là Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), là một nhà thơ thời Lê Hiến Tông. Ông là tác giả “Cung oán ngâm khúc”, tác phẩm nổi tiếng của văn học Trung đại Việt Nam.	Đường, Phố
332.	Lê Đức Thọ	Nam Định	Lê Đức Thọ (1911 - 1990), quê thôn Địch Lễ, xã Nam Vân, huyện Nam Trực (nay là xã Nam	Phố

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Vân, thành phố Nam Định), tỉnh Nam Định, là chính khách trong lịch sử Việt Nam, từng giữ chức Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng thời kỳ 1956-1982.	
333.	Nguyễn Hữu Thọ	Long An	Nguyễn Hữu Thọ (1910-1996), quê huyện Bến Lức, tỉnh Long An, là một luật sư, chính khách trong lịch sử Việt Nam, từng giữ chức Quyền Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.	
334.	Thiều Thôn	Thanh Hóa	Thiều Thôn (1326- 1380), người xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng tướng quân, Thượng tể kiêm Trưởng Kim Ngô vệ thời Trần, có công trong việc dẹp loạn biên giới phía Nam và phía Bắc, đánh tan giặc xâm lấn ở biên thùy.	
335.	Nguyễn Thông	Long An	Nguyễn Thông (1827-1884), tự là Hi Phần, hiệu Kỳ Xuyên, biệt hiệu Đôn Am, sinh ở thôn Bình Thạnh, phủ Tân An (nay là xã Phú Ngãi Trị, huyện Châu Thành), tỉnh Long An, là quan nhà Nguyễn và là danh sĩ Việt Nam ở nửa đầu thế kỷ XIX, từng làm Huấn đạo, đốc học ở nhiều nơi.	
336.	Đào Đức Thông	Thanh Hóa	Đào Đức Thông (1921- 1947), quê Thanh Hóa, là kỹ sư nông học, Đại biểu Quốc hội khóa I, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng Dân chủ Việt Nam. Ông là hiệu trưởng Trường Đào Đức Thông Thanh Hóa.	Phố
337.	Nguyễn Thu	Thanh Hóa	Nguyễn Thu (1799-1855), quê ở Phương Khê, xã Nông Trường, huyện Nông Cống (nay thuộc huyện Triệu Sơn), tỉnh Thanh Hóa, là Bô chính và là nhà văn, nhà sử học lớn thời Nguyễn, là tác giả của nhiều cuốn sách như: Việt thi lục biên Sử cục loại biên (1833), Thiên Nam tiếp chú ngoại kỉ sử lược (1848) và cuốn Lê Quý kí sự.	
338.	Lê Thụ	Thanh Hóa	Lê Thụ (?-1460), quê ở làng Lam Sơn, nay là thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			đanh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nhập nội Đô đốc Bình chương sự dưới thời Lê sơ.	
339.	Hoàng Văn Thụ	Lạng Sơn	Hoàng Văn Thụ (1909-1944), quê xóm Phạc Lạng, xã Nhân Lý, châu Diêm He, huyện Văn Uyên (nay thuộc xã Hoàng Văn Thụ, huyện Văn Lãng), tỉnh Lạng Sơn. Là nhà lãnh đạo cao cấp của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, có nhiều đóng góp lớn cho phong trào Cách mạng Việt Nam và là nhà thơ Cách mạng Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Ông bị thực dân Pháp bắt tại Hà Nội và bị kết án tử hình.	Đường, Phở
340.	Trịnh Duy Thuần	Thanh Hóa	Trịnh Duy Thuần (?- 1548), quê ở Thủy Tú (nay là huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là Thượng tướng quân thời Lê Trung hưng.	
341.	Nguyễn Đức Thuận	Nam Định	Nguyễn Đức Thuận (1916-1985), tên thật là Bùi Phong Tư, quê làng Bản Ngũ, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, là nhà Cách mạng Việt Nam, nguyên là Phó Bí thư Xứ ủy Nam Bộ, Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.	Đường
342.	Nguyễn Thiện Thuật	Hưng Yên	Nguyễn Thiện Thuật (1844-1926), tên tự là Mạnh Hiếu, còn gọi là Tán, quê làng Xuân Dục, huyện Đường Hào (nay là làng Xuân Đào xã Xuân Dục, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên), lãnh tụ cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy, một trong các cuộc khởi nghĩa của phong trào Cần Vương chống Pháp cuối thế kỷ XIX.	Đường, Phở
343.	Lê Viết Thuật	Nghệ An	Lê Viết Thuật (1902 - ?), quê phố Đệ Thập (nay là phường Bến Thủy), thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, là ủy viên Tỉnh ủy lâm thời Vinh, là một trong những người tham gia chỉ đạo cuộc biểu tình kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1/5/1930, đầu năm 1932, cơ quan Xứ ủy Trung Kỳ bị lộ, Lê Viết Thuật, người Bí thư Xứ ủy cuối cùng bị sa vào tay địch.	Đường
344.	Xuân Thủy	Hà Nội	Xuân Thủy (1912-1985), tên thật là Nguyễn Trọng	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Nhâm, quê ở thôn Hòe Thị, tổng Phương Canh, huyện Hoài Đức cũ (nay là phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội), là nhà hoạt động chính trị, nhà ngoại giao, nhà thơ và nhà báo. Ông từng là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao nước CHXHCN Việt Nam.	
345.	Hàn Thuyên	Bắc Ninh	Hàn Thuyên (1229-?), tên thật là Nguyễn Thuyên, quê Lai Hạ, huyện Thanh Lâm, châu Nam Sách, lộ Lạng Giang, nay là xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, làm tới chức Thượng thư Bộ Hình dưới thời Trần Nhân Tông, Ông được xem là người phát triển, phổ biến chữ Nôm của Việt Nam.	Đường, Phó
346.	Tôn Thất Thuyết	Thừa Thiên Huế	Tôn Thất Thuyết (1839 - 1913), quê ở tỉnh Thừa Thiên Huế, là quan phụ chính đại thần dưới triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam, là một trong những quan nhà Nguyễn chống Pháp tiêu biểu nhất, cùng vua Hàm Nghi phát động phong trào Cần Vương.	Đường
347.	Phạm Phú Thứ	Quảng Nam	Phạm Phú Thứ (1820-1883), quê làng Đông Bàn, huyện Diên Phước, nay thuộc xã Điện Trung, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, là một đại thần triều nhà Nguyễn, và là một trong số người có quan điểm canh tân nước Việt Nam trong những năm nửa cuối thế kỷ XIX.	Phó
348.	Từ Thức	Thanh Hóa	Từ Thức (?-?), quê ở Tống Sơn, Hòa Châu (nay là Thanh Hóa), là một nhân vật huyền thoại đời nhà Trần trong truyện dã sử Truyền kỳ mạn lục của Nguyễn Dữ, và được hư cấu là một người gặp được tiên và ở cùng tiên nữ trong chốn tiên cảnh. Tương truyền nơi ông gặp tiên chính là động Từ Thức, Nga Sơn, Thanh Hóa.	Đường
349.	Cầm Bá Thước	Thanh Hóa	Cầm Bá Thước (1858 – 1895), người dân tộc Thái tại bản Chiềng Vàng, tổng Trịnh Vạn, châu Thường Xuân (nay thuộc xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là một trong những vị lãnh đạo của Phong trào Cần Vương	Đường, Phó, Công trình công cộng

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			chống Pháp ở Thanh Hóa.	
350.	Vũ Sư Thước	Thanh Hóa	Vũ Sư Thước (thế kỷ XVI), người làng Vũ Xã, tổng Du Trường, huyện Thuận Lộc, nay là thôn Vũ Thành, xã Mỹ Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Võ tướng, Thủy quân công thời Lê Trung hưng.	
351.	Hồ Hán Thương	Thanh Hóa	Hồ Hán Thương (?-1407), quê làng Đại Lại (nay là xã Hà Đông huyện Hà Trung), tỉnh Thanh Hóa, là hoàng đế thứ hai và cũng là vị vua cuối cùng của nhà Hồ, cai trị nước Đại Ngu từ năm 1401 đến năm 1407.	
352.	Mai An Tiêm	Thanh Hóa	Mai An Tiêm (?-?), quê Thanh Hóa, là một nhân vật truyền thuyết thời Hùng Vương, được hư cấu là một người gặp được tiên và ở cùng tiên nữ trong chốn tiên cảnh. Tương truyền nơi ông gặp tiên chính là động Từ Thức.	Đường
353.	Khuất Duy Tiến	Hà Nội	Khuất Duy Tiến (1909 -1984), quê thôn Thuận Mỹ, xã Trạch Mĩ Lộc, huyện Tùng Thiện, phủ Quảng Oai, tỉnh Sơn Tây (nay là huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội), nhà hoạt động Cách mạng, Đại biểu Quốc hội khóa I, từng là Chủ tịch Ủy ban Hành chính Kháng chiến Khu Đặc biệt Hà Nội, Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính Liên khu IV (1952).	Phó
354.	Nguyễn Hữu Tiến	Thanh Hóa	Nguyễn Hữu Tiến (1602-1666), quê Vân Trai, huyện Tĩnh Gia, là Tiết chế, tước Quận công, tướng tài dưới thời chúa Nguyễn.	Đường
355.	Nguyễn Trinh Tiếp	Thanh Hóa	Nguyễn Trinh Tiếp (1924-1967), quê ở Nông Trường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, ông là một trong những nhà tham gia sáng chế ra súng SKZ - 60, được nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh về Khoa học - Công nghệ.	Phó
356.	Nguyễn Đôn Tiết	Thanh Hóa	Nguyễn Đôn Tiết (1836-1886), người làng Thọ Vực, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hóa, là Tri phủ thời nhà Nguyễn và là một trong những lãnh tụ lãnh đạo phong trào Cần Vương chống	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Pháp ở Thanh Hóa.	
357.	Đào Tiêu	Thanh Hóa	Đào Tiêu (?-?), quê xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là một Trạng nguyên Việt Nam dưới triều Trần.	
358.	Tuệ Tĩnh	Hải Dương	Tuệ Tĩnh (1341-1385), tên thật là Nguyễn Bá Thành, quê phủ Hồng Châu (nay thuộc huyện Cẩm Giàng), tỉnh Hải Dương, là một lang y sống ở giai đoạn cuối thời Trần. Ông được hậu thế suy tôn là tiên thánh của ngành thuốc Nam.	Phổ
359.	Phan Kế Toại	Hà Nội	Phan Kế Toại (1892-1973), quê ở phủ Quang Oai, tỉnh Sơn Tây (nay thuộc thị xã Sơn Tây - Hà Nội), là một cựu chính khách Việt Nam, từng giữ chức Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ Việt Nam.	Đường
360.	Nguyễn Khánh Toàn	Nghệ An	Nguyễn Khánh Toàn (1905-1993), quê thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, là một nhà giáo, nhà khoa học Việt Nam, từng giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước, Ông có nhiều đóng góp cho việc xây dựng nền Giáo dục Việt Nam và nền Khoa học Xã hội Việt Nam.	
361.	Trần Quốc Toản	Nam Định	Trần Quốc Toản (1267 - 1285), quê Nam Định, là một tông thất nhà Trần, sống ở thời kỳ trị vì của Trần Nhân Tông, Ông nổi tiếng có công tham gia kháng chiến chống quân Nguyên với chiến thắng Tây Kết, Chương Dương; hy sinh anh dũng trong trận chặn đánh Thoát Hoan ở sông Như Nguyệt, khi mới 18 tuổi.	Đường, Phổ
362.	Ngô Tất Tố	Bắc Ninh	Ngô Tất Tố (1894 -1954), quê ở làng Lộc Hà, tổng Hội Phụ, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh, nay là thôn Lộc Hà, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội, là một nhà văn, nhà báo, nhà Nho học và nhà nghiên cứu có ảnh hưởng ở Việt Nam giai đoạn trước 1954.	Đường
363.	Lý Thái Tổ	Bắc Ninh	Lý Thái Tổ (974 - 1028), tức Lý Công Uẩn, quê huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Ông là người có công định đô, xây dựng, mở mang đặt nền	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			móng cho Kinh thành Thăng Long, Thủ đô ngàn đời của đất nước.	
364.	Nguyễn Trường Tộ	Nghệ An	Nguyễn Trường Tộ (1828-1871), người làng Bùi Chu, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, là một danh sĩ, kiến trúc sư, và là nhà cải cách xã hội Việt Nam ở thế kỷ XIX.	Đường Phố
365.	Lê Dụ Tông	Thanh Hóa	Lê Dụ Tông (1639- 1731), tên húy là Lê Duy Đường quê ở Lam Sơn, huyện Lôi Dương (nay là xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là vị vua thứ mười một của Nhà Lê Trung hưng.	
366.	Lê Nhân Tông	Thanh Hóa	Lê Nhân Tông (1441-1459), tên thật là Lê Bang Cơ, quê Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là vua thứ ba nhà Lê sơ, là vị hoàng đế thứ ba của nhà Hậu Lê trong lịch sử Việt Nam.	
367.	Lý Nhân Tông	Hà Nội	Lý Nhân Tông (1066-1127), tên là Lý Càn Đức sinh tại Kinh đô Thăng Long, Hà Nội. Ông lên ngôi khi mới 7 tuổi, làm vua đến năm 1127 thì mất, trở thành Ông vua trị vì lâu nhất trong lịch sử Việt Nam, là người mở đầu cho nền giáo dục Đại học ở Việt Nam..	Đường
368.	Trần Nhân Tông	Nam Định	Trần Nhân Tông (1258-1308), quê Nam Định, là vị hoàng đế thứ ba của Vương triều Trần trong lịch sử Việt Nam, trị vì từ năm 1278 đến năm 1293, Ông được nhiều sử gia đánh giá là một vị vua anh minh, đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển bền vững của Đại Việt cuối thế kỷ XIII, cũng như việc bảo vệ nền độc lập và mở rộng cương thổ đất nước.	Đường
369.	Lê Thái Tông	Thanh Hóa	Lê Thái Tông (1423- 1442), còn có tên là Lê Nguyên Long, quê ở Lam Sơn, huyện Lôi Dương (nay là xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là vị vua thứ hai của nhà Lê sơ, Ông là vị vua anh minh, đã đặt ra nhiều biện pháp chấn chỉnh kỷ cương triều chính.	
370.	Lê Hiến Tông	Thanh Hóa	Lê Hiến Tông (1461-1504), quê Lam Sơn, huyện Lôi Dương (nay là xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là Vua thứ sáu nhà	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Lê sơ, trong những năm Lê Hiến Tông trị vì, đất nước yên ổn không có loạn lạc.	
371.	Lê Thần Tông	Thanh Hóa	Lê Thần Tông (1607 - 1662), tên húy là Lê Duy Kỳ, quê ở Lam Sơn, huyện Lôi Dương (nay là xã Xuân Dương, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là Vua thứ sáu thời Lê Trung hưng. Là vị Vua thông minh, học rộng, mưu lược sâu, văn chương giỏi, xứng đáng là bậc vua giỏi.	Đường
372.	Lý Thái Tông	Ninh Bình	Lý Thái Tông (1000-1054), tên là Phật Mã, sinh tại kinh đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, là vị Hoàng đế thứ 2 của Triều đại nhà Lý ở ngôi 26 năm (1028 - 1054), được đánh giá là vị hoàng đế tài giỏi, thời đại của Ông được xem là khởi đầu sự thịnh vượng của nhà Lý.	Đường
373.	Trần Thái Tông	Nam Định	Trần Thái Tông (1218-1277), tên thật là Trần Bồ sau đổi thành Trần Cảnh, quê ở hương Tức Mặc (nay là huyện Mỹ Lộc), Nam Định, là vị vua đầu tiên của nhà Trần. Ông trực tiếp chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân Nguyên- Mông lần thứ nhất thắng lợi.	Đường
374.	Lê Thánh Tông	Thanh Hóa	Lê Thánh Tông (1442-1497), có tên húy Tư Thành, quê ở Lam Sơn, huyện Lôi Dương (nay là huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là vị Vua thứ năm Nhà Lê sơ, thời kỳ Ông làm vua là thời kỳ thịnh trị nhất trong các triều đại phong kiến Việt Nam.	
375.	Lý Thánh Tông	Hà Nội	Lý Thánh Tông (1023- 1072), tên thật là Lý Nhật Tôn sinh tại cung Lộng Đức, Kinh đô Thăng Long, Hà Nội, là vị Vua thứ ba của Nhà Lý, cai trị từ năm 1054 đến 1072.	Đường
376.	Trần Thánh Tông	Nam Định	Trần Thánh Tông (1240-1290), quê Nam Định, làm vị Vua thứ hai triều Trần, ở ngôi vua 20 năm (1258 - 1278), Ông là vị vua nhân từ độ lượng, sau nhường ngôi cho con.	
377.	Lê Trang Tông	Thanh Hóa	Lê Trang Tông (1514- 1548), có tên là Lê Duy Ninh, quê ở Lam Sơn, huyện Lôi Dương	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			(nay là xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là vị Vua đầu tiên của nhà Lê Trung hưng, là chỗ dựa cho lực lượng chống Mạc với danh nghĩa khôi phục nhà Lê trong giai đoạn đầu.	
378.	Bùi Xương Trạch	Hà Nội	Bùi Xương Trạch (1451-1528), quê ở làng Định Công, huyện Thanh Trì, Hà Nội, sau ở làng Thịnh Liệt, nay thuộc quận Hoàng Mai, Hà Nội, Ông là người lập ra dòng họ Bùi nổi tiếng khoa bảng làm đến chức Thượng thư Bộ Binh, Đô ngự sử, Tế tửu Quốc Tử Giám, tước Quảng Văn Hầu, Ông là tác giả bài ký Quảng Văn Đình nổi tiếng.	Đường
379.	Nguyễn Trãi	Hải Dương	Nguyễn Trãi (1380- 1442), hiệu Úc Trai, quê ở thôn Chi Ngại, phường Cộng Hòa, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, sau dời đến làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội, là một nhà chính trị, nhà thơ nổi tiếng dưới thời nhà Hồ và nhà Lê sơ Việt Nam. Ông được UNESCO công nhận là Danh nhân văn hóa Thế giới.	Đường, Phố, Công trình công cộng
380.	Đình Công Tráng	Hà Nam	Đình Công Tráng (1842-1887), quê ở tỉnh Hà Nam, là lãnh tụ số một của khởi nghĩa Ba Đình trong phong trào Cần Vương chống Pháp ở cuối thế kỷ XIX tại Việt Nam.	Đường, Phố
381.	Trịnh Tráng	Thanh Hóa	Trịnh Tráng (1577 - 1657), quê ở làng Sóc Sơn, nay thuộc xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là vị chúa thứ hai của Dòng họ Trịnh.	
382.	Lê Phụ Trần	Thanh Hóa	Lê Phụ Trần (?-?), quê huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng của triều đại Nhà Trần, phục vụ các triều Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông.	
383.	Phạm Thị Ngọc Trần	Thanh Hóa	Phạm Thị Ngọc Trần (? - 1425), quê ở sách Quần Đội, huyện Lôi Dương (nay thuộc xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, bà là vợ vua Lê Thái Tổ, chăm lo hậu cần cho khởi nghĩa Lam Sơn trong những năm đầu và là người dâng mình cho thần nhân giúp vua Lê Thái Tổ hoàn	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			thành sự nghiệp lớn.	
384.	Hoàng Tích Trí	Bắc Ninh	Hoàng Tích Trí (1903-1958), quê gốc Phù Lưu, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, sinh tại xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội, là bác sĩ, nhà vi trùng học - dịch tễ học có nhiều đóng góp vào sự nghiệp y tế Việt Nam.	
385.	Tổng Phước Trị	Thanh Hóa	Tổng Phước Trị (thế kỷ XVI), quê huyện Tống Sơn (nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa), làm quan đến chức Trấn thủ thời Lê Trung hưng.	
386.	Nguyễn Quốc Trị	Nghệ An	Nguyễn Quốc Trị (1921-1967), quê ở xã Đà Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, là một trong 4 Anh hùng quân đội đầu tiên của Việt Nam.	Đường
387.	Thiệu Trị	Thanh Hóa	Thiệu Trị (1807-1847), có tên là Nguyễn Phúc Miên Tông, quê gốc ở Gia Miêu, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hóa, nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là vị vua thứ ba triều Nguyễn, là một người hiền hoà, siêng năng cần mẫn, ông cũng nổi tiếng là một vị vua thi sĩ, có để lại rất nhiều bài thơ, nổi tiếng.	Đường
388.	Lý Triện	Thanh Hóa	Lý Triện (? - 1427), quê ở trang Bái Đô, huyện Lôi Dương (nay thuộc xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, được truy tặng chức Nhập nội Tư mã thời Lê sơ.	
389.	Hải Triều	Hải Phòng	Hải Triều (1908- 1954), quê ở xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Ông là một trong những chiến sĩ xuất sắc của Đảng trên mặt trận Văn hóa - Văn nghệ. Ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh (1962).	Phố
390.	Bà Triệu - Triệu Thị Trinh	Thanh Hóa	Bà Triệu (225-248), tên thật là Triệu Thị Trinh, còn được gọi là Triệu Ẩu, Triệu Trinh Nương, người vùng núi Quân Yên, nay thuộc xã Định Công - Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, là Lãnh tụ khởi nghĩa chống ách đô	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			hộ Nhà Ngô, là một trong những vị anh hùng dân tộc trong lịch sử Việt Nam.	
391.	Lê Mạnh Trinh	Thanh Hóa	Lê Mạnh Trinh (1897- 1983), người xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hóa, là Phó Giám đốc trường Đảng Trung ương Nguyễn Ái Quốc, là một trong số những chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
392.	Phan Chu Trinh	Quảng Nam	Phan Chu Trinh (1872- 1926), quê ở Tam Kỳ, Quảng Nam. Ông là nhà thơ, nhà văn và là chí sĩ thời cận đại trong lịch sử Việt Nam.	Đường Phố
393.	Trần Bình Trọng	Hà Nam	Trần Bình Trọng (1259- 1285), quê Hà Nam. Ông có công hộ giá bảo vệ Vua Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông trong cuộc Kháng chiến chống Mông - Nguyên lần thứ hai (1285).	Đường
394.	Lý Tự Trọng	Hà Tĩnh	Lý Tự Trọng (1914-1931), tên thật là Lê Hữu Trọng, quê xã Thạch Minh, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, là một trong những nhà Cách mạng trẻ tuổi của Việt Nam.	Đường, Phố, Công trình công cộng
395.	Nguyễn Văn Trỗi	Quảng Nam	Nguyễn Văn Trỗi (1940 - 1964), làng Thanh Quýt, xã Điện Thắng, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, là một người đã thực hiện cuộc đánh bom nhằm vào Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ Robert McNamara.	Đường Phố
396.	Trịnh Thị Ngọc Trúc	Thanh Hóa	Trịnh Thị Ngọc Trúc (1595- 1660), quê ở xã Sóc Sơn, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Hoàng hậu của Lê Thần Tông và là nữ văn sĩ của Việt Nam thế kỷ XVII.	Đường
397.	Nguyễn Đức Trung	Thanh Hóa	Nguyễn Đức Trung (thế kỷ XV), quê xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là Thái úy, Trình quốc công dưới thời Lê sơ và là một trong bảy người con của khai quốc công thần Nguyễn Công Duẩn.	
398.	Thân Nhân Trung	Bắc Giang	Thân Nhân Trung (1418- 1499), quê ở tỉnh Bắc Giang, Ông là Phó Nguyên sứ Tao đàn Nhị thập bát tú cho Lê Thánh Tông làm Tao đàn nguyên sứ.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
399.	Quang Trung	Bình Định	Quang Trung (1753 -1792), quê tỉnh Bình Định, là niên hiệu của Nguyễn Huệ, lãnh tụ kiệt xuất của phong trào Tây Sơn, nhà quân sự thiên tài, anh hùng dân tộc.	Đường. Công trình công cộng
400.	Nguyễn Công Trứ	Hà Tĩnh	Nguyễn Công Trứ (1778-1858), hiệu Ngộ Trai, Hy Văn, quê làng Uy Viễn, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Ông đỗ giải nguyên (1819), làm tri huyện rồi đến Tổng đốc, Thượng thư, Ông là nhà thơ tài hoa, sáng tác nhiều bài ca trù nổi tiếng.	Đường
401.	Phạm Công Trứ	Hưng Yên	Phạm Công Trứ (1600 - 1675), quê làng Liêu Xuyên, tổng Liêu Xá, huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồng, trấn Hải Dương, (nay thuộc thôn Thanh Xá, xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên), là tể tướng nhà Lê Trung hưng trong lịch sử Việt Nam. Ông là một công thần, một nhà chính trị tài năng của chúa Trịnh, là một trong 39 người "phò tá có công lao tài đức" thời Trung hưng, làm đến chức Quốc lão, Thái bảo Yên Quận công.	
402.	Nguyễn Trực	Hà Nội	Nguyễn Trực (1417 - 1474), quê xã Bối Khê, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội, là Thiếu trung khanh đại phu Ngự sử đài Ngự sử thị Đô úy, Thự trung thư lệnh, Tri tam quán sự, đặc thụ Hàn lâm viện Thừa chỉ kiêm Tế tửu Quốc tử giám Thăng Long.	Đường
403.	Nguyễn Trung Trực	Bình Định	Nguyễn Trung Trực (1838- 1868) còn gọi là Nguyễn Trực, quê xóm Lưới, thôn Vĩnh Hội, tổng Trung An, xã Cát Hải, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Là thủ lĩnh Phong trào khởi nghĩa chống Pháp vào nửa cuối thế kỷ 19 ở Nam Bộ, Việt Nam.	Đường Phố
404.	Hai Bà Trưng	Phú Thọ	Hai Bà Trưng (41- 43), quê Phú Thọ, là anh hùng dân tộc của người Việt, những thủ lĩnh khởi binh chống lại nhà Đông Hán của Trung Quốc, lập ra một Quốc gia với kinh đô tại Mê Linh và tự	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			phong là Nữ vương.	
405.	Hồ Nguyên Trùng	Thanh Hóa	Hồ Nguyên Trùng (thế kỷ XIV - XV), quê ở làng Đại Lại (nay là xã Hà Đông, huyện Hà Trung), tỉnh Thanh Hóa, là con trưởng của Hồ Quý Lý, là Tả Tướng quốc thời Hồ.	Đường Phố
406.	Trịnh Thiết Trường	Thanh Hóa	Trịnh Thiết Trường (thế kỷ XV), quê thôn Đắc Chí, xã Định Bình, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư thời Lê sơ. Ông thi đỗ Đồng Tiến sĩ xuất thân, Bảng nhãn. Nhờ có tài năng, đức độ, Trịnh Thiết Trường được các vua Lê Thái Tông, Lê Nhân Tông, Lê Thánh Tông trọng dụng và tin dùng.	
407.	Lê Trạc Tú	Thanh Hóa	Lê Trạc Tú (1533- 1615), quê làng Phú Thịnh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư thời Lê Trung hưng. Do có nhiều công lao đóng góp vào thắng lợi trong cuộc khôi phục cơ nghiệp nhà Lê, năm 1599, Lê Trạc Tú được gia phong tước văn Trinh Bá.	
408.	Lê Bất Tứ	Thanh Hóa	Lê Bất Tứ (1562 - 1627), người xã Cỗ Định, nay là xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư, Tham tụng thời Lê Trung hưng, đi sứ Trung Quốc (1608).	
409.	Nguyễn Mộng Tuân	Thanh Hóa	Nguyễn Mộng Tuân (1380 - ?), quê ở thôn Viên Khê, xã Đông Anh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Môn hạ sảnh Tả ty Tả nạp ngôn Tri quân dân Bắc đạo thời Lê sơ và là một nhà thơ lớn của Đại Việt thế kỷ XV.	Đường
410.	Nguyễn Tuân	Hà Nội	Nguyễn Tuân (1910 - 1987), quê ở xã Nhân Mục, thôn Thượng Đình, nay thuộc phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Là nhà văn nổi tiếng của Việt Nam, sở trường về tùy bút và kí, Ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 1996.	Phố
411.	Mai Anh Tuấn	Thanh Hóa	Mai Anh Tuấn (1815-1851), tên thật là Mai Thế Tuấn, quê xã Thạch Giản, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Thị độc học sỹ kiêm Tham biện thời	Đường Công trình công

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			nhà Nguyễn.	cộng
412.	Trịnh Tuệ	Thanh Hóa	Trịnh Tuệ (1701 - ?), quê ở làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phúc (nay là xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc) tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư, Tham tụng, Tế tửu Quốc Tử giám thời Lê Trung hưng.	
413.	Đào Duy Tùng	Hà Nội	Đào Duy Tùng (1924-1998), quê tại Xóm Chợ, Cổ Loa, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên, nay là huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, từng là Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng.	
414.	Trịnh Tùng	Thanh Hóa	Trịnh Tùng (1550- 1623), quê ở làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là vị Chúa đầu tiên của Dòng họ Trịnh, có nhiều đóng góp cho sự nghiệp Trung hưng Nhà Lê.	
415.	Tôn Thất Tùng	Thừa Thiên Huế	Tôn Thất Tùng (1912-1982), sinh ra tại Thanh Hóa và lớn lên ở Huế, là Anh hùng lao động, Giáo sư - Bác sĩ, nhà bác học nổi tiếng ở Việt Nam và thế giới trong lĩnh vực gan và giải phẫu gan. Ông đạt Huy chương Vàng Quốc tế Lannolônggiơ của Viện Hàn lâm phẫu thuật Paris (1977), được giới Y học toàn cầu đánh giá cao, được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh.	Đường, Phó
416.	Nguyễn Tuyên	Thanh Hóa	Nguyễn Tuyên (1017- 1038), quê ở trang Đường Bột, huyện Cổ Đằng, phủ Hà Trung (nay là huyện Hà Trung), tỉnh Thanh Hóa, là Đại tướng thời Lý, có công đánh dẹp Chiêm Thành được phong là “Đương cảnh thành hoàng, thượng đẳng phúc thần đại vương”.	
417.	Đào Duy Từ	Thanh Hóa	Đào Duy Từ (1572-1634), quê gốc ở làng Vân Trai, xã Hoa Trai, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, (nay thuộc xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia) tỉnh Thanh Hóa, là nhà quân sự lớn, Danh nhân văn hóa kiệt xuất, người thầy, bậc Khai quốc công thần dưới thời Chúa Nguyễn ở Đàng trong.	Đường Phó, Công trình công cộng
418.	Ngô Từ	Thanh Hóa	Ngô Từ (1370 - 1453), quê ở Đồng Phang, tổng Đông Lý, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn,	Phó

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Thái bảo Chương Khánh công dưới thời Lê sơ.	
419.	Chử Đồng Tử		Chử Đồng Tử (?-?), là nhân vật huyền thoại, có vị trí đặc biệt trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam.	
420.	Hàn Mặc Tử	Quảng Bình	Hàn Mặc Tử (1912-1940), tên thật là Nguyễn Trọng, quê làng Lệ Mỹ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, lớn lên ở Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Ông là nhà thơ nổi tiếng, khởi đầu cho dòng thơ lãng mạn hiện đại Việt Nam.	Đường, Phó
421.	Ngô Gia Tự	Bắc Ninh	Ngô Gia Tự (1908-1935), quê làng Tam Sơn, huyện Tiên Sơn, (nay là xã Tam Sơn, thị xã Từ Sơn), tỉnh Bắc Ninh. Ông là nhà Cách mạng tiền bối của Đảng Cộng sản Việt Nam, từng làm Bí thư lâm thời Xứ ủy Nam Kỳ.	Phó
422.	Nguyễn Huy Tự	Hà Tĩnh	Nguyễn Huy Tự (1743-1790), người làng Trường Lưu, tổng Lai Thạch, huyện La Sơn (nay là huyện Can Lộc), tỉnh Hà Tĩnh, làm quan đến chức Đốc đồng Hưng Hóa và trấn Sơn Tây, Ông là tác giả truyện Nôm bằng thơ nổi tiếng: Hoa tiên.	Phó
423.	Nguyễn Huy Tường	Hà Nội	Nguyễn Huy Tường (1912-1960), người làng Dục Tú, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội). Ông là Nhà văn Việt Nam hiện đại, tham gia phong trào yêu nước từ rất sớm, viết nhiều tác phẩm xuất sắc về Hà Nội, nhất là tiểu thuyết Sống với thủ đô và kịch bản Lũy Hoa.	
424.	Dã Tượng		Dã Tượng (?-?), không rõ năm sinh, năm mất và quê quán. Ông có tài thu phục Voi rừng Dã Tượng cùng với Yết Kiêu là gia tướng chỉ huy đội tượng binh của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, từng lập nhiều chiến công trong hai Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược 1285-1288.	Đường
425.	Vũ Uy	Thanh Hóa	Vũ Uy (? –1424), còn gọi là Lê Uy, quê ở làng Thụ Mệnh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Danh tướng khởi nghĩa Lam Sơn, được truy tặng Thiếu úy dưới thời Lê sơ.	
426.	Trần Cao Vân	Quảng Nam	Trần Cao Vân (1866 - 1916), tên thật là Trần Công Thọ, quê làng Tư Phú, tổng Đa Hòa, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, là một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống Pháp tại Trung kỳ .	Phó
427.	Phạm Vấn	Thanh Hóa	Phạm Vấn (?- 1436), quê ở thôn Nguyễn Xá (nay thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, Đại tướng quân thời Lê sơ.	
428.	Đinh Cung Viên	Thanh Hóa	Đinh Cung Viên (? - 1294), quê huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Hàn lâm viên Học sĩ phụng chỉ và nhà ngoại giao thời Trần, đã từng đi sứ nhiều lần.	
429.	Chế Lan Viên	Nghệ Tĩnh	Chế Lan Viên (1920-1989), tên thật là Phan Ngọc Hoan, quê gốc ở Nghệ Tĩnh, sinh ở Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, là một nhà thơ, nhà văn hiện đại nổi tiếng ở Việt Nam, được trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.	Đường
430.	Nguyễn Khắc Viện	Hà Tĩnh	Nguyễn Khắc Viện (1913 - 1997), quê xã Sơn Hòa, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, là một bác sĩ Nhi khoa nhà nghiên cứu văn hóa và tâm lý - Y học - Giáo dục nổi tiếng của Việt Nam. Ông là người lãnh đạo phong trào Việt kiều yêu nước tại Pháp, được giải thưởng Nhà nước Việt Nam của Viện Hàn lâm Khoa học Pháp.	Phó
431.	Hoàng Quốc Việt	Bắc Ninh	Hoàng Quốc Việt (1905-1992), tên thật là Hạ Bá Cang, quê Đáp Cầu, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh (ngày nay là phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh), là một chính khách, đảm nhiệm các vai trò Bí thư Tổng bộ Việt Minh, Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ.	Phó
432.	Lương Thế	Nam	Lương Thế Vinh (1442 - ?), còn gọi là Trạng	Đường, Phó

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
	Vinh	Định	Lường, tên tự là Cảnh Nghị, tên hiệu là Thụy Hiên, quê tại làng Cao Hương, huyện Thiên Bản, Trấn Sơn Nam (nay là thôn Cao Phương, xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định), là tổ sư ngành toán, nhà Phật học, nhà thơ Việt Nam thời Lê sơ, đỗ trạng nguyên và làm quan dưới triều Lê Thánh Tông.	
433.	Lê Thọ Vực	Thanh Hóa	Lê Thọ Vực (? - 1484), quê ở xã Thái Đường, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Võ tướng, Thái úy thời Lê sơ.	
434.	An Dương Vương	Cao Bằng	Thục Phán An Dương Vương (thế kỷ III TCN), quê tỉnh Cao Bằng, là thủ lĩnh Bộ lạc Âu Việt đất Văn Lang, là một vị vua đã lập nên đất nước Âu Lạc và cũng là vị vua duy nhất cai trị nhà nước này.	
435.	Hùng Vương	Phú Thọ	Hùng Vương (?-?), quê tỉnh Phú Thọ, là cách gọi các vị vua nước Văn Lang của người Lạc Việt.	
436.	Phạm Văn Xảo	Hà Nội	Phạm Văn Xảo (?-?), quê ở Hà Nội, là Khai quốc công thần nhà Hậu Lê.	
437.	Nguyễn Xí	Hà Tĩnh	Nguyễn Xí (1397 - 1465), sinh ra ở xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, gốc người làng Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, là một vị tướng, nhà chính trị, công thần Khai quốc nhà Hậu Lê và là đại thần trải qua 4 đời vua thời Hậu Lê trong lịch sử Việt Nam.	
438.	Nguyễn Xiển	Nghệ An	Nguyễn Xiển (1907-1997), quê ở tỉnh Nghệ An, là một nhà khoa học, đồng thời cũng là một chính khách Việt Nam, giữ chức Chủ tịch Ủy ban Hành chính Bắc bộ, Tổng Thư ký Đảng Xã hội Việt Nam (1956-1988), Phó Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam (1960 -1987).	Phó
439.	Bùi Thị Xuân	Bình Định	Bùi Thị Xuân (?-1802), quê phủ Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, là một trong Tây Sơn ngũ phụng thư, là một Đô đốc của vương triều Tây Sơn trong lịch sử Việt Nam.	Đường, Phó

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
440.	Nguyễn Viết Xuân	Vĩnh Phúc	Nguyễn Viết Xuân (1933 -1964), quê làng Thượng, xã Ngũ Kiên, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc), là chiến sĩ cách mạng, được biết đến nhiều qua khẩu hiệu "Nhằm thẳng quân thù! Bắn!" trong Chiến tranh Việt Nam.	Đường
441.	Trần Tế Xương	Nam Định	Trần Tế Xương (1870-1907), còn có tên Tú Xương, quê huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, là nhà thơ nổi tiếng của Việt Nam.	Đường, Phó
442.	Lê Hắc Y	Hòa Bình	Lê Hắc Y (?- ?), tên thật là Bùi Hắc Y, người huyện Yên Thủy hoặc Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, là người có công chiêu mộ quân sĩ (chủ yếu là người dân tộc Mường) tham gia và có nhiều đóng góp vào sự thành công của Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn.	

Tổng số: 442 danh nhân, trong đó đã đặt tên 268

2. Danh nhân, nhân vật lịch sử được suy tôn tại tỉnh Thanh Hóa.

2.1. Danh nhân, nhân vật lịch sử là người ngoài tỉnh có đóng góp cho tỉnh Thanh Hóa, được suy tôn tại Thanh Hóa.

STT	Danh nhân, nhân vật lịch sử	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
1.	Trần Bảo	Nam Định	Trần Bảo (1908 - 1983), quê ở tỉnh Nam Định, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
2.	Đặng Việt Châu	Nam Định	Đặng Việt Châu (1914 - 1990), tên thật là Đặng Hữu Rạng, quê xã Nam Trung, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, từng giữ chức Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến tỉnh Thanh Hóa. là chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
3.	Trần Hữu Duyệt	Hà Tĩnh	Trần Hữu Duyệt (1906- 1953), quê xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
4.	Hoàng Đạo	Bình Dương	Hoàng Đạo (1914- 2007), tên thật là Nguyễn Văn Hoàng, quê ở Dĩ An, tỉnh Bình Dương, từng	

STT	Danh nhân, nhân vật lịch sử	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			làm Trưởng Ty Công an Thanh Hóa. Ông đã chỉ đạo các hoạt động dẹp bọn phản động; Hoàng Đạo trong vai Quốc vụ Khanh cùng Nguyễn Thị Lợi (vai phu nhân Quốc Vụ Khanh) tham gia đánh chiến hạm Amyot D'Inville tại biển Sầm Sơn, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
5.	Nguyễn Văn Giảng	Bắc Giang	Nguyễn Văn Giảng (1903- 1998), quê làng Châu Xuyên, thị xã Bắc Giang (nay thuộc phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang sau chuyển vào sinh sống tại huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
6.	Lê Thị Hoa	Nam Định	Lê Thị Hoa (? - 41), quê Vụ Bản, tỉnh Nam Định, là Danh tướng Khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 - 43).	Đường Phố
7.	Nguyễn Văn Huệ	Nam Định	Nguyễn Văn Huệ (1910-2009), quê Vụ Bản tỉnh Nam Định, từng giữ chức quyền Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
8.	Nguyễn Hữu Khiếu	Quảng Trị	Nguyễn Hữu Khiếu (1915- 2004), quê quán ở thôn Tường Văn, xã Thiệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
9.	Nguyễn Thị Lợi	An Giang	Nguyễn Thị Lợi (1911-1950), quê ở Châu Phú, Châu Đốc, tỉnh An Giang, bà là Điệp viên tham gia đánh đắm tàu Amyot D'Inville Pháp ở Sầm Sơn.	Đường, Công trình công cộng
10.	Võ Nguyên Lượng	Quảng Ngãi	Võ Nguyên Lượng (1915- 1974), quê quán ở huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
11.	Ngô Đức Mậu	Hà Tĩnh	Ngô Đức Mậu (1908- 1987), quê xã Đại Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là một trong những	

STT	Danh nhân, nhân vật lịch sử	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
12.	Trần Thị Nam	Hung Yên	Trần Thị Nam (1876- 1966), quê Hưng Yên. Bà là thành viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh Niên, từng là Ủy viên Ủy ban Cách mạng Lâm thời tỉnh Thanh Hóa.	Phố
13.	Nguyễn Đức Nhuận	Nghệ An	Nguyễn Đức Nhuận (? - ?): quê Nghệ An, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy lâm thời ở Khu vực Thị xã Thanh Hóa, Hoàng Hóa, Hậu Lộc tỉnh Thanh Hóa năm 1940.	
14.	Nghiêm Quý Ngãi	Hà Nội	Nghiêm Quý Ngãi (1918- 1983), quê gốc ở làng Hòa Xá, phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông (nay là thành phố Hà Nội), từ nhỏ đã theo gia đình về sống tại làng Hương Nhượng (nay thuộc xã Thọ Hải), huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là một trong số những chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
15.	Lê Quang Nghệ	Quảng Trị	Lê Quang Nghệ (1930- 1999), quê làng Tường Vân, Triệu An, Triệu Phong, Quảng Trị, là người tham gia nghiên cứu nhiều và chuyên sâu về văn nghệ, văn hóa dân gian, là người sưu tầm dân ca đầu tiên của Thanh Hóa.	
16.	Đạm Phương	Thừa Thiên Huế	Đạm Phương (1881- 1948), tên lúc nhỏ là Công Tôn Nữ Đồng Canh, quê làng An Cựu, huyện Hương Thủy (nay thuộc thành phố Huế), hoạt động văn hóa, hoạt động xã hội, rất có uy tín trong giới trí thức hồi đầu thế kỷ XX, có thời gian hoạt động cách mạng và mất ở Thanh Hóa.	
17.	Nguyễn Tạo	Hà Tĩnh	Nguyễn Tạo (1905 - 1994), còn có tên Nguyễn Phú Doãn, quê làng Thái Yên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	Phố
18.	Đặng Châu Tuệ	Thái Bình	Đặng Châu Tuệ (? - 1987), quê ở Thái Bình, là một trong số những chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	

STT	Danh nhân, nhân vật lịch sử	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
19.	Hồ Viết Thăng	Nghệ An	Hồ Viết Thăng (1918 -1998), quê ở xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Trưởng ban Nông vận, có thời gian giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.	
20.	Nguyễn Văn Thân	Nghệ An	Nguyễn Văn Thân (1923 - 2008), quê ở xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, có giai đoạn làm Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
21.	Đặng Thí	Quảng Trị	Đặng Thí (1921 - 2001), quê ở xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.	
22.	Lê Thước	Hà Tĩnh	Lê Thước (1890 - 1975), hiệu Tĩnh Lạc, quê xã Lạc Thiện, huyện La Sơn (nay là xã Trung Lễ, huyện Đức Thọ), tỉnh Hà Tĩnh, là Lão thành Cách mạng, Chủ tịch Ủy ban tản cư di dân và Ủy ban tăng gia sản xuất tỉnh Thanh Hóa.	Phó
23.	Đặng Huy Trứ	Thừa Thiên Huế	Đặng Huy Trứ (1825 - 1874), quê Thừa Thiên Huế, là một nhà cải cách Việt Nam thời cận đại, Ông tổ nghề nhiếp ảnh ở Việt Nam và là người đầu tiên đưa kỹ nghệ đóng tàu phương Tây du nhập vào Việt Nam, Ông làm Thông phán Ty Bó chính Thanh Hóa, Tri huyện Quảng Xương	Phó

Tổng số: 23 danh nhân, trong đó đã đặt tên 06

2.2. Danh nhân, nhân vật lịch sử Thanh Hóa

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
1.	Lê Đình Ân	Thọ Xuân	Lê Đình Ân (1890 - 1943), quê quán làng Phúc Bôi, tổng Quảng Yên, phủ Thiệu Hóa (nay thuộc xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là một trong số những chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
2.	Hoàng Thị Minh Ba	Thọ Xuân	Hoàng Thị Minh Ba (1922-2013), quê làng Nam Thượng, tổng Nam Dương, phủ Thọ Xuân	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			(nay thuộc xã Tây Hồ, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
3.	Lê Văn Bảo	Vĩnh Lộc	Lê Văn Bảo (1909- 1931), quê làng Bồng Thượng (nay thuộc xã Vĩnh Hùng), huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là một trong những chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
4.	Hà Văn Ban	Quan Hóa	Hà Văn Ban (1929- 1995), quê chòm Bản Bút, xã Nam Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là quyền Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.	
5.	Lê Nhữ Bật	Hoàng Hoá	Lê Nhữ Bật (1527 - 1599), người làng Vĩnh Trị, xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Lại khoa Đô cấp sự trung, tước Nhâm quận công thời Lê Trung hưng, từng đi sứ nhà Minh, được truy phong Thượng thư Bộ Công.	
6.	Lê Trọng Bích	Thọ Xuân	Lê Trọng Bích (thế kỷ XV - XVI), người làng Lam Sơn, huyện Thụy Nguyên, nay thuộc thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Mậu Thìn (1508), làm đến chức Tả Thị lang dưới thời Lê sơ.	
7.	Nguyễn Văn Bích	TP. Thanh Hóa	Nguyễn Văn Bích (1620- 1706), quê xã Bát Quận, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, nay là xã Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa, đỗ Bảng Nhãn khoa Kỷ Hợi, là người được cử đi sứ sang nhà Thanh, làm quan đến chức Tả Thị lang, Nhập thị kinh diện, tước Tử, được truy tặng Công bộ Thượng thư, tước Thọ Xương hầu.	
8.	Phạm Xuân Bích	Yên Định	Phạm Xuân Bích (1784-1833), người làng Trường Lang nay là xã Định Tiến huyện Yên Định, đỗ Hương cống khoa Tân Ty, đời vua Minh Mạng, làm đến Thư Tả Thị Lang bộ Lại, sau đổi làm Thư Bộ Chánh sứ Hà Tiên.	
9.	Trịnh Phúc Biên	Yên Định	Trịnh Phúc Biên (1912-1981), còn có tên là Lê Minh Định quê ở xã Định Tân, huyện Yên	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Định, là Phó Bí thư Khu ủy khu VII, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
10.	Nguyễn Hựu Bình	Hà Trung	Nguyễn Hựu Bình (thế kỷ XVIII- XIX), người huyện Tống Sơn (nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa), là Hàn lâm viện Học sĩ Thị tộc và là nhà ngoại giao có tài đối đáp, vị quan thanh liêm dưới thời Nhà Nguyễn.	
11.	Đức Thánh Cả	Thanh Hóa	Đức Thánh Cả (?-?), có tên là Lê Uy, quê Thanh Hóa, là Danh tướng Triều Lý.	Đường
12.	Hà Thị Diệu Cai	Hoàng Hóa	Hà Thị Diệu Cai (?-?), quê ở huyện Hoàng Hóa, Bà là người có công giúp Vua Lê Lợi thoát nạn giặc Minh.	
13.	Hoàng Văn Cài	Thiệu Hóa	Hoàng Văn Cài (1915 - 1999), quê xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
14.	Lê Cảo	Thọ Xuân	Lê Cảo (thế kỷ XV-XVI), quê ở Lam Sơn, huyện Lương Giang, phủ Thanh Hoa (nay thuộc xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là con thứ ba của Vua Lê Thánh Tông, là nhà thơ của Đại Việt thế kỷ XV - XVI, được phong tước Đường Vương.	
15.	Nguyễn Dịch Cát	Hoàng Hóa	Nguyễn Dịch Cát (1746 - 1814), quê ở xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Tri huyện và là nhà ngoại giao thời Nguyễn.	
16.	Lê Hy Cát	Thọ Xuân	Lê Hy Cát (1425 - 1480), quê ở làng Lam Sơn, huyện Lương Giang (nay là thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân), là Đại Đô đốc dưới thời Lê sơ, từng đi sứ nhà Minh.	
17.	Đỗ Xuân Cát	Hoàng Hóa	Đỗ Xuân Cát (1806 - 1864), quê làng Yên Vực, xã Hoàng Long, huyện Hoàng Hóa (nay là thành phố Thanh Hóa), là Tri phủ thời Nguyễn, có tài văn chương, nhà nghiên cứu về thiên văn, luật lịch đồ chí, ngoài ra Ông còn là một thầy giáo giỏi.	
18.	Vương Xuân Cát	Thiệu Hóa	Vương Xuân Cát (1901- 1996), người làng Phú Lộc, xã Thiệu Tiến, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là chiến sĩ Cách mạng trung kiên	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			tỉnh Thanh Hóa.	
19.	Nguyễn Cẩn	Hoàng Hóa	Nguyễn Cẩn (1537- 1585), quê ở xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa, đỗ Đệ nhất giáp Tiến sỹ xuất thân, là Hình khoa Độ cấp sự trung thời Lê Trung hưng.	
20.	Lê Sĩ Cẩn	Nông Cống	Lê Sĩ Cẩn (1643 - ?), quê ở làng Phú Huệ, xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, là tham chính, Tự Khanh, tước nam dưới thời Lê Trung hưng.	
21.	Bà Chúa Châm	Thanh Hóa	Bà Chúa Châm (?- ?), quê Thanh Hóa, là người giúp đỡ nghĩa quân Lam Sơn và Lê Lợi trong quá trình nghĩa quân rút lên vùng núi phía Tây Thanh Hóa.	
22.	Nguyễn Doãn Cháp	Hoàng Hóa	Nguyễn Doãn Cháp (1905 – 1976), quê làng Liên Hợp (nay thuộc xã Hoàng Giang), huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Lão thành Cách mạng, Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
23.	Lưu Đình Chắt	Hoàng Hóa	Lưu Đình Chắt (1566- 1627), quê ở làng Quý Chử, xã Hoàng Quý, Hoàng Hóa. Là Thượng thư, Tham tụng, tước Phúc quận công thời Lê Trung hưng, Ông để lại nhiều áng thơ văn hay, hiện nay có 19 bài được chép trong Toàn Việt thi lục của Lê Quý Đôn.	Công trình công cộng
24.	Lê Đình Châu	Tĩnh Gia	Lê Đình Châu (1717-1789), quê ở làng Sen Hồ, xã Ngọc Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, là Tả Đô đốc phủ, Thái tử, Đại Tư Mã dưới triều Lê Trung hưng.	Đường
25.	Lê Lam Châu	Hoàng Hóa	Lê Lam Châu (1900-1975), quê ở làng Hoàng Nghĩa, tổng Hành Vĩ, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là một trong số những chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
26.	Lê Chí	Ngọc Lặc	Lê Chí (thế kỷ XV - XVI), quê ở thôn Dựng Tú, sách Đức Giang, huyện Lương Giang (nay là làng Tép, xã Kiên Thọ huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa), là Thái bảo, tước Huỳnh Quận công thời Lê sơ, có công trong việc đánh dẹp Chiêm Thánh, bắt được vua Chiêm đóng cũi giải về	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			kinh đô Thăng Long, được Vua phong Bình Lương Bá.	
27.	Lương Chí	Tĩnh Gia	Lương Chí (1542 - 1610), quê làng Tào Sơn, xã Thanh Thủy, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Là Tham tụng, Thượng thư thời Lê Trung hưng, có tài về ngoại giao, nhiều lần được cử đi tuế cống nhà Minh.	Đường
28.	Ngô Đình Chí	Thọ Xuân	Ngô Đình Chí (1867-1942), người làng Thịnh Mỹ, huyện Lôi Dương (nay là làng Mía, xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa. Là Phó bảng, Tri phủ thời Nguyễn, làm quan chức Hành tẩu bộ Lại, hàm Biện tu, sau bổ chức Tri phủ Quảng Ninh.	
29.	Lê Đình Chiêu	Đông Sơn	Lê Đình Chiêu (1341-1369), quê làng Yên Doãn, xã Đông Yên, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Là một Danh tướng phò tá dưới triều Vua Trần Dụ Tông (1341-1369), có công đánh giặc Chiêm Thành giữ yên bờ cõi được phong tước Thiệu Bảo Quận Công.	
30.	Hà Nhân Chính	Bá Thước	Hà Nhân Chính (?-?), quê ở Cổ Lũng, huyện Bá Thước, là Võ tướng đời Lê Trang Tông, có công phò giúp Vua Trang Tông lên ngôi.	
31.	Đỗ Thiện Chính	Vĩnh Lộc	Đỗ Thiện Chính (1627 - ?), người làng Đông Biện, huyện Vĩnh Phúc (nay là thôn Bồng Trung (cũng gọi là thôn Đông Biện), xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Hoàng giáp khoa Kỷ Hợi, làm quan đến chức Hữu thị lang bộ Công, tước Tử.	
32.	Lê Chủ	Thiệu Hóa	Lê Chủ (1901-1980), tức Lê Tiến Nhiêu, quê ở làng Yên Lộ, tổng Phù Chấn, phủ Thiệu Hóa (nay thuộc xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa), tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.	
33.	Đỗ Huy Cư	Đông Sơn	Đỗ Huy Cư (1746 - 1828), sau đổi tên là Đỗ Huy Tuân, người làng Đông Hương, huyện Đông Sơn (nay thuộc xã Đông Hương, thành phố Thanh Hóa), tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ Tiến sĩ khoa Ất Mùi, niên hiệu Canh Hưng 36 (1775) đời Lê Hiến	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Tông, làm quan đến chức Hàn lâm viện Hiệu thảo, đi sứ sang nhà Thanh.	
34.	Cao Cử	Đông Sơn	Cao Cử (1616 - ?), quê ở làng Ngọc Tích, xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân, làm quan đến chức Giám sát Ngự sử đạo Kinh Bắc thời Lê Trung hưng.	
35.	Độc Cước	Thanh Hóa	Độc Cước (?-?), là một vị thần Việt Nam, nơi thờ chính đặt tại đền Độc Cước ở Sầm Sơn, Thanh Hóa.	
36.	Nguyễn Huy Cửu	Hoàng Hóa	Nguyễn Huy Cửu (thế kỷ XIX), quê làng Bột Thượng, xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa. Ông từng tham gia Phong trào Cần Vương chống Pháp ở quê nhà, tham gia đánh phủ đường Hoàng Hóa bị giặc Pháp bắt và giết hại.	
37.	Đào Duy Dính	Nông Cống	Đào Duy Dính (1920-1996), quê xã Trung Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
38.	Lê Huy Du	Hoàng Hóa	Lê Huy Du (1757- 1835), quê xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Đốc học thời nhà Nguyễn có nhiều đóng góp cho việc xây dựng chính quyền nhà Nguyễn và là một nhà giáo nổi tiếng.	
39.	Lê Quang Du	Thọ Xuân	Lê Quang Du (1437 - ?), quê ở xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ Hoàng giáp năm 1475, là Giám sát Ngự sử thời Lê sơ, từng đi sứ nhà Minh.	
40.	Lê Văn Du	Hoàng Hóa	Lê Văn Du (thế kỷ XVII), quê ở xã Xa Vệ, nay là xã Hoàng Trung, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Tổ nghề đục đá ở Xa Vệ.	
41.	Nguyễn Dục	Thiệu Hóa	Nguyễn Dục (1455- ?), quê ở làng Phùng Cầu, xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490), làm đến chức Tự Khanh.	
42.	Mai Hữu Dụng	Nga Sơn	Mai Hữu Dụng (1871 - ?), quê làng Nga Lộ, nay thuộc xã Ba Đình, huyện Nga Sơn, tỉnh	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Thanh Hóa, đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Quý Sửu, niên hiệu Duy Tân thứ 7 (1913).	
43.	Mai Duyên	Nga Sơn	Mai Duyên (1892 - ?), người làng Hậu Trạch, nay thuộc xã Nga Thạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ Cử nhân khoa Mậu Ngọ, niên hiệu Khải Định thứ 3, làm quan đến chức Thừa phái Bộ Lễ.	
44.	Trương Huy Dực	Hoàng Hóa	Trương Huy Dực (1761 - 1832), quê ở xóm Xoang, xã Khúc Phụ, tổng Ngọc Chuế (nay là làng Phú Xuân, xã Hoàng Đông, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa), là Tổng đốc thời nhà Nguyễn, từng được Vua Quang Trung giao làm Trấn thủ Thanh Hóa (1789 - 1793).	
45.	Nguyễn Hữu Đan	Hoàng Hóa	Nguyễn Hữu Đan (1864- 1927), quê huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ Cử nhân (1903), được bổ nhiệm giữ chức huấn Đạo rồi tri huyện Kỳ Anh. Năm 1924, Ông được bầu làm Tư vấn huyện Hoàng Hóa,	
46.	Trịnh Công Đán	Yên Định	Trịnh Công Đán (1437-?), quê ở xã Định Hải, huyện Yên Định, Thanh Hóa, trải qua các chức quan: Thượng Kỳ úy, từng trải chức quan Võ, Đồng tri Phó quản lĩnh Tổng tri. Lại ban cho nhận Tuyên úy sứ, quyền nắm chức Thị lang Bộ Công.	
47.	Vũ Đạo	Thiệu Hóa	Vũ Đạo (thế kỷ XVIII - XIX), quê ở làng Trà Đông, xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Ông Tổ nghề đúc đồng ở Trà Đông, Thiệu Hóa, Thanh Hóa.	
48.	Bùi Đạt	Hậu Lộc	Bùi Đạt (1903- 1977), quê xã Thịnh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là một trong những chiến sĩ Cách mạng trung kiên tiêu biểu tỉnh Thanh Hóa.	
49.	Hà Duyên Đạt	Thọ Xuân	Hà Duyên Đạt (1888 - 1960), quê làng Canh Hoạch (nay thuộc xã Xuân Lai), huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
50.	Lê Tất Đắc	Hoàng Hóa	Lê Tất Đắc (1906- 1999), quê xã Bút Sơn, tổng Bút Sơn, phủ Hoàng Hóa (nay thuộc xã Hoàng Phúc, huyện Hoàng Hóa), tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	Phó, Công trình công cộng
51.	Lê Văn Điem	Vĩnh Lộc	Lê Văn Điem (1850 - 1883), hay còn gọi là Lê Điem, quê ở huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ Phó bảng, là Đề đốc thời Nguyễn, từng đi theo quân Thứ Bắc Ninh để dẹp giặc, chiến đấu anh dũng đến hơi thở cuối cùng để bảo vệ thành Nam Định.	
52.	Trịnh Ngọc Diệt	Thọ Xuân	Trịnh Ngọc Diệt (1917-1993), quê ở làng Ngọc Trung, tổng Thử Cốc, phủ Thiệu Hóa (nay thuộc xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
53.	Đặng Quốc Đình	Hoàng Hoá	Đặng Quốc Đình (1669 -1727), quê Làng Cát Xuyên, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân, là Hiến sát sứ thời Lê Trung hưng.	
54.	Lưu Đô	Nga Sơn	Lưu Đô (1923-1984), quê xã Nga Thắng, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
55.	Nguyễn Đốc	Nông Cống	Nguyễn Đốc (1479 - 1551), quê làng Thổ Giá, nay là thôn Thổ Vị, xã Tế Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đậu Hoàng Giáp khoa Nhâm Tuất, là Tả thị lang Bộ Lại thời Lê sơ và thời Nhà Mạc.	
56.	Mai Lập Đôn	Nga Sơn	Mai Lập Đôn (1898-1946), quê ở làng Thạch Giản, xã Nga Thạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ông là Lão thành Cách mạng, Ủy viên Kỳ bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
57.	Ngô Đức	Thiệu Hóa	Ngô Đức (1905-1981), quê làng Ngò, tổng Xuân Lai, phủ Thiệu Hóa (nay thuộc thôn Đồng Chí, xã Thiệu Minh, huyện Thiệu Hóa), tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
58.	Lê Bá Giác	Thọ Xuân	Lê Bá Giác (thế kỷ XV- XVI), người làng Lam Sơn, huyện Thụy Nguyên, nay thuộc thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Hoàng giáp năm Mậu Thìn(1508), là Đô Ngự sử thời Lê sơ.	Phố
59.	Nguyễn Đình Giản	Hoằng Hóa	Nguyễn Đình Giản (thế kỷ XVIII), quê ở làng Vĩnh Trị, xã Hoằng Quang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Võ tướng, Đô ngự sử, Thượng thư dưới thời Lê Trung hưng.	
60.	Lê Trung Giang	Hoằng Hóa	Lê Trung Giang (? - 1600), quê ở xã Hoằng Ngọc, huyện Hoằng Hóa, Thanh Hóa, là Phụ quốc Thượng tướng quân, Đề đốc Tĩnh quận công thời Lê Trung hưng.	
61.	Lê Quang Giáp	Hoằng Hóa	Lê Quang Giáp (1584- 1669), quê ở xã Hoằng Thịnh, huyện Hoằng Hóa, làm Tham tán trị thừa chánh sứ ty và là nhà ngoại giao tài năng dưới thời Lê Trung hưng.	
62.	Doãn Bằng Hải	Triệu Sơn	Doãn Bằng Hải (1271 - 1332), quê xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư và là nhà ngoại giao thời Trần.	
63.	Lê Thì Hải	Triệu Sơn	Lê Thì Hải (1641-1710), quê làng Phú Hào, huyện Lôi Dương (nay thuộc huyện Triệu Sơn), tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng đời Lê Gia Tông là Tả Đô đốc hàm Thiếu bảo, tước Thạc quận công thời Lê Trung hưng.	
64.	Lương Hay	Hoằng Hóa	Lương Hay (1420- 1484), quê làng Hội Triều, xã Hoàng Phong, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là một nho sĩ có học vấn cao, t thầy giáo lỗi lạc có công đào tạo cho đất nước nhiều nhân tài như: Lương Thế Vinh, Lương Đắc Bằng, Lương Hữu Khánh...	
65.	Nguyễn Chí	Hậu Lộc	Nguyễn Chí Hiền (1905- 1933), quê làng	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
	Hiền		Trường Trung, xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
66.	Lê Văn Hiển	Thiệu Hóa	Lê Văn Hiến (1480 - ?), quê làng Đại Bồi, huyện Đông Sơn (nay là thôn Đại Bái, xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa), tỉnh Thanh Hóa, đỗ Hoàng giáp khoa Mậu Thìn (1508), là Hữu Thị Lang.	
67.	Bùi Hữu Hiếu	Nông Cống	Bùi Hữu Hiếu (thế kỷ XVIII - XIX), quê ở xã Thăng Thọ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Ông là Đại Đô đốc thời Tây Sơn, từng đi sứ Trung Quốc, từng đánh Nam dẹp Bắc, sát cánh cùng Nguyễn Huệ đại phá quân Thanh, giữ yên bờ cõi.	
68.	Lê Văn Hiếu	Tĩnh Gia	Lê Văn Hiếu (1601 - ?), quê ở thôn Năng Cai, xã Hải Châu, tổng Liên Trì, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia (nay là thôn Hạnh Phúc, xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia), tỉnh Thanh Hóa, là Tả trấn quân doanh thời Lê Trung hưng.	
69.	Hoàng Văn Hiệu	Hậu Lộc	Hoàng Văn Hiếu (1931 – 2011), quê quán ở thôn Do Trung, xã Thịnh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.	
70.	Minh Hiếu	Nông Cống	Minh Hiếu (1924-2000), quê Nông Cống, Thanh Hóa, là nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu văn hóa lớn của tỉnh Thanh Hóa, được tặng giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật.	
71.	Nguyễn Duy Hinh	Hoàng Hóa	Nguyễn Duy Hinh (1831- 1897), người làng Nguyệt Viên, xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa (nay là thành phố Thanh Hóa), tỉnh Thanh Hóa, là một trong những lãnh tụ của Phong trào Cần Vương chống Pháp ở Thanh Hóa.	
72.	Phạm Văn Hinh	Vĩnh Lộc	Phạm Văn Hinh (1914-1941), quê làng Cẩm Bào, tổng Cổ Tế, huyện Thạch Thành, phủ Quảng Hóa, (nay thuộc làng Cẩm Bào, xã Vĩnh Long,	Phố

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			huyện Vĩnh Lộc), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
73.	Nguyễn Hoa	Hoàng Hóa	Nguyễn Hoa (1701 - 1783), quê ở làng Bội Thượng (nay là xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa), đỗ Hương cống, làm quan đến chức Hiến sát sứ thời Lê Trung hưng.	
74.	Hà Trọng Hòa	Thọ Xuân	Hà Trọng Hòa (1928 – 2006), bí danh là Thắng, quê quán ở xóm 21, xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.	
75.	Lưu Cộng Hòa	Hậu Lộc	Lưu Cộng Hòa (1915 - 1988), còn có tên gọi khác Lưu Văn Bản, quê xã Mỹ Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
76.	Lê Phúc Hoạch	Lang Chánh	Lê Phúc Hoạch (?-?), sống vào thời Lê, quê ở làng Chiềng Khặt, xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh, là một vị tướng tài từ thời Lê Lợi, do có công phò vua, diệt giặc Minh nên được trọng dụng, thăng chức, hưởng bổng lộc triều đình.	
77.	Hoàng Bùi Hoàn	Quảng Xương	Hoàng Bùi Hoàn (1664 - ?), quê làng Câu Đồng Nội, xã Lưu Vệ, tổng Lưu Vệ, huyện Quảng Xương (nay là làng Câu Đồng, xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương), tỉnh Thanh Hóa, một võ tướng, làm quan suốt 3 triều vua Lê, được phong chức Quận Công, Tả Đô Đốc lưu thủ Trấn Thanh Hoa thời Lê Trung hưng.	
78.	Trần Hoàn	Thọ Xuân	Trần Hoàn (?-?), người vùng Quần Lai, huyện Lôi Dương (nay thuộc xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là Cha vợ của Lê Lợi, tham gia giúp nghĩa quân Lê Lợi, góp phần vào sự thành công của Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn.	
79.	Nguyễn Văn Hồ	Thọ Xuân	Nguyễn Văn Hồ (1908-1984), quê làng Phong Cốc (nay thuộc xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là một trong số	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			những chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
80.	Trần Hữu Hời	Vĩnh Lộc	Trần Hữu Hời (1920-1950), bí danh là Thép Luyện, quê ở làng Hồ Nam, tổng Hồ Nam(nay là xã Vĩnh Khang, huyện Vĩnh Lộc), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
81.	Phạm Văn Huy	Hà Trung	Phạm Văn Huy (1811 - ?), quê làng Quan Chiêm, huyện Tống Sơn (nay là thôn Quan Chiêm, xã Hà Giang, huyện Hà Trung), tỉnh Thanh Hóa, đỗ Cử nhân khoa Giáp Ngọ (1834), làm quan đến chức Thị lang, sung Sứ quán Tổng tài.	
82.	Trần Quang Huy	TP. Thanh Hóa	Trần Quang Huy (1922 - 1995), quê ở làng Quảng Xá, tổng Bồ Đức, huyện Đông Sơn (nay là phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa), tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật Quốc hội.	Phố
83.	Vũ Văn Huyền	Vĩnh Lộc	Vũ Văn Huyền (1894 - 1935), còn có tên là Vũ Công Huyền, quê làng Thổ Sơn, tổng Cao Mật, huyện Vĩnh Lộc, phủ Quảng Hóa (nay là làng Thổ Phụ, xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
84.	Lê Hưng	Thanh Hóa	Quận công Lê Hưng (thế kỷ XV), quê ấp Vệ Đà, giáp Vệ Yên, Thanh Hóa. Ông là người tham gia phò Lê diệt Mạc (thế kỷ XVI) và lập nhiều công lớn.	Đường
85.	Đặng Văn Hỷ	Vĩnh Lộc	Đặng Văn Hỷ (1916 – 2003), quê ở làng Cao Mật (nay thuộc xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Lộc) tỉnh Thanh Hóa, là Lão thành Cách mạng, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính Kháng chiến tỉnh Thanh Hóa, Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
86.	Nguyễn Quang Ích	Hoàng Hóa	Nguyễn Quang Ích ((1620-1690), quê ở làng Cát Xuyên (nay là xã Hoàng Cát), huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Ông là Đông quân	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Đô đốc phủ, Đô đốc Thiêm sự Thượng trụ quốc Thượng giai thời Lê Trung hưng, tham gia quân ngũ chiến đấu bảo vệ triều đình Nhà Lê - Trịnh.	
87.	Doãn Anh Khải	Triệu Sơn	Doãn Anh Khải (thời Lý), quê xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, Thanh Hóa, có tài biện thuyết, được mời vào triều làm quan theo nghi thức cầu hiền, được thăng đến chức Thượng thư. Năm 1080, được cử làm Chánh sứ dẫn đoàn đi sứ nhà Tống.	
88.	Hoàng Văn Khải	Thiệu Hóa	Hoàng Văn Khải (1876 – 1943), tức Cử Ngò, quê xã Thiệu Minh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Cử nhân(1904), tham gia Phong trào Duy Tân, theo khuynh hướng dân chủ tư sản do Phan Chu Trinh khởi xướng.	
89.	Hoàng Hối Khanh	Yên Định	Hoàng Hối Khanh (1362- 1407), quê làng Bái Trại (nay là thôn Bái Trại), xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ khoa Giáp Tý, là An phủ sứ thời Trần, Hành khiển Tả thị lang thời Hồ.	
90.	Lại Thê Khanh	Hà Trung	Lại Thê Khanh (? – 1597), quê ở làng Quang Lãng, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là Võ tướng, Thái phó thời Lê Trung hưng.	
91.	Nguyễn Phúc Khê	Hà Trung	Nguyễn Phúc Khê (1589 - 1646), quê Gia Miêu, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hóa (nay là xã Hà Long, huyện Hà Trung), tỉnh Thanh Hóa, là Tổng trấn Chính dinh thời chúa Nguyễn.	
92.	Nguyễn Mậu Kiện	Thọ Xuân	Nguyễn Mậu Kiện (1919 - 2008), tức Nguyễn Kiện, quê làng Quần Kênh, tổng Kiên Thạch (nay là xã Xuân Giang, Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
93.	Lê Tuấn Kiệt	Triệu Sơn	Lê Tuấn Kiệt (thế kỷ XV - XVI), quê Tân Ninh huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng tể thời Lê sơ, được truy tặng là Bậc tiết nghĩa, phong là Phúc thần Thượng đẳng.	
94.	Phạm Đức Kỳ	Hoàng Hóa	Phạm Đức Kỳ (thế kỷ XVI), quê ở thôn Trụ, Tào Xuyên, xã Hoàng Lý, Hoàng Hóa,	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			tỉnh Thanh Hóa, là một Võ tướng, Thủy quân hầu thời Lê Trung hưng.	
95.	Đỗ Huy Kỳ	Thọ Xuân	Đỗ Huy Kỳ (1695 - 1748), quê ở xã Thử Cốc, huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Thiên (nay là xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), đỗ Thám hoa (1731), là Thừa chính sứ, tước hoa Nhạc bá thời Lê Trung hưng.	
96.	Lê Như Kỳ	Thiệu Hóa	Lê Như Kỳ (1684 - 1772), quê làng Yên Xá, huyện Thụy Nguyên (nay thuộc xã Thiệu Duy, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa), đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân Mậu Tuất (1718), là Tả thị lang bộ Hình dưới thời Lê Trung hưng.	
97.	Nguyễn Lại	Hoàng Hóa	Nguyễn Lại (1581 - ?), quê ở huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Tả Thị lang, Bồi tụng thời Lê Trung hưng.	
98.	Đào Xuân Lan	Nông Công	Đào Xuân Lan (1711 - ?), quê làng Hà Mi (cũ), nay là thôn Hà Mi, xã Tân Khang, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ khoa Bình Thìn (1736), từng đi sứ nhà Thanh, làm quan đến chức Công bộ Tả thị lang.	
99.	Đặng Quốc Lang	Hoàng Hóa	Đặng Quốc Lang (1805-1869), quê làng Cát Xuyên, xã Hoàng Cát, huyện Hoàng Hóa, là Lang trung, Hồng Lô Tự khanh, Án sát sứ Bắc Ninh, Lang trung bộ Lễ thời nhà Nguyễn.	
100.	Nguyễn Văn Lang	Hà Trung	Nguyễn Văn Lang (thế kỷ XV - XVI), quê xã Hà Long huyện, Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, được phong tước Nghĩa Quốc công thời Lê sơ.	
101.	Lê Khả Lãng	Thọ Xuân	Lê Khả Lãng (?-?), quê ở thôn Hương Nhượng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, tham gia Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nhập nội Thiếu úy Nam sách thượng vệ Tổng quản, tước huyện hầu dưới thời Lê sơ.	
102.	Lý Lãng	Thọ Xuân	Lý Lãng (? - 1462), quê ở làng Bái Đô (nay là xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân), tham gia Khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nhập nội Thiếu úy dưới thời Lê sơ.	
103.	Lương	Tĩnh Gia	Lương Lâm (1689 - ?), quê làng Tào Sơn,	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
	Lâm		huyện Ngọc Sơn (nay là thôn Tào Sơn, xã Thanh Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa), đỗ Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715), làm quan tới chức Giám sát Ngự sử.	
104.	Thiều Sỹ Lâm	Đông Sơn	Thiều Sỹ Lâm (1624 - ?), quê làng Phúc Triều xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Thám hoa (1670), được bổ dụng làm quan, về sau được cất nhắc lên chức Tham chính.	
105.	Đình Chương Lân	Hải Lộc	Đình Chương Lân (1920 – 1998), quê ở xã Hải Lộc, huyện Hải Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
106.	Phạm Len	Hà Trung	Phạm Len (1921-1991), tên khác là Phạm Nguyễn Len, Việt Lam, quê xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
107.	Nguyễn Nhân Lễ	Hoàng Hóa	Nguyễn Nhân Lễ (1461-1522), quê làng Bọt Thượng (nay thuộc xã Hoàng Lộc), huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân khi mới 21 tuổi, làm quan tới chức Lại khoa Cấp sự trung thời Lê sơ.	
108.	Nguyễn Huy Lịch	Hoàng Hóa	Nguyễn Huy Lịch (1800- 1884), quê xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Cử nhân (1831), giữ chức Hàn Lâm Viện Thị độc, sung làm Biên tu ở Quốc sử quán.	
109.	Đình Văn Liên	Sầm Sơn	Đình Văn Liên (1904 -1974), quê xã Quảng Châu, huyện Quảng Xương (nay thuộc xã Quảng Châu, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là một nhà giáo tận tụy trong công việc truyền bá học vấn, mở mang dân trí, được Triều đình Huế tặng thưởng hàm “ Hàn lâm thị độc”.	
110.	Nguyễn Hữu Liêu	Hoàng Hóa	Nguyễn Hữu Liêu (thế kỷ XVIII), quê ở làng Nguyệt Viên, xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Thái úy thời Lê Trung hưng.	
111.	Lê Quang Liệu	TP. Sầm Sơn	Lê Quang Liệu (1917-2004), quê làng Hòa Chúng, tổng Cung Thượng, huyện Quảng	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Xương (nay là phường Quảng Thọ, thành phố Sầm Sơn), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
112.	Thiều Quy Linh	Đông Sơn	Thiều Quy Linh (?-?), quê làng Doãn Xá, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ khoa Ất Sửu (1505), làm Tả Thị lang Bộ Lại, từng đi sứ Trung Quốc.	
113.	Đình Chương Long	Hậu Lộc	Đình Chương Long (?-?), quê ở thôn Lộc Tiên, xã Hải Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, từng tham gia Phong trào Cần Vương chống Pháp và Khởi nghĩa Ba Đình.	
114.	Hoàng Việt Long	Hoàng Hóa	Hoàng Việt Long (?-?), quê ở xã Hoàng Vinh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, tham gia Cách mạng từ năm 1946, được bầu làm Bí thư Chi bộ Trương Ngọc Thụ, còn gọi là Chi bộ lâm thời huyện Nga Sơn.	Đường
115.	Lê Thế Long	Đông Sơn	Lê Thế Long (1893 – 1936), quê làng Hàm Hạ, tổng Kim Khê (nay thuộc xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn), tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	Đường
116.	Trịnh Thế Lợi	Thanh Hóa	Trịnh Thế Lợi (?-?), quê Thanh Hóa, là một Danh tướng thời Lê - Trịnh	Đường
117.	Nguyễn Sư Lộ	Hoàng Hóa	Nguyễn Sư Lộ (1519- ?), quê ở làng Bội Hưng, tổng Hành Vũ (nay là xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa), là Hữu Thị lang thời Lê Trung hưng và là thầy dạy học nổi tiếng làng Bội Thượng.	
118.	Nguyễn Lỗi	Thọ Xuân	Nguyễn Lỗi (?-?), người làng Thịnh Mỹ (làng Mía) huyện Cổ Lôi (nay thuộc xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Bình chương quân quốc trọng sự dưới thời Lê sơ.	
119.	Lê Bá Ly	Đông Sơn	Lê Bá Ly (thế kỷ XV - XVI), quê ở làng Cổ Phạm (nay thuộc huyện Đông Sơn), tỉnh Thanh Hóa, là Bình chương quân quốc trọng sự, tước	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Diễn quốc công dưới thời Lê Trung hưng.	
120.	Nguyễn Sỹ Lý	Hà Trung	Nguyễn Sỹ Lý (?-1593), quê xã Bình Lâm huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung (nay xã Hà Lâm, huyện Hà Trung), tỉnh Thanh Hóa, là Thượng Tướng quân, tước Thái quận công thời Lê Trung hưng.	
121.	Hoàng Văn Mạch	Yên Định	Hoàng Văn Mạch (1904-1973), quê làng Ngọc Vực, tổng Bái Châu (nay thuộc xã Yên Thịnh, huyện Yên Định), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
122.	Lê Xuân Mai	Thiệu Hóa	Lê Xuân Mai (1871- 1913), người làng Dương Phong, tổng Phùng Cầu, huyện Thụy Nguyên (nay thuộc xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa), tỉnh Thanh Hóa, là nho sĩ yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX, đỗ “Giải Nguyên”, làm quan tới chức Huấn đạo huyện Quảng Xương.	
123.	Lê Mạnh	Quảng Xương	Lê Mạnh (?-?), quê Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, là Đại Toát chỉ huy hương binh địa phương đánh chặn Toa Đô trong cuộc kháng chiến năm 1285 tại Bến đò Cổ Bút (xã Quảng Hùng, Thành phố Sầm Sơn ngày nay).	
124.	Đỗ Đức Mậu	Quảng Xương	Đỗ Đức Mậu (? – 1886), quê ở xã Quảng Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tam trường, tham gia Phong trào Cần Vương chống Pháp, được phong chức Tán Tương quân vụ của đạo quân Cần Vương huyện Quảng Xương.	
125.	Mai Xuân Minh	Thạch Thành	Mai Xuân Minh (1942 – 1999), quê quán tại thôn Đồng, xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.	
126.	Trịnh Minh	Nga Sơn	Trịnh Minh (?-?), quê ở làng Ngũ Kiên, xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là một vị tướng thời Trần tham gia Cuộc Kháng chiến chống Mông - Nguyên lần thứ nhất (1258), là Quyền Thủy bộ Đại tướng quân thời Trần.	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
127.	Nguyễn Quang Minh	Thiệu Hóa	Nguyễn Quang Minh (1584 -1655), quê ở thị trấn Vạn Hà, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sỹ, là Tả Thị lang, tước Mỹ Thọ hầu thời Lê Trung hưng.	
128.	Hoàng Văn Môn	Yên Định	Hoàng Văn Môn (?-?), quê ở Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, là chiến sỹ tự vệ huyện Yên Định, được cử đi Chiến khu Ngọc Trạo năm 1941, là một trong những tấm gương chiến đấu, hy sinh tại chiến khu.	
129.	Đỗ Tế Mỹ	Nông Công	Đỗ Tế Mỹ (1535 - 1569), quê làng Cổ Đồi, huyện Nông Công, nay là thôn Văn Đồi, xã Hoàng Giang, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ Đệ nhất giáp Chế khoa Ất Sửu (1565), làm quan đến chức Tả Thị lang Bộ Hộ, tước Sùng tinh hầu thời Lê Trung hưng, khi mất được tặng hàm Thượng thư, gia phong Thái bảo, tước Quận công.	
130.	Phạm Tiến Năng	Quảng Xương	Phạm Tiến Năng (1900 – 1953), quê làng Thủ Lộc, tổng Thủ Chính (nay thuộc xã Quảng Lợi, huyện Quảng Xương), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sỹ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
131.	Nàng Nga	Thạch Thành	Nàng Nga Hai Mối (?-?), thuộc thôn An Long xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, là nhân vật huyền thoại, gắn với truyền thuyết về Nàng Nga Hai Mối của người Mường.	
132.	Lê Ngân	Thọ Xuân	Lê Ngân (?-1437), quê ở xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Đại Tư đồ dưới thời Lê sơ.	
133.	Nguyễn Đình Ngân	Thành phố Thanh Hóa	Nguyễn Đình Ngân (1890 - 1967), bút danh Châu Nham, quê ở làng Phụng Đình, tổng Từ Quang, xã Hoàng Anh (nay là phường Tào Xuyên), thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là chí sỹ yêu nước, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Kháng chiến Liên khu IV.	
134.	Lương Nghi	Tĩnh Gia	Lương Nghi (1614-1694), quê ở Thôn Tào Sơn, xã Thanh Thủy, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Hóa, đỗ Tam giáp đồng Tiến sỹ xuất thân khoa Quý Mùi (1643), làm quan tới chức Đốc đồng nội tán tham đồng, được cử đi sứ Trung Quốc.	
135.	Lê Trung Nghĩa	Tp. Thanh Hóa	Lê Trung Nghĩa (?-1786), người làng Tu, thôn Nhuệ, thuộc xã An Hoạch, tổng Quảng Chiêu, huyện Đông Sơn (nay là thành phố Thanh Hóa), tỉnh Thanh Hóa, là quan thời Lê Trung hưng lãnh đạo quân dân Thanh Hóa chống lại quân Tây Sơn, tức là Mãn Trung Hầu giữ chức Tả đô đốc đời Lê Cảnh Hưng, có công dẹp giặc phương Nam.	
136.	Tôn Viêt Nghiệm	Thạch Thành	Tôn Viêt Nghiệm (1918–1995), quê làng Ngọc Trạo (tổng Trạc Nhật cũ), huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, tham gia Cách mạng trước năm 1945, nguyên là chiến sỹ du kích chiến khu Ngọc Trạo, từng giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh Thanh Hóa.	
137.	Lê Ngọc	Thanh Hóa	Lê Ngọc (?-?), còn có tên là Lê Cốc, quê tỉnh Thanh Hóa, làm quan từ đời Tấn, đời Tùy được bổ Thái úy quận Cửu Chân, khi nhà Tùy bị nhà Đường tiêu diệt, Ông lập căn cứ ở Đồng Pho, xưng Hoàng Đế, cùng các con kháng chiến chống nhà Đường.	
138.	Nguyễn Xuân Nguyên	Quảng Xương	Nguyễn Xuân Nguyên (1907–1975), quê ở xã Quảng Giao, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Ông là Giáo sư, Tiến sỹ Y học, có nhiều đóng góp quan trọng trong các lĩnh vực giảng dạy, nghiên cứu và chữa trị trực tiếp trong ngành Nhân khoa của Y khoa Việt Nam.	Công trình công cộng
139.	Hoàng Văn Ngữ	Triệu Sơn	Hoàng Văn Ngữ (1914-1994), quê làng Mỹ Hào, tổng Bất Náo, phủ Thọ Xuân (nay thuộc xã Thọ Phú, huyện Triệu Sơn), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sỹ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
140.	Nguyễn Bá Nhạ	Hoàng Hóa	Nguyễn Bá Nhạ (1822-1848), quê xã Hoằng Đạo (nay là Hoằng Lộc), huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Phó bảng - Tri phủ thời Nguyễn.	
141.	Hồ Sỹ Nhân	Thọ Xuân	Hồ Sỹ Nhân (1916-1982), quê xã Xuân Hòa,	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là một trong những chiến sĩ Cách mạng trung kiên của tỉnh Thanh Hóa.	
142.	Lê Trọng Nhị	Triệu Sơn	Lê Trọng Nhị (1880-1953), quê xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là sĩ phu yêu nước tích cực hưởng ứng phong trào chống sưu thuế ở Trung Kỳ năm 1908, bị thực dân Pháp bắt giam giữ tại nhà tù Côn Đảo.	
143.	Hà Văn Nho	Bá Thước	Hà Văn Nho (? – 1892), quê xã Văn Nho, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, là Cai tổng thời nhà Nguyễn, Lãnh tụ Phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa.	
144.	Lê Thị Nhu	Hoàng Hóa	Lê Thị Nhu (1848-1917), tên húy là Nhua, quê xã Hoàng Quý, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là người tham gia và có nhiều đóng góp cho Cuộc khởi nghĩa Ba Đình.	
145.	Tu Nra	Thanh Hóa	Tu Nra (?-?), quê Thanh Hóa, theo truyền thuyết gắn Ông với núi Na Sơn, là nhân vật có nhiều kỳ tích vào cuối đời Trần, người đã có công đã tạo nên đất Nông Cống.	
146.	Trần Oanh	Tĩnh Gia	Trần Oanh (1927-1986), quê ở Làng Ngọc Đường, xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa, là cổ xạ thủ bắn súng giỏi nhất Thế giới ở thế kỷ XX tổ chức tại Tiệp Khắc, đã được phong Danh nhân Thể thao Quốc tế.	Đường, Phó
147.	Hoàng Sĩ Oánh	Thọ Xuân	Hoàng Sĩ Oánh (1911-2003), còn có tên gọi là Bản Toàn, quê làng Phú Hào, tổng Bất Nạo, huyện Thọ Xuân (nay thuộc xã Thọ Phú, Triệu Sơn), Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
148.	Lê Huy Phan	Hoàng Hóa	Lê Huy Phan (1838-1896), quê làng Thọ Vực, xã Bút Sơn, nay thuộc xã Hoàng Phúc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Cử nhân khoa thi Hương (1861), chủ sự ở Bộ Lại, làm Hàn lâm viện Điển Tịch, lại sung vào làm Hàn lâm viện cơ mật, năm 1887 được làm Quyền chánh sứ Sơn Phòng, Thương vụ tỉnh Thanh Hóa.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
149.	Lãnh Phiên	Quảng Xương	Lãnh Phiên (1826-1887), còn có tên gọi khác Vũ Đình Phiên, sinh tại làng Xuân Phương, xã Quảng Châu, huyện Quảng Xương (nay là thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa), là lãnh tụ Phong trào Cần Vương chống Pháp ở Thanh Hóa.	
150.	Hoàng Xung Phong	Vĩnh Lộc	Hoàng Xung Phong (1910-2002), quê làng Bồng Trung, tổng Biện Thượng, huyện Vĩnh Lộc, phủ Quảng Hóa, (nay thuộc xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Lộc), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
151.	Hoàng Sắn Phu	Vĩnh Lộc	Hoàng Sắn Phu (1415 - ?), quê ở xã Tiên Kiều, tổng Hoàng Xá (nay thuộc huyện Vĩnh Lộc), tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân, là Chánh phó Tổng tài thời Lê sơ.	
152.	Lê Xuân Phủ	Thiệu Hóa	Lê Xuân Phủ (1880-1936), quê ở huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, tham gia phong trào yêu nước của Phan Bội Châu, sau về quê làm nghề dạy học cùng với anh trai, sáng tác nhiều thơ, văn tiến bộ để khích lệ tinh thần yêu nước, thương nòi của nhân dân.	
153.	Lê Phụ	Thanh Hóa	Lê Phụ (1446-1525), quê Thanh Hóa, làm quan dưới triều Lê Thánh Tông, giữ chức Thượng thư bộ binh coi việc tùy binh, dân binh kiêm thái sử, Thái sử.	
154.	Trịnh Ngọc Phước	Thọ Xuân	Trịnh Ngọc Phước (1916-1993), quê xã Xuân Thành, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
155.	Nguyễn Phương	Nông Cống	Nguyễn Phương (1832- ?), hay còn gọi là Nguyễn Ngọc Phương, quê ở thôn Yên Minh, xã Trường Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, là Lãnh tụ Phong trào Cần Vương ở căn cứ Ôn Lâm - Kỳ Thượng.	Phó
156.	Lưu Ngạn Quang	Đông Sơn	Lưu Ngạn Quang (1457 - ?), quê làng Thanh Oai, xã Đông Anh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đỗ đệ Nhị giáp Tiến sĩ khoa thi Tân Sửu 1481 đời vua Lê Thánh Tông, làm quan dưới	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			triều Lê sơ đến chức Tả Thị Lang.	
157.	Trịnh Huy Quang	Vĩnh Lộc	Trịnh Huy Quang (1909-1974), quê làng Phúc Tường, tổng Sóc Sơn, phủ Quảng Hóa (nay thuộc làng Nghĩa Kỳ, xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc), tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	Phố
158.	Trần Tiến Quân	Vĩnh Lộc	Trần Tiến Quân (1917- 1993), tên thật là Trịnh Huy Lãng, quê ở làng Phúc Tường, tổng Sóc Sơn (nay thuộc xã Vĩnh Hòa, Vĩnh Lộc), tỉnh Thanh Hóa, là Lão thành Cách mạng, Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
159.	Phong Quế	Yên Định	Phong Quế (?-?), quê huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, có tài đàn hát, được nhân dân kính trọng, tôn thờ, sau khi mất dân làng đã lập Đền thờ Ông.	
160.	Đỗ Đan Quế	Thọ Xuân	Đỗ Đan Quế (1910 - 1955), người làng Xá Lê (nay thuộc xã Xuân Minh), huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
161.	Nguyễn Đan Quế	Vĩnh Lộc	Nguyễn Đan Quế (1891- 1949), quê ở huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là chí sỹ yêu nước đã cống hiến cả cuộc đời mình cho Cách mạng, có nhiều đóng góp trong việc giáo dục thanh niên yêu nước thời Pháp thuộc.	
162.	Lê Hồng Quế	Yên Định	Lê Hồng Quế (1916-1974), quê thôn Phù Hưng (nay thuộc xã Yên Thái), huyện Yên Định, Thanh Hóa, là một trong số những chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
163.	Hoàng Văn Quế	Thiệu Hóa	Hoàng Văn Quế (1903-1946), còn có tên gọi là Hoàng Văn Quý và Nguyễn Thế Quý, quê làng Yên Lộ, xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
164.	Lê Nhân Quý	Tĩnh Gia	Lê Nhân Quý (thế kỷ XV), quê thôn Kim Cốc, xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, người được Vua Lê Thánh Tông lựa chọn	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			là một trong những viên tướng thân cận đi đánh Chiêm thành, là Tổng tri Ngự tiền trung quân Quan nội hầu dưới thời Lê sơ.	
165.	Đỗ Tất Quý	Hậu Lộc	Đỗ Tất Quý (thế kỷ XVI), quê ở huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Phụ quốc Thượng tướng quân, hàm Thái bảo dưới thời Lê Trung hưng.	
166.	Ngô Xuân Quỳnh	Thanh Hóa	Ngô Xuân Quỳnh (1815- 1887), quê Thanh Hóa, đỗ Cử nhân, được Triều đình nhà Nguyễn bổ nhiệm làm Quan Tri phủ ở các huyện Tĩnh Gia, Hà Trung, Yên Định và nhiều tỉnh thành khác, làm quan trong triều đình Huế, sau là quân sư cho Phong trào Cần Vương chống Pháp của nghĩa quân Tú Phươg ở Nông Cống.	
167.	Võ Quyết	Vĩnh Lộc	Võ Quyết (1921-1979), tên thật là Vũ Đình Thờn, quê thôn Mỹ Xuyên, tổng Cao Mật, phủ Quảng Hóa (nay là xã Vĩnh Yên, huyện Vĩnh Lộc), Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
168.	Trịnh Duy Sản	Vĩnh Lộc	Trịnh Duy Sản (? - 1518), quê ở huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, có công phò tá Vua Lê Tương Dực lên ngôi, được phong là Mỹ Huệ hầu.	
169.	Trịnh Khắc Sản	Thọ Xuân	Trịnh Khắc Sản (1903-1976), quê làng Long Linh Ngoại (nay thuộc xã Thọ Trường), huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
170.	Lê Quan Sát	Thọ Xuân	Lê Quan Sát (thế kỷ X), húy là Đột, quê ở làng Phong Mỹ, tên Nôm là Kẻ Mía (nay thuộc xã Xuân Tân, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là Công thần dưới triều Tiền Lê, được phong là Lê Quan Sát tôn thần.	
171.	Nguyễn Đăng Sĩ	Vĩnh Lộc	Nguyễn Đăng Sĩ (? – 1862), người làng Biện Thượng, xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Cử nhân và được Triều đình bổ làm tri huyện Thạch Thất, sau giữ chức Thái bộc tự khanh lĩnh Thái Nguyên Bố chính sứ.	
172.	Lưu Xuân Sinh	Vĩnh Lộc	Lưu Xuân Sinh (1910-1953), còn gọi là Khóa Sinh, quê Sơn Thôn, xã Tiên Hòa, tổng	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Thanh Xá, huyện Vĩnh Lộc (nay thuộc xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa), là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
173.	Lê Thế Sơn	Hoàng Hóa	Lê Thế Sơn (1924-1989), quê thôn Bút Cương, xã Hoàng Phúc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.	Đường
174.	Lê Văn Sỹ	Thọ Xuân	Lê Văn Sỹ (1901- 1990), quê làng Yên Trường, tổng Quảng Yên, phủ Thiệu Hóa (nay là làng Yên Trường, xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
175.	Nguyễn Soạn	Triệu Sơn	Nguyễn Soạn (1871- 1948), quê huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là người tham gia phong trào chống thuế ở Thanh Hóa, bị thực dân Pháp bắt đày đi Côn Đảo, ra tù Ông trở về thành phố Thanh Hóa lập nên Chùa Đảo Viên.	
176.	Nguyễn Mậu Sung	Thọ Xuân	Nguyễn Mậu Sung (1902-1950), quê làng Quần Kênh, tổng Kiên Thạch, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
177.	Trịnh Tạc	Vĩnh Lộc	Trịnh Tạc (1606 - 1682), quê ở làng Sóc Sơn (nay thuộc huyện Vĩnh Lộc), tỉnh Thanh Hóa, là vị Chúa thứ ba của Dòng họ Trịnh.	
178.	Nguyễn Tái	Triệu Sơn	Nguyễn Tái (1833 - 1883), quê Hương Khê, huyện Nông Cống (nay là làng Phương Khê, xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa), đỗ Tiến sỹ, được bổ nhiệm làm Án sát dưới thời Nhà Nguyễn.	
179.	Lê Xuân Tại	Thọ Xuân	Lê Xuân Tại (1915-1994), quê làng Vân Lộ, tổng Nam Dương (nay thuộc xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là người có chí khí và lòng yêu nước, tham gia hoạt động Cách mạng từ rất sớm.	
180.	Hoàng Tạo	Vĩnh Lộc	Hoàng Tạo (? – 1867), quê làng Bồng Trung, xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Giám sát Ngự sử, Án sát thời Nhà Nguyễn.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
181.	Lê Viết Tạo	Hoàng Hóa	Lê Viết Tạo (1876-1925), quê làng Nguyệt Viên, xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa (nay là thành phố Thanh Hóa), tỉnh Thanh Hóa, là Thừa phái Bộ Binh thời Nhà Nguyễn.	
182.	Lê Tân	Thọ Xuân	Lê Tân (1466-1502), quê xã Lam Sơn, huyện Lương Giang, phủ Thanh Hóa, nay thuộc xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là nhà thơ của Đại Việt thế kỷ XV-XVI.	
183.	Trần Bá Tân	Thành phố Thanh Hóa	Trần Bá Tân (1710 - ?), còn có tên khác là Huy Bất, quê huyện Đông Sơn (nay thuộc thành phố Thanh Hóa), là Thượng thư thời Lê Trung hưng.	
184.	Nguyễn Lệnh Tân	Thiệu Hóa	Nguyễn Lệnh Tân (1726-1778), quê xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ khoa Quý Mùi (1763), là người trung vua, yêu nước, thương dân, liêm chính, thanh đạm.	
185.	Đỗ Phi Tàn	Nông Công	Đỗ Phi Tàn (1508 - ?), còn có tên là Đỗ Phi Tán, quê làng Cổ Đồi, nay là thôn Văn Đồi, xã Hoàng Giang, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ tam giáp Đồng Tiến sỹ xuất thân, là Thượng thư thời Lê Trung hưng.	
186.	Nguyễn Phúc Tàn	Hà Trung	Nguyễn Phúc Tàn (1620 - 1687), quê ở Gia Miêu Ngoại Trang, nay thuộc xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là Chúa thứ tư của Dòng họ Nguyễn.	
187.	Lê Nhân Tế	Hoàng Hoá	Lê Nhân Tế (1480 - ?), quê làng Đại Nhuệ, nay là thôn Đông Nhuệ, xã Hoàng Thắng, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Hoàng Giáp khoa Nhâm Tuất (1502), làm quan đến chức Đông Các Hiệu thư.	
188.	Trịnh Thị Tế	Triệu Sơn	Trịnh Thị Tế (1621 - 1668), tức Thế Tế, quê làng Nhật Cảo, huyện Lôi Dương, nay là thôn Nhật Quả, xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ khoa Canh Dần (1650), làm quan chức Tự khanh, tước Nam, làm Phó sứ sang nhà Thanh.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
189.	Ngô Ngọc Toàn	Thiệu Hóa	Ngô Ngọc Toàn (1897- 1963), bí danh Ngọc, quê làng Yên Lộ, tổng Phù Chấn, phủ Thiệu Hóa (nay là xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
190.	Lê Văn Thạc	Thiệu Hóa	Lê Văn Thạc (1782-1876), quê thôn Đương Phong, xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Đốc học thời nhà Nguyễn và là nhà giáo, nhà thơ của Việt Nam thế kỷ XIX.	
191.	Hà Công Thái	Cẩm Thủy	Hà Công Thái (?- ?), quê ở sách Kim Lư, tổng Kim Lữ, huyện Cẩm Thủy (nay là xã Điền Lư, huyện Bá Thước), tỉnh Thanh Hóa, là Thổ tù vùng miền núi, tích cực tham gia theo Nguyễn Văn Thụ đi đánh giặc, được triều đình Nguyễn phong chức Khâm sai chánh Thống lĩnh thượng đạo trấn Thanh Hóa, tước Hộ Quận Công.	
192.	Nguyễn Thanh	Hoàng Hóa	Nguyễn Thanh (1506 - 1545), quê ở làng Bội Thái, nay là xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, thi đỗ Tiến sỹ dưới triều Mạc Phúc Hải (1541), là Hiến sát Phó sứ thời Mạc.	
193.	Phạm Thanh	Hậu Lộc	Phạm Thanh (1822 – 1863), quê xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đỗ tiến sỹ năm 1851, làm tới chức Tham tri thời Nguyễn.	
194.	Lê Công Thanh	Thiệu Hóa	Lê Công Thanh (1900-1975), quê làng Mao Xá, nay thuộc xã Thiệu Toán, Thiệu Hóa, Thanh Hóa, là Lão thành Cách mạng, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam.	
195.	Phạm Minh Thanh	Nga Sơn	Phạm Minh Thanh (1918-1985), quê ở xã Nga Thanh, huyện Nga Sơn, Thanh Hóa, là ủy viên của Ủy ban khởi nghĩa huyện Nga Sơn và chỉ đạo đánh chiếm Điền Hộ giành thắng lợi, từng giữ chức Chủ tịch Ủy ban Cách mạng lâm thời huyện Nga Sơn.	Đường
196.	Quách Lê Thanh	Cẩm Thủy	Quách Lê Thanh (1947-2010), quê xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, nguyên là Tổng Thanh tra Chính phủ nước Cộng	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.	
197.	Lê Phúc Thành	Như Xuân	Lê Phúc Thành (thế kỷ XV), quê ở làng Trung Thành, xã Yên Lễ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng, có công lớn trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.	
198.	Lê Khắc Thảo	Thiệu Hóa	Lê Khắc Thảo (1859-1887), hay gọi là Tám Thảo, Lê Khắc Thảo, quê làng Bái Giao, xã Thiệu Giao huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, tham gia khởi nghĩa Ba Đình, giữ chức Tán tương quân vụ.	Dường
199.	Hoàng Phụng Thế	Hoảng Hóa	Hoàng Phụng Thế (? - 1399) quê ở Cát Xuyên, Hoàng Cát, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là danh tướng, có công đánh Chiêm Thành cuối thời Trần.	
200.	Nguyễn Nhân Thiệm	Hoảng Hóa	Nguyễn Nhân Thiệm (1534-1597), quê xã Hoảng Lộc, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là nhà ngoại giao thời Lê sơ, làm tới chức Thái Thường tự khanh.	
201.	Lê Tấn Thiệm	Triệu Sơn	Lê Tấn Thiệm (1488 - ?), quê làng Thượng Cốc, huyện Lôi Dương, nay thuộc xã Xuân Lộc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sỹ khoa Kỷ Mùi (1499), Ông làm quan đến chức Thượng thư bộ Hình.	
202.	Trần Văn Thiệm	Thiệu Hóa	Trần Văn Thiệm (1438 - ?), quê làng Phủ Lý, huyện Đông Sơn (nay là thôn Phủ Lý Trung, xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa), tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Quý Mùi (1463), làm quan đến chức Hình bộ Thượng thư.	
203.	Nguyễn Lợi Thiệp	Triệu Sơn	Nguyễn Lợi Thiệp (1867- 1914), quê ở làng Phương Khê, xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, tham gia phong trào chống thuế ở Thanh Hóa, bị thực dân Pháp bắt và bị giết hại tại nhà tù Côn Đảo.	
204.	Lê Văn Thiệp	Vĩnh Lộc	Lê Văn Thiệp (1899-1956), quê làng Phương Giai (nay thuộc xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sỹ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
205.	Trương Hữu Thiệu	Quảng Xương	Trương Hữu Thiệu (1687 - ?), người làng Thiên Linh, huyện Ngọc Sơn (nay là thôn Yên Cảnh, xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương), tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1716), làm quan đến chức Giám sát.	
206.	Ngô Văn Thông	Đông Sơn	Ngô Văn Thông (1475 - ?), người làng Sơn Viên (nay thuộc xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn), tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Mậu Thìn (1508), làm quan đến chức Thượng thư.	
207.	Nguyễn Trinh Thụ	Tĩnh Gia	Nguyễn Trinh Thụ (1897-1943), quê làng Cầu Đông, xã Liên Trì, tổng Sen Trì, phủ Tĩnh Gia, nay là thôn Hưng Nghiệp, xã Triệu Dương, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
208.	Nguyễn Đình Thuần	Đông Sơn	Nguyễn Đình Thuần (1636-1672), quê làng Phù Lưu, xã Phù Lưu, tổng Quảng Chiêu, phủ Đông Sơn, nay thuộc xã Đông Tân, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Hữu Đô Đốc Thượng tướng quân Thiện Quận công thời Lê Trung hưng.	
209.	Võ Danh Thùy	Nông Cống	Võ Danh Thùy (1897- 1976), quê ở làng Vin, tổng Cao Xá, phủ Nông Cống (nay là xóm Thổ Bắc, làng Thổ Vị), xã Tế Thắng, huyện Nông Cống), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng lớp đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
210.	Nguyễn Xuân Thúy	Thọ Xuân	Nguyễn Xuân Thúy (1900-1989), quê làng Phong Cốc, tổng Thử Cốc, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
211.	Nguyễn Thụy	Hoàng Hóa	Nguyễn Thụy (1784-1852), quê xã Bột Thái (nay là xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa), tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tam trường, làm quan đến chức hành khiển ở bộ Hình, Đốc học	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Bình Định.	
212.	Trịnh Cảnh Thụy	Yên Định	Trịnh Cảnh Thụy (1545-1617), người xã Chân Bái, huyện Yên Định (nay thuộc huyện Yên Định), tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ xuất thân khoa thi năm Nhâm Thìn (1592), từng giữ chức Đô Ngự sử thời Lê Trung hưng.	
213.	Lê Thuyên	Thọ Xuân	Lê Thuyên (thế kỷ XV-XVI), quê ở hương Lam Sơn, huyện Lương Giang, phủ Thanh Hoa, nay thuộc xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là nhà thơ của Đại Việt thế kỷ XV-XVI, Ông có 5 bài thơ chép trong Toàn Việt thi lục.	
214.	Ngô Thuyền	Thiệu Hóa	Ngô Thuyền (1910- 1994), tức Ngô Văn Tuyên, quê quán ở làng Tân Bình, xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, có giai đoạn là Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
215.	Nguyễn Thứ	Hoàng Hóa	Nguyễn Thứ (1572 -?), quê ở huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Hoàng giáp (1598), làm quan tới chức Thái Thường Tự khanh thời Lê Trung hưng.	
216.	Hoàng Quốc Thục	Quảng Xương	Hoàng Quốc Thục (1534 - ?), quê làng Đức Thượng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa (có sách ghi hiện nay là xã Quảng Đức, có sách ghi nay là xã Quảng Cát), đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân, chế khoa (1565), là Tham hình Hiến sát sứ ở Nghệ An thời Lê Trung hưng.	
217.	Nguyễn Hữu Thường	Tĩnh Gia	Nguyễn Hữu Thường (1574 -1661), quê làng Hải Yến (nay là thôn Trường Lâm, xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia), tỉnh Thanh Hóa, đỗ Hoàng giáp (1637), là Tả Thị lang, Hữu Thị lang thời Lê Trung hưng, khi mất được phong Thượng thư, tước Quận công.	
218.	Trịnh Hữu Thường	Thọ Xuân	Trịnh Hữu Thường (1910-2004), quê ở làng Vực Thượng, tổng Nam Dương (nay thuộc xã Xuân Thành, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là lão thành Cách mạng, Chủ tịch Mặt trận Việt Minh tỉnh, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			tỉnh Thanh Hóa.	
219.	Lê Văn Tân	Vĩnh Lộc	Lê Văn Tân (1900-1982), quê làng Xuân Áng, tổng Cổ Tế, huyện Thạch Thành (nay thuộc xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc), tỉnh Thanh Hóa, là chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
220.	Lại Đăng Tiên	TP. Thanh Hóa	Lại Đăng Tiên (1637-1722), quê xã Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đỗ Tiến sĩ khoa Tân Sửu (1661), làm quan đến chức Đề hình giám sát ngục sự. Khi mất, được tặng chức Tham chính.	
221.	Lê Văn Tiên	Hoàng Hóa	Lê Văn Tiên (1821-1876), tên húy là Văn Tiên, quê làng Quỳ Chử, xã Hoàng Quỳ, huyện Hoàng Hóa, là viên ngoại lang Ty tu tạo Bộ Công thời Nguyễn.	
222.	Lê Văn Tiên	Thiệu Hóa	Lê Văn Tiên (1868- ?) còn gọi là Lê Văn Tấn, quê ở thôn Đại Bái, xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là nhà chí sỹ yêu nước.	
223.	Nguyễn Tĩnh	Hà Trung	Nguyễn Tĩnh (? - 1880) tự Hành Đạo, hiệu Nông Hà, người làng Gia miêu, huyện Tống Sơn (nay là huyện Hà Trung), tỉnh Thanh Hóa, là Tổng đốc Thanh Hóa dưới thời Nguyễn, có nhiều đóng góp đối với thủy lợi và Y học.	Đ
224.	Nguyễn Việt Toại	Hà Trung	Nguyễn Việt Toại (thế kỷ XIX), hay còn gọi là Lãnh Toại, quê làng Trị Cự, xã Hà Phú, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là Chánh đội trưởng Vệ Tinh binh thời nhà Nguyễn, lãnh tụ phong trào Cần Vương chống Pháp ở Thanh Hóa.	
225.	Lê Huy Toán	Thiệu Hóa	Lê Huy Toán (1890-1942), quê quán ở làng Mao Xá, xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
226.	Lê Ngọc Toán	Triệu Sơn	Lê Ngọc Toán (1845 - 1924), quê Thôn Át, xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Cử nhân, được triều đình bổ dụng làm Tri phủ Đoan Hùng, làm quan Án sát ở 3 tỉnh Sơn	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Tây, Hưng Hóa và Tuyên Quang, tham gia Phong trào Cần Vương chống Pháp với chức Tán tương quân vụ.	
227.	Mẹ Tom	Hậu Lộc	Mẹ Tom (1880-1953), tên là Nguyễn Thị Quyển, quê thôn Đông Thành, xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là người tận tình giúp đỡ, đùm bọc, che chở nuôi dưỡng cán bộ Cách mạng trong thời gian trước Cách mạng Tháng Tám, năm 1945.	
228.	Nguyễn Thọ Tồn	Hoàng Hóa	Nguyễn Thọ Tồn (1834 - ?), quê làng Hợp Đồng, xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hóa, là Lãnh tụ Phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa.	
229.	Lê Văn Tu	Thanh Hóa	Lê Văn Tu (1936 - 1998), quê quán xã Hoàng Phú, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, có thời gian giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.	
230.	Phạm Trác	Nông Cống	Phạm Trác (1520 - ?), quê làng Trang Liệt, huyện Nông Cống (nay thuộc xã Tế Tân, huyện Nông Cống), tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ tam giáp Đồng Tiến sỹ xuất thân, khoa Đinh Mùi (1547), làm tới chức Thượng thư tước Ninh xuyên bá thời Mạc.	
231.	Lê Viết Trạc	Hoàng Hóa	Lê Viết Trạc (1853 - 1887), quê ở làng Mỹ Đà, xã Hoàng Minh, huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa, là Bang tá quân vụ trong Phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa.	
232.	Lê Nghĩa Trạch	Nông Cống	Lê Nghĩa Trạch (1536 – 1614), quê làng Phu Huệ, xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, đỗ Đệ nhị giáp đồng chế khoa, làm quan tới chức Tả Thị lang thời Lê Trung hưng.	
233.	Lê Tranh	Thọ Xuân	Lê Tranh (1467-1500), quê Lam Sơn, huyện Lương Giang, phủ Thanh Hoa (nay thuộc xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là nhà thơ của Đại Việt thế kỷ XV-XVI.	
234.	Nguyễn Khắc Tráng	Hoàng Hóa	Nguyễn Khắc Tráng (1753-1822), quê ở xã Bọt Thượng (nay là xã Hoàng Lộc), huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Đốc học trấn Nghệ An thời nhà Nguyễn, là nhà giáo mẫu mực, nghiêm khắc, tài năng và đức độ.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
235.	Lê Huy Trì	Tĩnh Gia	Lê Huy Trì (1822 – 1862), quê xã Hải An, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Cử nhân (1843), được bổ làm quan Hành Tẩu, giữ chức Tri phủ Lạng Giang.	
236.	Trần Ân Triêm	Yên Định	Trần Ân Triêm (1673 – ?), quê xã Định Tường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ Tam Giáp đồng Tiến sĩ xuất thân (1715), làm tới chức Tả Thị lang thời Lê Trung hưng và là thầy dạy học nổi tiếng đất Yên Định.	
237.	Nguyễn Cửu Triêm	Hà Trung	Nguyễn Cửu Triêm (thế kỷ XVII- XVIII), quê gốc ở làng Gia Miêu (nay là xã Hà Long, huyện Hà Trung), tỉnh Thanh Hóa, là Phó tướng, trấn thủ dưới thời Chúa Nguyễn.	
238.	Lê Bất Triệu	Hoàng Hóa	Lê Bất Triệu (1771 – 1846), quê xã Hoàng Phong, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là người hay chữ, một thầy giáo giỏi của đất Xứ Thanh, Ông có 02 tập thơ nổi tiếng là Bắc hành thi tập và Nam hành thi tập.	
239.	Lê Nhân Triệt	Nông Cống	Lê Nhân Triệt tức Lê Sĩ Triệt (1612 - 1687), quê làng Cổ Đồi, (nay gọi là thôn Văn Đồi), xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa), đỗ Tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640) làm tới chức Bồi tụng, Hữu Thị lang bộ Hình, tước Quế hải hầu thời Lê Trung hưng.	
240.	Hoàng Tiên Trình	Thiệu Hóa	Hoàng Tiên Trình (1915-1983), quê xã Thiệu Minh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Chiến sĩ Cách mạng trung kiên của tỉnh Thanh Hóa.	
241.	Hoàng Khắc Trung	Thiệu Hóa	Hoàng Khắc Trung (?-?), quê xã Thiệu Minh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
242.	Lê Khả Trừ	Đông Sơn	Lê Khả Trừ (1582 - ?), còn có tên gọi khác là Lê Khả Trừ, quê ở thôn Phúc Triền, xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1628), làm tới chức Hộ khoa Cấp sự trung thời Lê Trung hưng.	
243.	Lê Công	Hoàng	Lê Công Trục (1750 - 1835), quê ở xã	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
	Trực	Hóa	Hoàng Thanh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Tả kích cơ, Quản cơ tượng quân dưới thời nhà Nguyễn, có nhiều công lao đóng góp vào việc giữ gìn giang sơn, bờ cõi.	
244.	Lê Trí Trực	Hoằng Hóa	Lê Trí Trực (?- 1888), quê làng Trung Hậu (nay là xã Hoằng Trung) huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Tri huyện thời Nguyễn, Lãnh tụ Phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa.	
245.	Nguyễn Cửu Trường	Hà Trung	Nguyễn Cửu Trường (1807 - 1853), quê Gia Miêu Ngoại, huyện Tống Sơn (nay thuộc xã Hà Long, huyện Hà Trung), tỉnh Thanh Hóa, đỗ Hoàng Giáp khoa Mậu Tuất (1836), từng giữ chức Tuần phủ tỉnh Biên Hòa.	
246.	Mai Phúc Trường	Hậu Lộc	Mai Phúc Trường (?-?), quê xã Quang Lộc, huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa, là người tham gia Hội nghị Diên Hồng năm 1284, tham gia cánh quân của Thượng tướng Trần Quang Khải chống quân Nguyên ở Thanh Hóa.	
247.	Ngô Xuân Trường	Thanh Hóa	Ngô Xuân Trường (1815- 1887), quê Thanh Hóa đỗ Cử nhân, được Triều đình nhà Nguyễn bổ làm quan Tri phủ ở các huyện Tĩnh Gia, Hà Trung, Yên Định và là quân sư cho Phong trào Cần Vương chống Pháp của nghĩa quân Tú Phương ở Nông Cống.	
248.	Nguyễn Đình Tú	Yên Định	Nguyễn Đình Tú (1512-1574), người làng Tân Ngữ, xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ khoa thi Nhâm Thìn (1532), làm quan đến chức Thượng thư Bộ binh, khi mất được phong tặng Khuông quận công.	
249.	Lê Huy Tuấn	Tĩnh Gia	Lê Huy Tuấn (1892 - 1955), quê làng Đông Thái, tổng Sen Trì, phủ Tĩnh Gia (nay là thôn 3, xã Hải An, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa), là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	Đ
250.	Lê Đình Túc	Nông Cống	Lê Đình Túc (1542 - 1623), quê làng Nhân Lãng (cũ), nay thuộc xã Trung Ý, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1589), làm quan tới chức Thượng thư thời Lê	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Trung hưng. Khi mất, Ông được tặng chức Binh bộ Thượng thư, tước Triệu quận công.	
251.	Cao Tư	Hoàng Hóa	Cao Tư (thế kỷ XVI), quê ở thôn Thọ Lộc, xã Bút Sơn (nay là thôn Hoàng Lộc), xã Hoàng Phúc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Tả Đô đốc dưới thời Lê Trung hưng.	
252.	Doãn Tử Tư	Triệu Sơn	Doãn Tử Tư (thế kỷ XI), quê xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư và là nhà ngoại giao thời Lý, từng đi sứ nhà Tống, được ban tặng tước Quận Công.	
253.	Đỗ Văn Tước	Thọ Xuân	Đỗ Văn Tước (?-?), quê ở huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là chiến sĩ tự vệ huyện Thọ Xuân được cử đi Chiến khu Ngọc Trạo năm 1941 và là một trong những tấm gương tiêu biểu chiến đấu hy sinh tại Chiến khu.	
254.	Bùi Kim Tương	Quảng Xương	Bùi Kim Tương (1716 – 21774), người làng Lê Hương, xã Quảng Lộc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, là bậc hào trưởng trong vùng, giúp đỡ triều đình đắp lũy, góp phần đánh dẹp quân phản loạn ở Nghệ An, Bang Giang, Đá Mai giành thắng lợi.	
255.	Lê Tấn Tương	Thọ Xuân	Lê Tấn Tương (1482 - ?), hay còn gọi là Lê Tấn Tượng, quê Thượng Cốc, huyện Lôi Dương, (nay thuộc xã Xuân Thịnh, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân(1499), làm quan đến Thượng thư bộ Hình.	
256.	Nguyễn Mậu Tuyên	Thọ Xuân	Nguyễn Mậu Tuyên (1518 - 1599), quê làng Thịnh Mỹ, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là Võ quan, Thượng thư thời Lê Trung hưng.	
257.	Lê Khắc Tuyên	Hoàng Hóa	Lê Khắc Tuyên (1879 - ?), quê làng Nguyệt Viên, xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ, là một nho sĩ yêu nước, được bổ dụng vào chức Tri huyện Thạch Thành, Thanh Hóa.	
258.	Nguyễn Quang Tuyên	Hoàng Hóa	Nguyễn Quang Tuyên (? - 1665), quê làng Cát Xuyên, xã Hoàng Cát, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đầu quân theo Trịnh Tùng "phù	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Lê diệt Mạc", làm quan tới chức Đề đốc thời Lê Trung hưng.	
259.	Lê Xuân Tuyền	Hoàng Hóa	Lê Xuân Tuyền (1831 - 1909), quê ở thôn Đông Thành (nay thuộc xã Hoàng Tiến, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa), là Suất đội thời nhà Nguyễn và là Lãnh tụ phong trào Cần Vương ở Hoàng Hóa và Hậu Lộc.	
260.	Lê Văn	Thọ Xuân	Lê Văn (? - 1436), quê thôn Nguyễn Xá, huyện Lương Giang (nay là huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là Khai quốc công thần thời Lê sơ.	Phổ
261.	Đỗ Đông Uyên	Thọ Xuân	Đỗ Đông Uyên (1908-1986), quê làng Trung Lập, tổng Thử Cốc, phủ Thiệu Hóa, nay là xã Xuân Lập, Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	
262.	Nguyễn Đình Văn	Hoàng Hóa	Nguyễn Đình Văn (1860-?), có tên húy là Khang, hiệu là Ích Xuyên, quê ở làng Phượng Đình, xã Hoàng Anh, huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa, đỗ Phó bảng (1892), từng làm quan tới chức Án sát tỉnh Bình Thuận, tỉnh Khánh Hòa, giữ chức Quang lộc tự Thiếu khanh.	
263.	Lê Bá Trí	Quảng Xương	Lê Bá Trí (thế kỷ XVIII), còn có tên là Lê Bùi Vị, quê làng Nhân Hậu, xã Lưu vệ, tổng Lưu vệ, huyện Quảng Xương, phủ Tĩnh Gia (nay là xã Quảng Tân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa), là Đô đốc Thái giám, Tả Đô đốc thời Lê Trung hưng, được ban chức Tả Đô đốc, tước Quận Công.	
264.	Nguyễn Viên	Hoàng Hóa	Nguyễn Viên (1752 - 1804), người làng Hoàng Bột, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Cử nhân điện Học sỹ kiêm Thái thường Tự khanh thời Nguyễn.	
265.	La Viện	Nga Sơn	La Viện (?-?), người họ La, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã có tài dẹp sóng giúp vua, được vua phong là Áp lãng chân nhân (vị tiên có tài dẹp sóng).	
266.	Lê Viện	Hoàng Hóa	Lê Viện (1363- 1426), quê ở làng Dương Thành, xã Hoàng Thành, huyện Hoàng	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng khởi nghĩa Lam Sơn, được Lê Lợi giao chỉ huy nhiều trận đánh ở Nghệ An, phía Bắc, khi khởi nghĩa Lam Sơn toàn thắng, Ông được Lê Lợi ban là Hoàng Triều Trận Vương, truy tặng tước Lê Triều quận công.	
267.	Hoàng Xuân Viện	Hậu Lộc	Hoàng Xuân Viện (1871- 1936), người làng Bồ Đầu, xã Thuần Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là sĩ phu yêu nước tiến bộ. làm Phó tướng phụ trách Đồn Mỹ Khê trong Cuộc khởi nghĩa Ba Đình.	Đường
268.	Lê Vinh	Đông Sơn	Lê Vinh (1615- 1684), quê Xã An Hoạch, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa, đỗ Đệ tam Giáp đông Tiến sĩ, đời Lê Thánh Tông là Tả Thị lang thời Lê Trung hưng, khi mất được thăng Binh Bộ Thượng thư.	
269.	Nguyễn Huy Võ	Hoàng Hóa	Nguyễn Huy Võ (thế kỷ XIX), quê làng Bọt Thượng, xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa, là Tri huyện thời Nguyễn, Lãnh tụ Phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa.	
270.	Ngô Ngọc Vũ	Thiệu Hóa	Ngô Ngọc Vũ (? - 1945), quê ở Thiệu Vũ, Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, tham gia Chiến khu Ngọc Trạo, là Ủy viên Phủ ủy Thiệu Hóa thời kỳ trước 1945, trong cuộc chiến đấu chống Nhật về khùng bố, Ông chỉ huy tự vệ phục kích địch và đã anh dũng hy sinh.	
271.	Lê Ngọc Xích	Hoàng Hóa	Lê Ngọc Xích (1568 - 1640), quê ở xã Hoàng Đạt, huyện Hoàng Hóa, là Phụ quốc Thượng tướng quân, Đô chỉ huy sứ Cẩm Y thời Lê Trung hưng.	
272.	Nguyễn Xuân	TP. Thanh Hóa	Nguyễn Xuân (1831 - ?), quê làng Tào Xuyên, xã Hoàng Lý, huyện Hoàng Hóa (nay thuộc thành phố Thanh Hóa), tỉnh Thanh Hóa, là Án sát thời Nguyễn, Lãnh tụ Phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa.	
273.	Nguyễn Xuân	Hà Trung	Nguyễn Xuân (? - 1835), người huyện Tống Sơn, nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là danh tướng nhà Nguyễn trong lịch sử Việt Nam.	Đường
274.	Nguyễn	Triệu Sơn	Nguyễn Xúng (1867 – 1914), có tên còn gọi	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
	Xúng		là Cử Xúng, quê làng Phương Khê, Tổng Cổ Định (nay là xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn), tỉnh Thanh Hóa, đậu Cử nhân năm 1894, tham gia phong trào yêu nước từ năm 1905. Năm 1908, tham gia phong trào chống thuế ở Thanh Hóa và bị Pháp bắt tù đày đi Côn Đảo.	
275.	Lê Văn Xuyên	Tĩnh Gia	Lê Văn Xuyên (1806-1841), quê thôn Xuân Hoà, xã Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, có công trong việc thiết kế, chỉ đạo thi công Kinh Đô nhà Nguyễn ở Huế, khi mất được phong Ngũ Phẩm triều đình.	Đường
276.	Lương Văn Yên	Tĩnh Gia	Lương Văn Yên (?-?), quê ở huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa, tham gia Khởi nghĩa Lam sơn ngay buổi đầu, có công trong trận đánh năm Ất Tỵ cùng Lê Lợi thu lại Thành Tây Đô.	Đường

Tổng số: 276 danh nhân, trong đó đã đặt tên 30

2.3. Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân là liệt sĩ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
1.	Lê Thế Bùi	Quảng Xương	Lê Thế Bùi (1948 - 1980), quê ở xã Quảng Hòa, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng Công an nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.	
2.	Lê Đình Chinh	Hoàng Hóa	Anh hùng liệt sĩ Lê Đình Chinh (1960 - 1978), quê ở xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.	Đường Phố
3.	Trần Đức	Tĩnh Gia	Trần Đức (1917-1950), quê ở xã Hải Yên, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.	Đường Phố
4.	Nguyễn Văn Hiền	Thiệu Hóa	Nguyễn Văn Hiền (1950 - 1979), quê ở xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là liệt sĩ, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hi sinh khi đang làm nhiệm vụ.	
5.	Lê Minh Huân	Tĩnh Gia	Lê Minh Huân (1936- 1965), quê ở xã Hải Hoà, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hy sinh khi	Đường

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			đang làm nhiệm vụ.	
6.	Lê Công Khai	Hoàng Hóa	Lê Công Khai (1925-1954), quê ở xã Hoàng Phú, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.	
7.	Nguyễn Hùng Lễ	Quảng Xương	Nguyễn Hùng Lễ (1942 - 1968), còn có tên là Nguyễn Hồng Lễ, quê ở xã Quảng Tường, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, nay là khu phố Trung Kỳ, phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.	Đường
8.	Trương Công Man	Cẩm Thủy	Trương Công Man (1930 - 1952), quê ở xã Cẩm Phú, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.	
9.	Lê Trần Mẫn	Hoàng Hóa	Lê Trần Mẫn (1961 - 1985), quê ở xã Hoàng Phú, Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.	
10.	Hoàng Quý Nam	Thọ Xuân	Hoàng Quý Nam (1950 - 1979), quê ở xã Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hi sinh khi đang làm nhiệm vụ.	
11.	Nguyễn Đình Quân	Thạch Thành	Nguyễn Đình Quân (1950 - 1970), quê huyện Thạch Thành, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ..	
12.	Quách Văn Rạng	Thạch Thành	Quách Văn Rạng (1956 - 1979), quê ở xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.	
13.	Nguyễn Văn Sáu	Thạch Thành	Nguyễn Văn Sáu (1937 - 1968), quê thôn Phú Lộc, xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.	
14.	Cao Xuân Thăng	Quảng Xương	Cao Xuân Thăng (1955 - 1984), quê xã Quảng Văn, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hy	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			sinh khi đang làm nhiệm vụ.	
15.	Lê Hồng Thịnh	Quảng Xương	Lê Hồng Thịnh (1937 - 1967), tên khai sinh là Lê Văn Cáo, quê xã Quảng Thọ, huyện Quảng Xương, nay thuộc thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.	
16.	Lang Sỹ Thủy	Như Xuân	Lang Sỹ Thủy (1951-1973), quê ở xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hi sinh khi đang làm nhiệm vụ.	
17.	Vũ Tiến Trung	Tĩnh Gia	Vũ Tiến Trung (1944-1968), quê ở xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.	Đường
18.	Vũ Phi Trừ	Quảng Xương	Vũ Phi Trừ (1957-1988), quê xã Quảng Khê, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.	

Tổng số: 18 người, trong đó đã đặt tên 05

2.4. Anh hùng lao động

ST T	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
1.	Trịnh Xuân Bái	Thọ Xuân	Trịnh Xuân Bái (1911 - 1985), quê ở xã Xuân Thành, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lao động.	
2.	Đỗ Chanh	Tĩnh Gia	Đỗ Chanh (1921-1995), quê ở xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lao động.	Đường
3.	Đỗ Xuân Diễn	Quảng Xương	Đỗ Xuân Diễn (1932 - 2012), quê ở làng Thần Cốc, tổng Thái Lai (nay là Thôn Thần Cốc, xã Quảng Đức, huyện Quảng Xương), tỉnh Thanh Hóa, là Thiếu tướng Quân đội Nhân dân Việt Nam, Anh hùng Lao động.	
4.	Mai Xuân Điềm	Vĩnh Lộc	Mai Xuân Điềm (1935-1965), quê ở Xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lao động.	

ST T	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
5.	Nguyễn Minh Ro	Nga Sơn	Nguyễn Minh Ro (1947 - 1968), quê Nga Phú, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lao động.	
6.	Nguyễn Công Thiệp	Quảng Xương	Nguyễn Công Thiệp (1904 - 1991), quê làng Trường Tân, xã Quảng Hùng, huyện Quảng Xương, nay là thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lao động.	
7.	Nguyễn Xuân Trạc	Hậu Lộc	Nguyễn Xuân Trạc (1939 - 1992), quê ở Cầu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng lao động.	

Tổng số: 07 người, trong đó đã đặt tên 01

2.5. Bà mẹ Việt Nam anh hùng

STT	Họ Tên Mẹ	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
1	Lê Thị Dệt	Nông Cống	Lê Thị Dệt (1912-2001), quê xã ở Tế Tân, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, là Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Mẹ có 04 người con là liệt sĩ.	
2	Trương Thị Dư	Quảng Xương	Trương Thị Dư (1916 - 2010), quê ở xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, là Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Mẹ có chồng và 03 người con là liệt sĩ.	
3	Lê Thị Mai	TP. Thanh Hóa	Lê Thị Mai (1927 - 1962), quê ở Lệ Sơn, Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Nơi ở: Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa. Mẹ có 04 người con là liệt sĩ.	
4	Lâm Thị Lam	Tĩnh Gia	Lâm Thị Lam (1915 - 1980), quê xã Tân Dân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, là Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Mẹ có 03 người con trai và 01 con dâu là liệt sĩ.	Đường
5	Hoàng Thị Lý	Quảng Xương	Hoàng Thị Lý (1913- 2004), quê xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, là Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Mẹ có 04 người con là liệt sĩ.	

6	Trịnh Thị Tiết	Thiệu Hóa	Trịnh Thị Tiết (1912 - 1987), quê ở xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Là Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Mẹ có 4 người con là liệt sĩ.
7	Nguyễn Thị Thiệp	Nông Cống	Nguyễn Thị Thiệp (1909 -2001), quê ở xã Trường Trung, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Mẹ có 04 người con là liệt sĩ.

Tổng số: 07 người, trong đó đã đặt 01

Tổng số ngân hàng tên: 1.212, trong đó đã đặt tên 455, đề xuất 757